

# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỜI SỐ 57 — 15-5-1961

1.— Phật-giáo và văn-hóa . . . . .	Nguyễn-Vỹ	6— 9
2.— Phật giáo đang lan tràn trên các nước Âu Mỹ . . . . .	Tân-phong	10 — 15
3.— Bên hồ sen bạc (thơ) . . . . .	Thùy Giang	16
4.— Tuấn, chàng trai nước Việt . . . . .	Nguyễn-Vỹ	17 — 25
5.— Tiếng hát con chim sáo (truyện ngắn). . . . .	Bàng-Hoạch	26 — 30
6.— Ký giả thuở trước (hồi ký) . . . . .	Té Xuyên	31 — 36
7.— Nhân vật Xuân thu . . . . .	Thiếu-Sơn	37 — 42
8.— Đời sống các danh nhân trên thế giới: Tagore . . . . .	Tân Phong	43 — 48
9.— Du lịch Ấn-độ theo vết chân Phật . . . . .	Herbert May	49 — 52
10.— Ngoài phố (truyện ngắn) . . . . .	Linh Thi	53 — 58

11.— Ngày muốn thuở (thơ) . . . . .	Tống Anh Nghị	59
12.— Ba pho tượng sư tổ (truyện ngắn lịch sử) . . . . .	Nguyễn-Vỹ	60 — 64
13.— Một giấc mơ hoa . . . . .	Duyên Hồng	65 — 71
14.— Chuồng gà (truyện ngắn ngoại quốc) . . . . .	Diệu-Huyền	72 — 76
15.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới: Joséphine . . . . .	Tân Phong	77 — 82
16.— Những áng thơ hay . . . . .	Bàng Bá Lân	83 — 88
17.— Hoa đàm nở (thơ) . . . . .	Cầm Thủy	89
18.— Atala (truyện dài rút ngắn 4 kỳ) . . . . .	Trần Chu	90 — 95
19.— Minh ơi! . . . . .	Diệu Huyền	96 — 102
20.— Khóc cha . . . . .	Tôn nữ Hỷ Khương	103 — 107
21.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài) . . . . .	Nguyễn Vỹ	108 — 113
22.— Đáp bạn bốn phương . . . . .	Diệu Huyền	114 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)  
✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.  
• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.  
• Tous droits de traduction, d'adapatation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

# Phật Giáo và Văn Hóa



HÚNG tôi chỉ nhận xét Phật-giáo trên bình diện Văn-hóa thuần - túy. Chính-trị, tôn-giáo, triết học, thần-linh học, xin gát ra một bên.

Nhưng Văn-hóa là gì ?

Đĩ nhiên, chúng tôi nhận - chân ý-niệm Văn - trụ của Văn hóa, vô thời-hạn, vô không - hạn, bất phân Đông-Tây, bất luận kim cổ. Ý - nghĩa văn-

hóa không rời ra ý nghĩa nhân-văn. Văn-hóa là tổng-hợp của Chân, Thiện, Mỹ, ba thể-chất kết tinh trong tất cả sáng-tác thông-minh, của Thiêng-liêng hay của Người.

Chính-trị có thể giả dối, lừa gạt, (Machievé đã chứng minh như thế); tôn-giáo có thể mê lầm, triết-học có thể bất nhất, thần-học có thể thiếu căn-nguyên. Chỉ có sáng-tác thông-minh và trường-cửu của trí óc, — Trí óc của Thượng-đế và trí óc của Người — là vĩnh viễn *Chân*, vĩnh viễn *Thiện*, vĩnh-viễn *Mỹ*. Bao-gồm tất cả sáng tác thông minh, và trường cửu, là Văn-hóa vậy.

Chúng tôi muốn tìm hiểu Phật-giáo một cách rất khách quan, nghĩa là không phải theo tổng-hợp các tư chất tôn-giáo, chính-trị, triết học, thần học. Chúng tôi muốn phân tách Phật-giáo với quan điểm phê bình khoa học, để tìm đâu là *Chân*, *Thiện*, *Mỹ*, cũng như nhà Vật-lý nhìn chiếc Mống qua bảy màu sắc thiên-nhiên của nó.

● **CHÂN.** — *Phật-giáo thuần túy* không đặt ra vấn-đề Thượng Đế (Dieu) làm căn bản cho giáo-lý. Có thể ý-niệm Thượng-đế là đúng. Nhưng Thích-Ca Mâu-Ni không bao giờ nói đến. Cho đến đời Ngài không hề đề-cập, hoặc gần, hoặc xa, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng tượng trưng, đến sự kiện «Thiêng-liêng». Có một lần, một Đệ-tử của Ngài là Ananda có hỏi về điều thắc-mắc ấy, đại khái Phật đáp :

« Hỡi Ananda, thí-dụ ta là bệnh-nhân, này có lang-y đem thuốc đến cứu ta, ta cứ uống thuốc cho lành bệnh, hay là ta hỏi : thuốc này do đâu mà ra, từ đâu mà có? »

Sắc *Chân* của Phật-giáo thổ-lộ rõ-ràng trong câu trả lời ấy. Loại người đang đau khổ trong kiếp sống. Tất cả mọi người đều đau khổ. Phật dạy cho Tứ-Điệu-Đế là phương - pháp cứu khổ. Không cần biết do đâu có phương-pháp cứu-khổ. Không cần biết « ai » sinh ra đời, « ai » làm cho đời người phải *sinh, bệnh, lão, tử*.

« ai » tạo ra nghiệp-chương (Karma) trong a-tăng-kỳ kiếp. Phật-giáo không cần giải-quyết các vấn-đề của tạo-hóa, chỉ tìm phương-pháp giải-thoát cho chúng-sinh ra khỏi đau khổ (Dukkha) mà thôi.

Như thế, nếu gọi Phật-giáo là một tôn-giáo, thì đây là một « tôn-giáo » của Người, chứ không phải « tôn-giáo » của « Thượng-Đế ». Phật Đạo tức là Nhân-đạo. Đạo bình-đẳng của Người với Người, của Đạo với Đạo.

Trong mấy chục năm thuyết-pháp, truyền Dharma cho chúng-sinh, luôn luôn Thích-Ca-Mâu-Ni lấy tư-cách NGƯỜI khuyên-bảo NGƯỜI. Người đã tìm Chân-lý vạch đường giải-thoát cho người chưa tìm chân-lý. Tất cả các tín-điều của Phật, *Tứ-Diệu-Đế*, *Thập-Nhị Nhân-Duyên*, *Luân-Hồi*, *Nghiệp-chương*, đều quy về một mục-phiêu giác-ngộ : thoát khỏi các mê-làm, để thoát khỏi đau-khổ. Địa-ngục của Phật-giáo, là tượng-trưng cho mê-làm, đau-khổ. Thiên-đường của Phật-giáo là tượng-trưng cho giải-thoát, vô-ưu. Niết-bàn của Phật (Nibbana) là KHÔNG, nghĩa là CÓ. Cái KHÔNG của Phật-giáo chính là cái CÓ của chân-lý. Nibbana (Nirvana) là tuyệt-đích của CHÂN.

● THIÊN.— *Chân* là Hồn, là Trí, *Thiện* là Tâm. Trong giáo-lý của Phật, phần *Xác* không quan-trọng. *Xác* là vô-ngã, là hình, là bóng. Cho đến cái *Tâm* cũng không phải là cái *Tâm* của xác. *Tâm* như ngọn đèn, có thể sáng trong nhà, có thể sáng ngoài sân, có thể sáng khắp nơi. *Tâm* ở trong, *Tâm* ở ngoài, *Tâm* ở khắp cả. Cho nên Phật nói : « Phật tại Tâm ». Phật ở nội Tâm, ở ngoại Tâm, ở vô-cùng vô tận Tâm, ở cả trong vô-Tâm.

Tâm đó chính là *Thiện* vậy. Bởi *Ác* là Mê-làm, là Đau-khổ, cho nên *Thiện* giải-thoát được Mê-làm, đau-khổ. Ý-niệm *Thiện* của Phật-giáo bao-trùm các trạng-thái, gồm cả 12 « nhân-duyên », từ trong trí-nghĩ, đến việc làm, từ trong *Subscient* của triết-học Tây-phương, cái tiềm-thức, cho đến ý-thức, kiến-thức, hành-thức. *Sắc-Thiện* của Phật không phải chỉ phát-huy trong đức-tính *Tà-Bi*, *Bác-Ái* mà thôi. *Thiện* là Toàn-Năng, Toàn-Hào, trên toàn-diện của Tâm.

● MỸ.— Toàn *Chân*, toàn *Thiện*, ấy là toàn *Mỹ*. *Mỹ* của *Thiện*, *Mỹ* của *Chân*, là tuyệt-đích *Mỹ*, *Mỹ* là cứu-cánh của *Chân*, *Thiện*, và chính *Mỹ* là khởi-điểm của *Chân*, *Thiện*.

Sắc *Mỹ* của Phật tính, gồm trong một Chữ NHƯ : *Như* Phật. Toàn-Chân *như* Phật, toàn *Thiện như* Phật, đấy là toàn *Mỹ*.

Thích-Ca Mâu-Ni không có ý-niệm phân-tách con người ra phần Hồn và phần Xác. Như chúng tôi đã nói trên kia, phần xác không thành vấn-đề. Phần xác phụ thuộc. Phật-giáo chỉ chú-trọng vào *Tâm* và *Trí*. Bởi lẽ cây cỏ cũng có xác, vạn vật trên đời sống đều có xác như nhau. Chỉ có *Tâm* và *Trí* (hồn), là hai yếu-tố đặc-biệt của sinh-linh.

Cho nên, cái *Mỹ* của Phật-tính không phải tô-điểm vật-chất của xác. Nó là sắc-thái của *Chân* và *Thiện*.

Đạt đến *Chân-lý*, đạt đến *Thiện tâm*, NHƯ Phật, là đạt đến toàn *Mỹ* NHƯ Phật



Chúng tôi xin tóm-tắt :

Tìm-hiểu Phật-giáo thuần-túy với những nhận-xét khách-quan trên bình-diện Văn-hóa, không so-sánh với bất cứ một tôn-giáo nào, ai cũng có thể thấy rõ ràng : từ trên 2500 năm, Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đã vạch rõ cho loài người con đường giải-thoát ra khỏi Mê-làm, khỏi *Tham-Sân-Si*, khỏi *Ô-nhục*, tức là giải-thoát *Tâm* và *Trí* đến tuyệt-đích của CHÂN THIÊN MỸ vậy.

N. V.



# PHẬT-GIÁO

đang tràn-lan  
trên các nước

# ÂU - MỸ

## \* TÂN-PHONG

**K**HI người Âu - Mỹ chưa hiểu thấu - triết giáo lý của Đức Thích

Ca Mâu-Ni, thì họ còn cho rằng Phật chỉ là một vị Thần do óc mê-tín dị-đoan của người phương Đông đặt ra để cúng thờ, cũng như các vị Thần của Ai-Cập, Hy-Lạp, Assyrie, Indoustan ... từ thời Thượng-cổ. Thêm vào đó, có cái mặc-cảm tự-cao tự-đại của các nước Tây-Phương sang chinh phục và chiếm-cứ các lãnh-thổ Đông-Á : Ấn-Độ, Diến-Điện, Đông - Dương, Indonesia, là những nước mà hầu hết dân-chúng đều theo đạo Phật. Phải nhìn nhận rằng các nước Tây-Phương quả thật là văn-minh, nhưng họ tưởng rằng trên Trái-Đất này chỉ có họ là văn-minh mà thôi, còn các dân-tộc Á-Đông, *Indiens*, «*Annamites*», *Malais*, *Chinois*, đều là các giống dân bán khai, còn «mọi rợ» không kém gì bọn Mọi da đen ở Phi - châu, cho nên Phật Thích-Ca Mâu-Ni cũng không đáng cho họ tôn kính và thờ phụng.

Sự lầm-lẫn u-âm kia kéo dài mãi cho đến đầu Thế-kỷ XX. Nhưng từ đây, xảy ra hai sự-kiện rất quan - trọng trong Lịch-Sử, khiến người Âu-Mỹ phải vô-cùng

kinh-ngạc, và dần dần giác-ngộ.

● SỰ-KIỆN THỨ NHẤT là sự khám-phá, nghiên-cứu và học hỏi của một số đông các nhà Bác-học lừng danh của Tây-Phương, về lịch - sử và giáo - lý của Đức Phật Thích-Ca-Mâu - Ni. Các nhà học - giả thông thái, Edmond Chavannes, Sylvain Lévi, Gauthiot, Stein, Pelliot, v.v... phần nhiều là người Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Úc, Ý, bắt đầu tìm học trong các kinh-sử bằng tiếng Phạn tất cả những giáo-lý uyên-thâm của Phật, và kinh-ngạc thấy rằng trên 500 năm trước Đức Chúa Jesus Christ, Phật Thích-Ca đã giảng thể để truyền bá cho loài người đạo TỬ BI, BÁC ÁI.

● SỰ KIỆN THỨ HAI đã xảy ra đầu thế kỷ XX, khiến cho nhiều nhà học-giả Tây Phương xu-hướng về đạo Phật, là trận THẾ GIỚI ĐẠI - CHIẾN 1914-18.

Người ta nhận thấy rằng loài người cứ tìm cơ-hội để chém giết nhau mãi, và mỗi lần đại-chiến như thế là có hàng bao nhiêu triệu người vô-tội bị chết một cách cực-kỳ dã-man. Nếu

PHẬT GIÁO ÂU MỸ

loài người đừng có tham lam, ích kỷ, tàn bạo, nếu ai nấy đều sống theo đạo Từ-Bi, Bác-ái, chủ trương huynh đệ và bình đẳng của Phật, thì làm gì có chiến tranh ?

Do ảnh-hưởng của hai sự-kịch lịch-sử trên đây mà một số đông người Tây-Phương, hầu hết là trong các giới trí thức, tự nhiên hướng về Phật-Giáo.

Phật giáo bành trướng ở Âu Mỹ

★ ĐỨC

Người có công nhất trong việc truyền - bá Phật - giáo ở Đức là Bác-sĩ GEORGE GRIMM, tác-giả những quyển sách viết bằng tiếng Đức : *Die Lehre der Buddho* (giáo - lý của Phật), *Die Religion der Vernunft und der Meditation* (Tôn giáo của Lý-trí và Suy-Tưởng), do Giáo-hội Trung-ương của Đức *Altbuddhistische Gemeinde*, (sáng-lập năm 1921) xuất-bản năm 1921 và năm này đã tái bản đến 14.000 quyển.

Trước George Grimm, đã có FRIEDRICH ZIMMERMANN (1851 - 1917), dưới pháp danh là Tỳ-khuru SUBHADRA đã viết quyển *Buddhist Catechism* (Phật-giáo đại-cương).

Quyển này đã được tái-bản 14 lần, và được dịch ra nhiều thứ tiếng (Bản dịch ra Pháp văn, do Ernest Leroux) Đạo hữu và đệ tử của George Grimm, đương thời : có K. E. NEUMANN Nhà Bác-học WINTERNITZ, Bác-sĩ KARL SEIDENSTÜCKER (1876-1936), Bác-sĩ OLDENBERG, v. v... Bác sĩ Grimm thọ được 78 tuổi, chết năm 1945. Kế tiếp ông, là con gái của ông, Maya KELLER, và một đồ đệ khác là MAX HOPPE.

Hiện nay Trụ-sở Giáo - hội Đức, ở tại Utting-on-Ammersee, được đặt tên là Phật - đường George Grimm. Từ sau Đệ-nhi Thế chiến, Phật giáo càng bành

PHẬT GIÁO ÂU MỸ

trướng mạnh hơn ở Đức, và tín đồ càng ngày càng đông đảo hơn.

Năm 1955, có lập thêm nhiều trụ sở mới, *Deutsche Buddhistische Gesellschaft* (Hội Phật-giáo Đức tại Franckfort - am - Main), *Buddhistische Gesellschaft Hamburg*, (Hội Phật-giáo tại Hamburg) và các Hội Phật - giáo *München* (Munich), *Berliner* (Berlin, thủ đô Đức), *Stuttgart*, v.v..

Chủ-tịch Giáo-hội Trung-Ương Đức hiện nay là Giáo-sư HÜBOTTE, tổng thư ký là Bác sĩ FÉLIX KNOBELOCH. Chủ-tịch tỉnh hội Munich là Bác-sĩ VON MENG; Chủ-tịch tỉnh hội Hamburg là Bác - sĩ WILLHENS STEGEMANN; Chủ-tịch tỉnh hội Stuttgart là Thày Trụ-trì LUDWIG ANKENBRAND.

Từ 1952, lại có lập ra tại Thủ đô Berlin một chi-nánh *Arya Maitreya Mandala* của Phật-giáo Tây-Tạng và một trường « Đại-thừa học-hiệu », do Tỳ-khuru HARRIS E. PIEPE quản-đốc. Giáo-phái này có một ngôi chùa ở Berlin-Frohnau lập năm 1957, do thầy trụ-trì HANS-ULRICH RIEKER trông coi.

★ PHÁP

Hội « *Les Amis du Bouddhisme* » (Bạn thân của Phật-giáo) thành - lập tại Paris năm 1929, chủ-tịch là cô G. CONSTANT LOUNSBERRY, tổng thư ký là Bà LA FUENTE. Hai vị Nữ Phật-tử này trước kia, hồi Đệ nhất thế-chiến 1914-18, đều là nữ y-tá ở các bệnh-viện Quân-y. Do sự chán-ghét chiến-tranh vì đã cảm thông hằng ngày với những cảnh bi - thảm ở chiến-trường, nên hai cô bạn y-tá rủ nhau theo đạo Phật và lập ra cơ - quan học - hỏi và truyền bá Phật-giáo đầu-tiên ở Pháp. Nơi đây có những Phật-tử trung-kiên, và toàn là những bậc trí-thức uyên-thâm : như cô SUZANNE KARPELES, một nhà Nữ Bác-học lừng-danh thế-giới.

Thi-sĩ MAURICE MAGRE (chết năm 1942) cũng là một Phật-tử rất hăng - hái trong việc truyền đạo, và nhà vật - lý - học BUNAU VARILLA RYS DAVID, Giáo-sư SYLVAIN LÉVY, Bác - sĩ MAILLE, FRANC PRAT, LEPREUX, BARBARIN, v.v..

Năm 1939, tạp-chí « *La Pensée Bouddhique* » (Tư-tưởng Phật)

ra đời, còn sống mãi đến ngày nay. Số Phật-tử mỗi ngày mỗi đông, và số đông sinh-viên ở Paris thường đến Thư-viện của hội gồm toàn các kinh sách Phật, ở tại đường Lhomond. Một Phật-tử thông thái là PAUL ADAM đã được nhập vào tăng-giới, với pháp - danh Tỳ - khuru ARYA-DEVA. Bà La Fuente đã mệnh-chung năm 1958 tại Paris. Đám táng của Bà được cử theo nghi-lễ Phật-giáo.

**\* ANH**

Phải kể tên người Anh đầu tiên, R. J. JACKSON, mặc áo cà-sa, với pháp - danh là ANANDA METTEYA, truyền đạo Phật tại Anh - quốc từ năm 1902, và khiến cho người Anh hết sức ngạc - nhiên và... chế nhạo ông. Năm 1905, khi ông dựng một cái lều sơn màu đỏ da-cam để bán xà-phòng tại công-viên Regent Park, với một biểu-ngữ « truyền Phật - pháp cho những ai mà cặp mắt còn ít bị mù-quáng bởi bụi đời ảo-mộng » (*Proclaim the Dhamma to those whose eyes were scarce covered with the dust of illusion*), thì hầu hết người Anh ở London đều

cho ông Jackson là kẻ điên-khùng..

Rồi Thế-giới đại-chiến 1914-18. Sáu năm sau, năm 1924 Hội Phật-giáo Anh-quốc được thành lập, với một số Phật-tử khá đông : BUDDHIST SOCIETY OF GREAT BRITAIN AND IRELAND. Chủ - tịch là nhà Bác-học CHRITMAS HUMPHREYS.

Năm 1926, Phật học đường Anh-quốc được mở cửa tại 78, Lancaster Gate, để phổ biến Phật giáo cho công chúng.

Các Phật-tử đầu tiên, CHUMPHREYS, A.C. MARCH, bắt đầu viết sách và diễn-thuyết, hoặc tại học đường, hoặc trên đài phát thanh B.B.C., hoặc viết bài phổ biến trong các báo, nhất là trong hai tờ báo *Spectator* và *Picture Post*. Nhờ lòng kiên nhẫn và chí trung-kiên với Phật giáo suốt trên 37 năm trời của các Phật-tử tiên phong, ngày nay Phật-giáo đã vạch đường tu học sáng sủa và rộng rãi cho một số rất đông nhà trí thức và công chúng ở Anh-quốc.

Từ sau Thế-giới Đại - chiến thứ Hai, 1939-1945, các nước khác ở Âu-châu, như Ý, BELGI-

QUE, SUISSE, và ở HOA-KỲ, ở AUSTRALIA, Phật-giáo bắt đầu bành trướng. Ở Hoa kỳ, đã có nhiều nơi có Phật-học đường (*Buddhist Study Group*), Phật-học-hội (*Buddist Society*) và Phật-học Hàn-lâm-viện (*Buddist Academy*), và hội Mỹ-quốc phụ-nữ Phật-học hội (*American Buddhist Women*).

Ở Australia (Úc), có *Buddhist Association* (Phật-giáo ái - hữu-hội) ở Victoria, và *New South Wales Society*. Hai hội này sắp nhập lại thành Buddhism Federation (Liên-đoàn Phật giáo), có một tờ báo Phật học *Metta* làm cơ-quan.

Tại sao Thế kỷ XX Phật-Giáo bắt đầu tràn-lan trên thế - giới ? Như tôi đã nói qua trong đoạn trên, tại vì một số đông đã bắt đầu ghé-tỏm chiến-tranh, chán ghét lòng tham - lam ích kỷ và tính tàn-bạo của loài người.

Tại vì một số đông đã nhận chân giáo-lý Từ - bi bác - ái của ÇAKYA MUNI.

Cho nên, sau một cuộc chiến-

tranh rùng-rợn bao nhiêu, Phật - giáo được thịnh-hành bấy nhiêu. Suốt ba ngàn năm nay, Phật-giáo không hề một lần nào gây ra cuộc chém giết vô nhân-đạo giữa người và người. Từ vua Açoka của Ấn-độ, Jayavarman VII của Chiêm-thành, đến các vua nhà Lý của Việt-Nam, hễ thời-kỳ nào Phật-giáo thịnh-hành là chiến-tranh không có.

Nếu thí dụ một ngày kia, chế-độ tư-bản của Mỹ, hay là chế-độ Cộng-sản của Nga, sẽ thắng toàn diện trên Thế giới chẳng nữa, và thí dụ họ sẽ mở cửa « Thiên-đàng » cho nhân loại, thì ngày ấy chiến tranh cũng vẫn còn. Vì lòng tham lam ích kỷ của loài người vẫn chưa làm sao tiêu-diệt được. Trái lại, nếu một ngày kia Phật-giáo sẽ không cần đến chiến tranh mà thắng, nếu ngày ấy toàn thể nhân-loại sẽ sống theo giáo-lý Bình-đẳng, Bác-ái, Từ-bi, nhân-đạo của Çakya Muni, thì chiến-tranh sẽ không thể có được nữa. Đó là cái bí-quyết giải thoát loài người khỏi *Dukkha* (Đau khổ) và khỏi *Karma* (Nghiệp-báo) của Đạo Phật vậy !

# BÊN HỒ SEN BẠC



*Đêm qua ngồi tựa máng cầu,  
Mơ màng em ngắm sen bầu dâng hương.  
Lòng em man mác tơ vương,  
Xa xôi cách trở tình thương nã-nề.*

*Đêm buồn thấy cảnh buồn ghê,  
Bao giờ trăng sáng trở về thôn xưa ?  
Anh ơi ! sen nở đầu mùa,  
Hãy về thôn Phước vui đùa với em.*

*Lên cầu vọng cảnh ngồi xem  
Sen bầu nở nhụy dâng thêm hương tình.  
Cùng em thêu dệt mộng xinh  
Cùng em ngắm ánh trăng thanh đêm rằm.*

*Cùng em bày tỏ nỗi lòng  
Qua bao năm tháng em hồng ước mơ.  
Cùng em dệt mấy vần thơ  
Ghi vạt cảm tưởng những giờ bên nhau.*

*Đêm qua ngồi tựa máng cầu,  
Mơ màng em ngắm sen bầu dâng hương.  
Lòng em man mác tơ vương  
Những đêm thanh vắng em buồn nhớ anh.*

*Đêm qua trăng sáng đầu ghềnh,  
Bên hồ sen bạc một mình bơ vơ...*

**THÙY-GIANG**  
(Phước-Lộc — Huế)

## TUẤN,

**chàng  
trai  
nước  
Việt**

« carré », vì Quan Đốc - học trường Nhà-nước đã truyền lệnh như thế. Nhưng năm 1910, tại nơi tỉnh lỵ mà tôi đang nói đây, — cũng như tại các tỉnh khác ở Trung Việt, chỉ mới có một vài người làm nghề hớt tóc mà thôi. Chú Bảy theo ghe nước mằm vào Đồng - Nai học nghề cúp tóc trước đó một vài năm. (Lúc bấy giờ, cho đến khoảng 1920, ở các tỉnh Trung Việt, người ta vẫn gọi Sài Gòn là Đồng-Nai. Danh-từ « Sài Gòn »

chưa được thông-dụng). Chú mua kéo, « toon-đơ », dao cạo, cũng ở tại Đồng - Nai, đem về mở tiệm

cúp tóc ở tỉnh lỵ. Nói là mở tiệm, nhưng chú chỉ thuê một xó hè của một tiệm buôn khách trú, đặt một cái bàn con, một chiếc ghế đầu, và treo một tấm-kiến trên vách tường, thế là đủ cho chú hành nghề. Chú treo tấm vải trắng phía ngoài đường, trên vải chú viết bằng mực Tàu một chữ Tây : « COIFFEUR »,



(Tiếp theo P. T. số 56)

### ● NGUYỄN-VỸ

**Ô** NG Xá khóc, bà Xá khóc, chàng thanh-niên Lê - văn - Thanh cũng khóc, nhưng rất cuộc rỗi cái búi tóc trên đầu chàng cũng phải cắt bỏ đi, tóc phải cúp

và chưa ở dưới hai chữ Hán : 剃髮 (Thế-Phát = cắt tóc) Chữ Quốc-ngữ vì chưa được truyền bá, ít người biết, nên chú thợ cạo tóc chỉ viết quảng-cáo bằng chữ Hán và chữ Tây, mặc dầu chữ Tây cũng chưa mấy người học đến. Chú đề chữ Tây cho oai, bắt chước tiếng Tây học lóm trong Đồng-Nai, và thỉnh-thoảng chú nói với một vài bác lính-tập : " Tui làm *cốp-phơ* cho Quan Công Sứ. (1)

Vì vậy mà trong tỉnh, người ta gọi chú là « Chú Bảy Cốp-phơ ».

Chiều hôm ấy, chàng thanh-niên Lê-văn-Thanh đến tiệm hớt tóc, nét mặt rầu-rĩ, nói với Chú Bảy « Cốp-phơ » :

— Chú Bảy đem đồ qua nhà tôi, cạo tóc cho tôi được không, chú ? Vì ông Già tôi còn phải cúng Ông Bà để cho tôi cắt tóc.

Chú Bảy Cốp-phơ gật đầu lia-lịa :

— Thầy Xá nói phải. Cái búi tóc trên đầu mình là của Ông Bà cha mẹ. Cắt nó đi là có tội, cho nên phải cúng Ông Bà. Cúng một lần rồi sau khỏi cúng chớ sao !

— Quan Đốc-học bắt học-trò phải cắt tóc, tôi tuân lệnh Quan, chớ nói thiệt với chú, người An-Nam mình có cái búi tóc

để thờ Ông Bà cha mẹ, cắt đi là phạm tội bất hiếu.

— Phải ! Cậu Bốn có học sách Thánh - Hiền cậu nói tôi nghe được.

Chú Bảy Cốp-phơ gói dao, kéo, toon-đơ, gương, lược, vào trong một gói vải đỏ rồi xách tòn-teng đi theo cậu Bốn Thanh đến nhà Ông Xá. Trên bàn thờ Ông Bà, đã có bày một hộp tràu cau, một nải chuối chín, và một con gà luộc. Một mâm gỗ lớn đựng mười chén cháo và mười đôi dưa, đặt trên bộ ván kê trước bàn thờ. Ông Xá thắp đèn hương, đứng khấn-vái hồi lâu. Ông khấn như sau đây : « Bữa nay, thằng con bất hiếu là Lê-văn-Thanh, tuân lệnh Quan, phải cắt tóc để đi học trường Nhà-nước, nên có lễ-vật để cáo với liệt vị Tiên-nhân, các bậc Cao-tằng Tồ-khảo, với Tồ-phụ, Tồ-mẫu, chúng giám. Xin vong-linh liệt vị phù-hộ cho con cháu, để nó học hành, công-danh hiển-đạt ». Khấn xong, ông lấy ba lạy. Đến lượt Lê-văn-Thanh, áo dài, khăn đen với cái búi tóc trên đầu, cũng lạy ba lạy. Xong

(1) Chủ tỉnh người Pháp, hồi Pháp-thuộc.

nghe-lễ cáo với Ông Bà, ông Xá đưa tay vẫy gọi Chú Bảy Cốp-phơ đứng khúm-núm ngoài hè. Chú vào, kéo một chiếc ghế để ngay trước bàn thờ, bảo Lê-văn-Thanh ngồi. Thanh gỡ cái khăn đen trên đầu ra, cung-kính đặt nó trên một chiếc khay bên cạnh mâm cháo gà, vái thêm ba vái nữa rồi mới ngồi ghế. Chú Bảy bảo chàng xỏ búi tóc ra. Một lọn tóc đen mượt chảy lòng-thòng xuống đến nửa lưng. Chú Bảy Cốp-phơ tự thấy mình đang đóng một vai trò trọng đại, nên chú làm ra vẻ oai-vệ, lấy vạt áo lau lại hai lưỡi kéo trước khi đưa lọn tóc nắm vừa-vặn trong bàn tay, rồi tay kia cầm kéo cắt sát trên đỉnh đầu. Tóc dày quá, kéo thì lứt, Chú Bảy phải xấp-xáp bốn năm lượt búi tóc mới rơi hết xuống đất thành một đồng đen ngòm.

Bà Xá đứng gần đấy, oà lên khóc thê-thảm, quây lưng đứng-dình vào nhà trong. Ông Xá rung-rung hai ngón lệ. Trên bàn thờ, ba que nhang cùng tỏa ra một làn khói thơm nồng, cuộn-cuộn lên cao. Ngọn đèn dầu-phụng cháy tỏ, như thể có vong hồn các đấng Tiên-nhân đang

chứng-minh nghi lễ « thế phát » của đứa con trưởng-nam trong gia-đình.

Chú Bảy cầm « toon-đơ » ủi một đường từ ót lên tới đỉnh đầu. Một luống tóc theo lưỡi toon-đơ bị hất ra hai bên, rụng tơi-bời xuống ghế. Nhiều mớ tóc còn muốn bám chặt vào cổ áo của Lê-văn-Thanh, chưa chịu rời ra.

Thanh ngồi cúi đầu, yên lặng, không quây-cựa. Chàng có cảm-tưởng đang cam-chịu một thay đổi lớn-lao trong đời chàng, và mỗi mớ tóc xác-xơ rơi xuống đất là một chút dĩ-vãng đang rời khỏi đầu-óc của chàng trai nước Việt đương buổi giao-thời.

Nén nhang trên bàn thờ vừa tắt, thì tóc của Lê-văn-Thanh cũng vừa hớt xong, theo kiểu « ca-rê » (2). Chú Bảy lấy dao, cạo tét chung quanh gọn-gàng, sạch-sẽ, xong đưa tấm khăn cho Thanh soi, và cười đắc-chí, bảo :

— Cậu Bốn thấy không, cái đầu của cậu cạo ca-rê như vậy có khác gì cái đầu của thầy Thông, thầy Ký đâu nè !

(2) Carré = vuông.



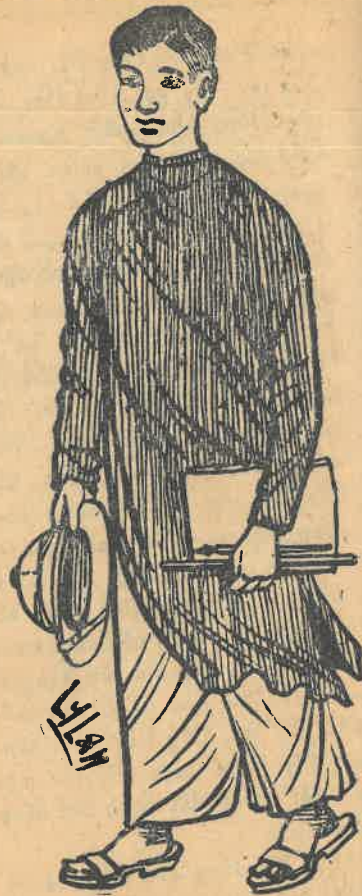
Lê-văn-Thanh soi gương, tủm-tủm cười. Nghe chú Bảy Cốp-phơ khen cái đầu chàng giống đầu thầy Thông thầy Ký, chàng khoái lắm, nhưng không dám nói ra. Chàng chỉ nghĩ rằng, mai hay một, cô Ba Hợi trông thấy đầu chàng, chắc sẽ mê chàng ngay.

Hót tóc xong, chú Bảy khoe cái toon-dơ cho ông Xá coi. Ông Xá ngắm - nghĩa, trầm-trồ khen-ngợi « cái máy toon-dơ », rồi xĩa ra hai tiền, trả công cho chú. Sẵn dịp, ông mời người thợ cúp-tóc ở lại ăn cháo gà với gia-đình ông cho vui.

Lê-văn-Thanh đã cúp tóc, nhưng vẫn còn bịt khăn đen cấp sách đi học. Đến trường, Quan Đốc bảo chàng bỏ khăn ra, và quan cho chàng một chiếc mũ trắng, để đội lúc đi ngoài đường. Quan Đốc còn dặn cần-thận :

— Ngồi trong lớp học hay trong nhà, không được đội mũ. Đi ngoài đường, khi gặp quan Đốc hay Thầy Giáo, phải đội mũ ra đề chào.

Chàng đã 18 tuổi, mới vào học lớp Năm. Nhưng chàng không ngưng, vì thời bấy giờ



Thanh niên học sinh Việt Nam năm 1910

theo học chữ Hán học trò toàn là 17, 18 tuổi sắp lên. Cho đến 40, 50 tuổi, vẫn còn có thể là học trò. Tụi con nít như thằng Chuột

chưa phải là học trò chánh hiệu. Và lại, « Trường Nhà - nước » mới mở, học trò còn hiếm lắm. Ngay ở trường tỉnh này, trong niên-khoá 1911-1912, lớp Năm chỉ được 10 trò, trong số có 4 trò từ 8 đến 10 tuổi, còn 6 trò trai-tráng từ 18 đến 20 tuổi.

Bỏ chữ Hán học qua chữ Quốc-ngữ và chữ Tây, Lê-văn-Thanh vẫn tỏ ra một thanh-niên cần - mẫn, rất thông - minh và chăm học. 20 tuổi, học hết lớp Ba, có một kỳ thi gọi là « Thi Tuyển-sanh ». Các môn thi gồm có một bài « ám-tà » Pháp-ngữ, mấy bài toán đố, bài luận Pháp-văn, và một bài luận Quốc-ngữ. Vào « khâu-vấn », chỉ hỏi về Cửu-chương, Riêng về Cửu-chương, Thầy Giáo lại cho học chữ Hán để cho dễ nhớ. Mấy ngày trước hôm thi, đêm nào Lê-văn-Thanh cũng đọc thật to bản Cửu-Chương đại khái như sau đây :

Cửu-cửu bát-nhất (9, 9, 81)  
 Bát-cửu thất-nhì (8, 9, 72)  
 Thất-cửu lục tam »  
 Lục cửu ngũ tứ »  
 Ngũ cửu tứ ngũ, »  
 Tứ cửu tam lục »  
 Tam cửu nhị thất »

Nhì cửu nhất bát »  
 Nhất cửu như cửu »  
 v.v...

Cho đến khi nào chàng nhắm mắt đọc trôi chảy, thật nhanh và không vấp một chữ, từ số 9 đến số 1 chàng mới đi ngủ. Kỳ thi Tuyển-sanh, Lê-văn-Thanh đậu thứ nhì. Về nhà, ông Xá bà Xá vui mừng giết một con gà nấu cháo, cúng tạ ơn Ông Bà.

Mỗi năm lên mỗi lớp, đến năm 22 tuổi Lê-văn-Thanh học hết lớp Nhất, được đi thi « Khóa-sanh », nói theo tiếng Pháp là thi « Ri-me » (1). Thi « Ri-me » rất khó-khăn vì có « ông Tây » chấm thi, và hầu hết các môn thi đều bằng chữ Tây. Lê-văn-Thanh bây giờ đã hoàn-toàn là một cậu học-trò « Trường Pháp-Việt », học chữ Tây, nói tiếng Tây, tuy chưa phải là thứ tiếng Tây đúng - đắn, nhưng cũng cứ nói được, hiểu được khá nhiều, và có thể bập-bẹ đối-đáp với « ông Tây bà Đằm » được lắm.

Thí-sinh vốn vẹn chỉ có 10 người, cả 10 đều thi đậu. Thí-

(1) Certificat d'Études Primaires Franco-indigènes.  
 (Bằng sơ-học Pháp-Việt)

sinh trúng tuyển bằng cấp "Ri-me", được gọi là Cậu Khoá. Đề khuyến khích học-trò các khoá sau đi học cho đông, "Nhà-nước Bảo-hộ" truyền lệnh các làng sở-tại phải rước các "cậu-Khoá" về làng một cách long trọng, như rước các ông Nghè ông Cống của Nho-học vậy.

Một tuần lễ sau hôm tuyên-bố kết quả kỳ thi Ri-me năm 1915, là ngày cậu Khoá Lê-văn-Thanh được rước về làng. 8 giờ sáng, cậu mặc áo dài đen mới may bằng « vải trắng-đằm », mang đôi guốc cùn, đội mũ trắng, được Quan Đốc-học dẫn đến chào « Quan Công-sứ » Pháp, và quan Tuần-vũ. Trước cổng đình quan Tuần, chức sắc và dân làng sở-tại, quê-quán của cậu Khoá, đã tề-tụ rất đông với cờ quạt, trống chiêng, và một chiếc xe kéo gỗ, bánh bọc bằng niên sắt. Lúc bảy giờ, từ khoảng năm 1910 đến 1920, các tỉnh Trung-Việt chỉ có xe-kéo bánh sắt, chưa có bánh cao-su.

Từ trong đình quan Tuần-Vũ ra, cậu Khoá Lê-văn-Thanh được ông Hương-Hào trong làng mời lên ngồi trong xe. Trống và chiêng đánh ba hồi, thêm ba tiếng. Đám

rước bắt đầu đi. Trống và chiêng đi trước, vừa đi vừa đánh ba tiếng đều đều, kể đến một người dân cầm một bức trường thù bốn chữ Hán, « Tân-học khoá-sanh », rồi hai giầy cờ đuôi-phụng, đủ các màu rực rỡ xanh đỏ tím vàng, phất-phơ trong gió. Chiếc xe « Cậu Khoá » đi giữa, do một người phu kéo, bước thong-thả, theo một nhịp với mấy người dân cầm cờ. Niên sắt của bánh xe lăn chậm-chạp từng vòng, kêu kêu cà kéo-kẹt trên con đường tỉnh mới nện đá còn gồ - ghề, chưa tráng nhựa.

Dân thành-phố đứng hai bên để coi đám rước cậu Khoá, nhất là đàn-bà, con gái và trẻ con, đông nghẹt. Lê-văn-Thanh đội mũ trắng trên đầu, chụm vắn mang đôi guốc cũ đã mòn, bộ mặt hơi mắc-cờ hơn là hãnh-diện. Đám rước đưa thẳng về đình làng để cậu Khoá vào tế Thần, cũng như làm lễ trình-diện với vị Thành-Hoàng sở-tại.

Ông Xã phải giết một con bò và một con heo để đãi làng, đãi dân, và từ đấy, chàng thanh-niên Lê-văn-Thanh được lên địa-vị « khoá-sanh », khỏi khâu, khỏi thuế, lại được đứng vào hàng chức-sắc

ở hương-thôn. Ông thân của chàng làm Lý-trưởng cũng được lên chức Hương-Cà.

Sáng hôm sau, Lê-văn-Thanh dậy thật sớm ra chỗ bụi tre Thôi-Kèn, đón cô Ba Hợi. (3)

Từ ngày chàng nghe theo lời cô Ba, bỏ chữ Hán, học chữ Tây, hy vọng sẽ làm thầy Thông thầy Ký để được cưới cô về làm vợ, chàng vẫn ít gặp mặt cô. Con gái ông Bá-Hộ, ý mình có nhan-sắc « chim sa cá lặn », lại con nhà giàu, có tính làm cao, nhất định đóng cửa kén chồng. Đã bao chàng trai rấp ranh bản sè, nào đã ai được lọt vào cặp mắt xanh của cô dâu Lê-văn-Thanh đã nhẫn-nại may mắn trao đổi cùng cô mấy bức thư tâm-tình, nhưng cô đã nói trước : « Khi nào chàng làm thầy Thông thầy Ký tiếp sẽ xin gá nghĩa cùng chàng »

Gặp nơi hẹn-hò cũ, chàng nhắc lại lời thệ-nguyện năm xưa. Cô Ba-Hợi rất duyên-dáng nhưng vẫn bẽn-lẽn như ngày nào. Khế hỏi :

— Anh thi đỗ Ri-me, chừng nào mới làm thầy Thông, thầy Ký ?

— Quan Sứ có lòng thương tôi, nói với tôi rằng nếu tôi không muốn đi Huế học Collège de Coc-coc thì quan Sứ cho tôi làm xê-

cờ-rê-te ở Tòa, khỏi đi đâu xa, Cô Ba Hợi cười ngặc-ngheo, hỏi :

— Cô-le Cốc-cốc là cái gì ? Sao nghe tức cười quá vậy ?

Lê-văn-Thanh hãnh-diện muốn khoe một mớ chữ Tây với cô Ba :

— Collège de Quốc-học, Tây đọc là Collège de Koc-coc, học thi Diplôme.

— Thi gì mà lại đit-lom ?

— Là bằng Diplôme, ra làm Thầy trợ Giáo, hay là thầy Thông-thầy Ký, được ăn lương nhiều.

— Còn bằng Ri-me ?

— Bằng Ri-me cũng được làm trợ-giáo, hay là làm chức secrétaire, nhưng ăn lương ít hơn.

— Xê-rê-te là gì ?

— Là Thầy Thông, thầy Ký. Cô Ba Hợi suy-ngĩ một lúc, rồi nói :

— Làm xê-rê-te ở tỉnh mình cũng sang trọng rồi, chớ đi Huế chi nữa ?

— Tôi đi học trường Nhà-

(3) Nơi bụi tre mát-mẻ, linh Khố-Xanh thường ra đây tập thổi kèn, cho nên dân chúng gọi là bụi tre Thôi Kèn.

nước, cũng là chịu theo ý cô Ba, nay cô Ba muốn sao, tôi cũng chịu theo, miễn là cô ưng làm ma femme thì cô biểu gì tôi cũng nghe hết.

Cô Ba lại cười, giọng cười của cô lần này đã có vẻ lả-lơi :

— Ma-phấm là ma gì ? Tui sợ ma lắm, làm gì chớ làm ma tui không chịu đâu.

— Ma femme là... nội - trợ của tôi.

Cô Ba đỏ ửng đôi má, nhoen một nụ cười tình-tự, liếc chàng thanh-niên. Nhưng hai người vẫn đứng cách xa hai ba bước, không dám lại gần, Lê-văn-Thanh nói :

— Sách Tây nói Vouloir c'est pouvoir..

Cô Ba làm bộ ngạo chàng :

— Hồi học chữ Nho, anh ưa nói chữ Nho, bây giờ anh lại ưa chữ Tây, không nghe anh nhắc chữ Thánh-hiền nữa !

— Chữ Nho, nghe quê - mùa lắm.

— Anh mới nói câu chữ Tây gì loa đó ?

— Vouloir, c'est pouvoir, nghĩa là muốn thì được.

— Muốn gì ?

Thanh yên lặng nhìn say mê khuôn mặt kiều-diễm của con gái

ông Bá - Hộ... Nhưng tình yêu bỗng bột, nảy ngất của chàng thanh-niên thời bấy giờ chỉ đến thế thôi, không dám táo bạo hơn nữa.

Cô Nguyễn-thị-Hội cũng đã hiểu Thanh muốn gì. Cô hiểu từ lâu rồi. Cô hỏi chơi thế thôi, vì lần này cô đã tỏ ý ưng-thuận. Vâng, muốn thì được. Cô muốn làm cô Thông, cô Ký, thì rồi đây cô sẽ được làm cô Thông, cô Ký...

Hai hôm sau, vào buổi tối chủ-nhật, ông Xã đi với Lê-văn-Thanh, và một người dân làng gánh theo một quả nếp thật trắng và đầy vun, một thùng đựng 20 trứng gà tươi, một quả đường-phèn, một thùng đường bông, hai chai mật ong, bốn chai rượu Mai-quế-lộ và hai lọ lộc-bình xưa, đến dinh-thự riêng của « Quan Công Sứ ».

Chàng thanh - niên đi với cha đến « dâng » Quan Sứ mấy món lễ vật kia, là để xin Quan một chức Thông-ngôn ở Tòa.

Quan-Sứ xuýt-xoa, vui vẻ, cảm động :

— Oh ! C'est trop, ça ! Vous êtes beaucoup gentil ! Tốt ! Tốt !

Thanh ! Viens demain à mon bureau, ! Tu seras secrétaire à la Résidence !.. Dis à ton père. Monsieur le Résident merci, Si ton père veut du cru-pham, il l'aura ...!

Ông Xã, quay lại hỏi Thanh :

— Cụ lớn nói sao, con ?

— Cụ lớn nói cho nhiều quá. Cụ lớn khen tốt lắm, Cụ biểu con sáng mai tới Tòa, cụ sẽ cho con

làm thầy Thông-ngôn. Cụ lớn cảm ơn đồ lễ vật. Nếu Cha muốn được chức cru-pham, thì sẽ có.

Ông Xã cụp xuong sống xuống cúi đầu vái ông quan Tây ba bốn vái :

— Dạ, con xin tạ ơn Cụ lớn. Ông Sứ bắt tay :

— Tốt ! Tốt ! Beaucoup tốt..

(Còn nữa)



## \* TRONG TIỆM ĂN

*Victor Borge, chủ hề danh tiếng của nước Mỹ, một hôm đi với ba người bạn vào một tiệm ăn đông khách quá. Bốn chàng đến ngồi chiếc bàn cuối cùng còn trống ở trong xô kẹt. Đợi mãi 30 phút mà không có người bồi nào đem thực-đơn đến. Chủ hề liền bảo với ba người bạn :*

— Tôi có cách làm cho họ dọn tụi mình ăn.

*Nói xong, Victor vờ té xuống đất, làm ngã luôn chiếc ghế. Tức thì ông chủ nhà hàng và bốn anh bồi lật-đật chạy đến. Victor điềm nhiên ngồi dậy, bảo mấy anh bồi :*

— Bây giờ có ai chịu khó đem thực-đơn đến cho chúng tôi không ?



CHUYỆN NGẮN

## TIẾNG HÓT

### CON CHIM SÁO

#### ★ BÀNG-HOẠCH

**T**ÔI ngồi ngắm đôi chim sáo đang hát trên nóc nhà với lồng say mê của tuổi thơ. Ôi! chúng mới xinh đẹp làm sao. Bộ lông đen mượt óm gọn tằm thân hình bé nhỏ. Một khoảng lồng trắng bên cạnh làm tăng vẻ mỹ miều của đôi mắt

vàng xinh xắn. Nhất là chiếc mỏ vàng và đôi chân xám vừa tỏ ra là loại chim quý vừa biểu lộ vẻ hòa hợp của toàn thân. Mỏ vàng chân chì! Tôi vẫn thường nghe người lớn nói với nhau khi muốn chọn một giống chim sáo tốt. Nhưng thích nhất vẫn là tiếng hát của đôi chim. Tiếng hát thanh thoát cất lên cao nghe hay như một bản ca tuyệt-diệu. Tiếng hát vận chuyển hết cả tinh-lực của cơ-thể, nghe kỹ như đã kết tinh bởi bao nhiêu truyền-thống của loài chim. Tiếng hát biểu lộ nỗi vui mừng của cánh chim tự do rong ruổi giữa khoảng trời cao rộng. Tôi lắng tai nghe, tâm hồn như hòa hợp với tiếng nói (có phải chăng đó là tiếng nói?). Tôi bỗng có ý thèm muốn được như đôi chim kia ca hát niềm thương yêu lớn rộng.

Nhưng rồi sự ích-kỷ (mà trẻ thơ nào có biết đâu là ích-kỷ) đã khiến tôi quên ý muốn kia đi. Tôi có tham vọng làm chủ đôi chim sáo, làm chủ được tiếng hát êm đẹp ấy. Ôi! người đời vẫn luôn luôn có những ý tưởng tương tự, ngay từ lúc còn trẻ dại như tôi

## TIẾNG HÓT CỦA CON CHIM

bây giờ! Chiếc lồng son bỏ không càng giục giã cho tôi quyết định. Tôi hình dung cảnh đôi chim nhảy nhót trong lồng, cất tiếng hát líu lo mà thấy quên cả sự độc-ác của việc làm. Tôi chỉ cần biết phải có một đôi chim sáo. Dù là bằng cách nào. Tôi sẽ trông nom cần-thận để xứng đáng với vẻ đẹp của chúng, với tiếng hát của chúng. Chiếc lồng son kia tôi sẽ treo dưới gốc cây tròng-vi nơi luôn luôn có những chú ong và những bông hoa nở. Đôi chim sáo có thể trông thấy cả khoảng trời xanh đẹp như thường ngày. Đói ư? Chúng đã có sẵn sàng những quả chuối chín thơm và những con cào cào béo thịt. Khát ư? Đã có sẵn một chén nước trong vắt chờ đợi từ lâu. Tôi còn để cả một mảnh gương nhỏ nhỏ để sáo soi bóng mình và tập nói. Tôi say sưa với ý-nghĩ tươi đẹp ấy và nhất quyết bắt cho bằng được đôi sáo. Nhưng bằng cách nào? Chẳng lưới thì tôi không thể thực hiện nổi, bắn xi-dông thì e chết mất chim, chỉ còn giải pháp cuối cùng là dùng đến súng cao-su. Tôi tin tưởng ở tài bắn của mình lắm. Thường ngày, bè bạn vẫn phục

tôi bắn. Một viên đạn bay đi là bao giờ cũng trúng đích. Tôi sẽ cố-gắng bắn nhẹ. Viên đạn chỉ đủ làm chim lao-đao ngã xuống. Tôi đã rình-rập suốt hai buổi sáng. Đến ngày thứ ba thì nhất định. Nhưng viên đạn chỉ hạ được một con; còn con chim bạn sợ hãi bay đi mất. Tôi cầm con chim trong tay, lòng khấp khởi mừng, vì chim vẫn còn thoi thóp thở. Khi đặt chim vào lồng thì nó đã đứng lên được. Chim có vẻ ngờ ngác trước khung cảnh lạ chung quanh. Đôi mắt e-dè kẻ đảo một vòng như muốn tìm kiếm và nhận-định. Mọi vật dụng đã sẵn sàng đợi chim từ mấy hôm nay. Chim có lẽ cũng nhận thấy thế nhưng vẫn giữ vẻ đứng đưng. Riêng tôi, lòng sung-sướng vì đã thực hiện được ý-định ích-kỷ, cứ quẩn quýt quanh lồng ngắm nghía con vật, từ nay sẽ trở thành sở hữu của mình.

Chim sáo ở trong lồng ba ngày mà vẫn chưa hết ủ rũ. Đôi mắt buồn nhăm lại như đau đớn cho số phận cô-độc của mình. Chim đứng yên một chỗ không còn nhảy nhót như ngày trước. Tôi nghĩ, bằng hết cả chủ quan, chim hãy còn đau đớn với vết thương

nên chưa hoạt-động, chứ có biết đâu chim đang bị một vết thương nặng hơn gấp mấy : xa bạn, xa trời. Tôi vẫn hằng ngày mài miết ngoài cánh đồng cỏ nắng chang chang tìm cào cào cho chim. Nhưng xác cào cào vẫn chất đống ở dưới đáy lồng. Chim chỉ lấy mỏ vầy vầy cho chú cào cào hết cựa quậy rồi lại nhả ra ngay. Tôi sẵn sóc cho chim tưởng quên cả thân mình (còn gì mảnh liệt bằng lồng hằng say tuổi trẻ). Tôi quên học. Quên ngủ, Quên ăn. Những lần đi đuổi bắt cào cào chẳng nghĩ đến hải vớ ở trường đến nỗi thầy giáo phải ngạc nhiên vì tôi vẫn có tiếng là chăm, nay bỗng dưng chẳng hề thuộc lấy một câu. Có những đêm ngủ, thấp thỏm chỉ mong cho đến sáng để xem con chim sáo ra sao vì tiếng mèo bên hàng xóm cứ luôn luôn đe dọa. Rồi cả những lần cho chim ăn đến quên cả mình phải ăn. Khi anh tôi ra gọi, tôi đã buột miệng.

— Em còn mãi cho chim ăn !

Vừa kịp mở miệng, tôi đã thấy ngay mình liêu lĩnh, và cái cốc đầu của anh tôi tặng quả đã xúng đáng lắm với cái tội tày đình ấy.

Nhưng lạ kìa ! Chim vẫn không tỏ vẻ gì đền đáp sự sẵn sóc của

tôi. Dù bằng đôi mắt mở to hết u-buồn. Dù bằng những bước chân nhầy nhót khoan-thai. Chim vẫn điềm nhiên đến lạnh lòng, không cần biết nỗi khổ tâm của tôi (Mà tôi cũng không hề biết nỗi khổ sở của chim). Những miếng chuối thơm, những chái nước trong vẫn bị ruồng bỏ, mốc meo và ám bụi. Chim vẫn không hề cất tiếng hót. Tôi trầm nghĩ, có lẽ chim thiếu bạn. Con chim kia sợ hãi đã bay đâu rồi từ hôm ấy. Nhưng tôi quên nghĩ rằng chim còn thiếu cả khoảng trời xanh. Tôi cố gọi lại những âm thanh mong chim nhớ lại giọng hát cũ. Tôi huýt sáo theo những điệu nhạc từ máy truyền thanh. Những lúc ấy chim chỉ hơi ngừng đầu ngo ngác có ý lắng tai nghe. Rồi lại cúi đầu ủ-rủ. Bởi vì đây chỉ là những tiếng của người giả mạo. Mẹ tôi nhiều lần nhìn tôi, buồn rầu đứng ngóng đợi bên lồng chim đã thương hại nói :

— Chim trong lồng làm sao hót được. Dù có thể cũng chỉ là gắng gượng. Không hay. Chốc con hãy thả nó ra đi !

Thả chim ra ư ? Đó là một điều tôi không bao giờ nghĩ đến (hay không dám nghĩ đến ?) Tôi chỉ nghĩ đến những công phụ sẵn sóc

chim từ khi bắt được mà đã cảm thấy điều đó là vô-lý. Ở với tôi, chim không sung sướng hay sao ? Những thức ăn tận miệng, chim không phải đi kiếm. Những giòng nước trong mát đã có sẵn cho chim. Thêm chiếc lồng đẹp dưới gốc tường vi xanh mát, như vậy không đủ hay sao ?

Mấy hôm nay con chim bạn lại trở về đậu nơi nóc nhà cũ. Trông nó có vẻ buồn rầu chẳng kém chim ở trong lồng. Tôi nghĩ thầm, mừng vì chim có bạn sẽ chẳng bao lâu mà hót được. Nhưng tôi đã lầm ! Khi con chim bạn cất tiếng hót, lần này tiếng hót đượm biết bao buồn rầu, chim trong lồng lắng tai ngàn nghe như xa lạ với âm thanh kia mãi. Rồi nó gắng há mỏ như muốn cất tiếng hót, nhưng âm thanh không thể thoát nổi ra ngoài cổ họng. Con chim bạn càng hót, chim trong lồng càng ngo ngác buồn rầu. Nó hướng đôi mắt van lơn về phía chim bạn như thềm muốn. Nó nhầy nhót lung tung. Nhưng không phải với vẻ ung-dung thanh thản mà hết sức nóng nảy, đầu cứ rút mãi ra ngoài chiếc nan tre. Con chim bạn càng hót thì chim trong lồng càng vùng vẫy kiếm cách thoát ra khỏi chiếc

lồng son. Đến khi chim ở ngoài bay đi nó mới tuyệt-vọng trở lại buồn bã đứng im. Con chim bạn cứ ngày ngày đến hót bên cạnh bạn. Tôi vẫn đợi chờ một tiếng hót theo. Chim ở trong vẫn nóng nảy tìm ra rồi lại buồn ủ-rủ. Mấy ngày như thế rồi. Mỗi khi tiếng hót cất lên là con chim ở lồng lại tái diễn những công việc như vậy. Tiếng hót ở bên ngoài như mời mọc, như tiếc than, như nhắc nhở lại quãng đời sung-sướng giữa khoảng trời xanh cao rộng. Mẹ tôi càng giục giã :

— Thôi con ạ ! Tiếc làm gì. Thả nó ra, không tội nghiệp !

Tôi băn khoăn mãi với những tư tưởng hỗn loạn trong đầu. Thả chim ra thì tiếc. Không thả thì cũng khổ sở như chim.

Một buổi sáng ra lồng chim, tôi chợt thấy con chim nằm xoã cánh, đầu kẹt giữa hai chiếc nan tre. Chim nhìn tôi, đôi mắt có vẻ như cầu cứu trong niềm tuyệt vọng. Chiếc bụng gầy thoi thóp từng hơi thở nhẹ nhẹ. Tôi nhìn những chiếc lông trắng rã rời trong lồng mà thấy lòng đau đớn. Sau cùng, thì tôi quả quyết thò tay vào gỡ chim ra, bàn tay run run nâng chiếc cửa lồng từ lâu khép chặt.

Chim vẫn còn ngơ ngác không thối. Chợt có tiếng-hót của chim bạn cất lên. Chim lóng tai nghe và bắt đầu nhảy nhót lung tung. Rồi cuối cùng, chim tìm ra khoảng trống của chiếc cửa. Đôi cánh bị khép lại từ lâu hơi run rẩy theo nhịp bay giải phóng. Tôi nhìn

hai đôi cánh chim xa dần trong cặp mắt mờ lệ, nhưng trong lòng phơi phới niềm vui. Tôi tưởng một hôm nào lại được nghe tiếng đôi chim hót trên mái nhà, tiếng hót thanh thoát ca ngợi cánh chim tự do giữa khoảng trời cao rộng...



★ **Cái « mù » của sở Trang-Vương.**

Sở Trang Vương là một tên bạo chúa, mỗi khi ra ngoài, tất cả dân chúng đều lần tránh, không dám nhìn mặt. Một hôm xa mã ở ạt ngự du, thì có một người ngang nhiên đứng trên gò cao bên đường trở mặt nhìn xuống. Liếc thấy thái độ ngạo nghễ, Sở Trang Vương dừng lại quát tháo và hạ lệnh bắt người ấy xuống hỏi :

— Nhà ngươi có mù không, mà không thấy quả nhân đi qua, sao dám cả gan khinh mạn ?

Người ấy đáp : ta đi xem kẻ mù, sao gọi ta mù được ? Trong lúc nước nhà trộm cướp như ong, thiên tai, thủy họa sinh linh đồ thần — mà có kẻ chỉ biết ngạo du, sẵn bản, ngời cao hưởng lạc, gươm sắc kẻ kẻ chực giết hại dân lành vô tội. Kẻ ấy có biết rằng chính gươm lụa, sẽ có ngày quay lại cổ mình ? Kẻ ấy mới là KẼ MÙ và kẻ ấy chính là nhà vua đấy...

Ngày nay, luận về cái mù, không biết bao nhiêu mà kẻ. Có kẻ tự mình đã mù — có kẻ mù vì bị người khác che đậy. Cũng là lẽ thường ở đời xưa nay vậy ; chỉ có điều buồn cười cho cả hai, đều không thấy được mình mù ; mà lại cho thiên hạ xung quanh mù...

O hó ! đau đớn thay !

CAO-CHU



**LỜI NÓI ĐẦU**

**T**ÔI không có ý viết một tập Lịch-sử Báo Chí Việt - Nam vì công việc ấy đòi hỏi những tài-liệu mà hiện nay chưa thể tìm kiếm đầy-đủ. Công việc ấy xin nhường lại cho các sử-gia sau này.

L T. S. — Bắt đầu từ số Phê-Thống kỳ này, bạn Tế-Xuyên, một cây bút kỳ-cựu trong làng báo, nguyên chủ-tịch Nghiệp-đoàn ký giả Nam-Việt năm 1954, một người đã theo đuổi nghề cầm bút gần 30 năm nay, sẽ hiến bạn đọc những chuyện vui, buồn trong làng báo, qua những ký-giả thuở trước còn ghi lại vạt diềm son trong lịch-sử Báo-Chí V. N.

Cao-vọng của tôi trong tập hồi-ký này, chỉ là ghi chép lại một vài hoạt-động cao-cả của những bạn đồng-nghiệp của tôi đã biết coi nghề viết báo như một thiên-chức, một sứ-mạng, quyết đem ngòi bút ra phục-vụ quyền-lợi của xứ sở, giúp ích cho đồng bào. Tôi đã thấy tận mắt hai ký-giả Nam Quốc-Cang, Đinh-xuân Tiểu, ngã gục trên vũng máu

dưới những viên đạn tàn-ác của kẻ không hề công được ngòi bút của hai anh, phải dùng đến chánh-sách bạo tàn, và tôi đã cảm thấy sung sướng tự hào với cái nghề cầm bút bạc bèo mà tôi theo đuổi bấy lâu nay.

Không, « làm báo » không phải là « nói láo ăn tiền » như miệng đời mai mỉa, do sự xét đoán nông cạn qua hành-vi của một số người đã làm ô-uế nghề viết báo. Làng báo đã cung-phụng trước bàn thờ Tổ-Quốc những chiến-sĩ liều mạng, hy-sinh cho chánh-nghĩa quốc-gia, mà ngày nay đáng được nêu ra đây để các bạn thấy khía-cạnh tốt đẹp của nghề.

Giai-đoạn báo chí hiện tại sẽ thuộc về sự phán-quyết của hậu lai, tôi không nói tới, tôi chỉ xin kêu gọi ký-ức nêu ra những việc trong quá khứ gần đây và xa hơn nữa, trong giới - bạn của thời gian tôi đã sống trong nghề.

Bắt đầu, tôi mời bạn đọc đi thăm hàng ngũ « Báo-Chí Thống Nhất », trong đó làng báo đã tham gia cuộc tranh - đấu giành độc-lập và thống nhất quốc-gia, quyết-liệt chống lại mưu-mô của Thực-dân, Phong-kiến muốn

tách xứ Nam-kỳ thành một lãnh thổ tự-trị.

**Tình - hình Báo - chí cuối năm 1945 và đầu năm 1946**

Sau khi quân-đội Pháp núp dưới nhãn hiệu quân đội đồng-minh giải giới Nhật, trở lại Sài-gòn vào tháng 9 năm 1945, các ký giả cũng như đồng bào các giới bỏ thủ-đô miền Nam, tản cư đi các tỉnh, chờ nhân dân tổ chức cuộc kháng-chiến chống xâm lăng, mưu-đồ độc-lập cho xứ sở.

Thừa nước đục thả câu, một người thanh niên Bắc-Việt, tên là Đặng-văn-Tấn nhảy ra tự xưng là ký giả, cộng tác với người Pháp. Tấn sẵn quen một người đồng hương trước làm thơ ký cho nhà in « Tin-Đức Thư-Xã » (dời về đường Mac Mahon từ hồi Nhật thuộc) bèn mưu tính với quân xâm-lăng xung công nhà in này để xuất-bản tờ *Tuong-Lai*, cơ quan đầu tiên tuyên-truyền cho Pháp. Lúc này cả gia-đình ông chủ nhà in đã tản cư lên Thủ-Đức, vợ chồng ông cùng một cậu con trai bị giết trong cảnh hỗn quân, hỗn quan, không có ai giữ trách-nhiệm về hành chánh và tư-pháp.

Nhà in vô chủ kia đã lọt vào tay Đặng-văn-Tấn.

Sau *Tuong-Lai* có tờ báo *Phục-Hung* lập trụ-sở ở một căn phố lâu, đường Colonel Grimaud (nay là Phạm-ngũ-Lão) trông qua chợ Bến-Thành.

Pháp tạm làm chủ Sài-gòn và vài châu-thành của mấy tỉnh lân cận, rồi âm mưu lập Chánh phủ tự trị, dùng Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thịnh làm Thủ-tướng nhắm mục tiêu tách Nam-Kỳ thành một hành-tỉnh của Pháp hay một quốc gia tự trị, không còn ở trong lãnh-thổ Việt-Nam nữa.

Tờ *Tuong-Lai* chết yếu vì người chủ trương nó không phải ký giả nhà nghề và muốn bay nhảy ra phạm vi doanh-nghiệp thích hợp với khả-năng của anh ta hơn. Còn lại tờ *Phục-Hung* nhờ được người chủ nhiệm là anh J.B. Đồng, một ký-giả đã sống lâu năm trong nghề, lại giúp việc cho Sở Thông-tin Pháp thời bấy giờ, nên xây được nền tảng vững vàng, thành cơ quan đặc lực cho phong-trào tự trị.

Tôi còn nhớ hồi tháng 3 năm 1946, sau khi bị quân-đội Pháp bắt ở một tỉnh miền Tây là nơi tôi tản cư, đưa về Saigon cho đồng dân số, tôi tò mò mua một tờ *Phục-Hung* đọc. Tờ báo hồi đó có 2 trang nhỏ bằng nửa trang báo bây giờ, trông như một thứ bích báo. (Vì chưa có

giấy nên phải tiết-kiệm). Nơi trưng nhưt, có đăng mấy câu bằng chữ đậm, đóng khuôn; tôi nhớ đại-khái như sau này :

« Thống-nhất mà đời thì làm gì? Toàn dân Nam-kỳ đời phải hành tỉnh hóa xứ này. Hãy biết có bánh mì, la ve, vạt xờ, ăn no mặc ấm đã ! »

Bây giờ nghe lại câu tuyên-truyền, thấy nó ngộ-ngần lố-bịch làm sao ? Song nếu đã sống qua những giờ phút khắc khổ dưới thời Nhật thuộc, mới thấy những tay trong sở Thông tin Pháp biết cách tuyên truyền, đánh vào tâm lý của một số người ham sống cuộc đời khỏe khoắn, dễ dàng. Trong thời Nhật thuộc, thuốc men không có, người bệnh được một vài thứ thuốc thông thường như Quinine, Dagenan, phải quăng tiền ra tìm kiếm trên chợ đen, một miếng bố rách của cái ghế bỏ cũng dùng may cái áo sơ mi dầy cộm, còn hơn là ở trần hay mặc cái áo thung rách thủng, còn gạo ăn thì dân miền Nam không thiếu, còn dư lúa để đốt thế cho than là khác, song đã được nghe cái cảnh trên triệu đồng bào chết đói ở miền Bắc. Trong cái tâm-trạng dân chúng khắc khổ ấy, Chánh-phủ Nguyễn-văn-Thịnh cũng lấy thực-phẩm

ra làm... chủ nghĩa; trên tường ngoài đường phố, có những khẩu hiệu in vào giấy xanh, đỏ như vậy: «*Nhờ ai mà có la vè, bánh mì, vải xô?*»

Người ta tưởng rằng «*dân dĩ thực vi Thiên*» thì chế-độ tự trị sẽ đặc hơn tâm lắm. Song người ta lầm. Thịnh thoảng tiếng lưu đạn của phe Kháng-chiến ở thành văn nổ trên các đường đồng dục của Saigon, Chợ-lớn. Và một vị bác sĩ, tổng trưởng trong Chánh-phủ Thịnh bị bắn chết trước cửa nhà ông, một ngôi biệt thự ở đường Duranton (Bùi-thị-Xuân).

### Báo chí Thống - Nhứt ra đời

Một số ký-giả hồi cư tại Đô-thành Sài-gòn, có ý-kiến phải đem thuyết thống nhứt lãnh thổ ra chống với phong trào Nam-kỳ tự trị mà người Pháp đang cố-xúy trồng dân gian.

Nhưng không có báo-chỉ lấy đâu cơ-quan tuyên-truyền?

Khoảng tháng Ba, tháng tư năm 1946, lại có thêm tờ *Tiếng gọi* cũng chủ-trương «*đả đảo phỉ-tái chà lỵ*» làm cơ-quan cho «*Mặt trận Bình dân Nam-kỳ*»

gây phong trào chia rẽ Bắc-Nam. *Tiếng gọi* hăng-hái hơn *Phục-Hưng* và dám kêu gọi đến cả cuộc hành hung người Bắc nữa.

Trong khi hai cơ-quan ngôn luận đang hăng say hoạt động, bỗng có tin một tờ báo hàng ngày sắp xuất bản lấy tên là *Nam-Kỳ*: lại thêm có một cơ-quan của phe tự trị nữa? Ai cũng nghi như vậy. Song báo ấy ra vài số đầu, còn «*lùng chùng*» chưa rõ rệt màu sắc chính trị, rồi tờ *Nam-kỳ*, không hiểu sao, lại chủ-trương thống nhứt quốc gia. Đồng thời với tờ *Nam-kỳ* còn có tờ *Tân-Việt* của ông Cendrioux, chủ nhiệm cũ tờ *Dân-Quyền* hồi còn Pháp; ông này giao tờ *Tân-Việt* cho một cộng sự viên người Việt của ông khai thác; một luật sư thân Pháp, có vợ đầm, cũng xin được phép xuất bản tờ *Kiến-Thiết*. Những người được ra báo hồi đó phải có đủ bảo đảm trung thành với Pháp hay được người Pháp tín-nhiệm.

Tờ *Nam-Kỳ* không còn màu sắc Nam-kỳ nữa, tờ *Tân-Việt* cũng chủ trương thống nhứt, rồi đến tờ *Kiến-Thiết* cũng

chống chế-độ tự-trị kịch-liệt hơn ai hết. Điều mỉa mai hơn nữa là vị luật-sư vợ đầm, có Pháp tịch, chủ nhiệm tờ báo *Kiến-Thiết* lại còn làm Tổng-trưởng trong một chánh phủ tự trị. Thật sự, tờ báo của ông không do ông tự tay khai thác; ông giao cho bà Bút-Trà xuất-bản với điều kiện chia cho ông một số tiền lời nào đó, và dưới một hình thức «*cộng tác*» giữa người có báo và người bỏ tiền in.

Thấy chủ trương thống nhứt quốc gia được độc giả hưởng-ứng, các báo hăng chí, đi mạnh vào con đường này; các tờ báo khác ra sau cũng phải theo gương, nếu muốn có độc giả; trừ có tờ *Phục-Hưng* và tờ *Tiếng Gọi* là giữ vững ngọn cờ tự-trị.

Hầu hết các ký-giả, đầu sống trong sự kiểm tỏa của quân-đội Pháp, ở trong tay người Pháp giữa Đô-thành, cũng quyết tâm gác ngoài mọi chánh kiến dị-đồng, chỉ nhắm một mục tiêu: tranh đấu cho độc-lập và thống nhứt đất nước. Các vị chủ-nhiệm không dám đi ngược trào lưu của dân chúng khao khát tự do, cũng phải theo ý-kiến của tòa soạn, để cho báo sống.

Khoảng giữa năm 1946 sang hết năm 1947, một tổ chức được thành lập lấy danh nghĩa là «*Báo chí Thống-Nhứt*», trụ sở đặt ở nhà in Sapi, đường Bonard (Lê-Lợi) nay là phòng trà Kim-Điệp rồi Ly-Lan. Nhà in Sapi đồng thời là Tòa soạn của báo *Nam-Kỳ*, không cần xin phép, không thảo điều lệ, tổ-chức Báo-chí Thống-Nhứt quy tụ các báo chủ trương thống-nhứt, thành một khối; mỗi báo đều phái đại diện có toàn quyền quyết định tham gia các buổi nhóm của khối, các đại diện này là ký giả trong Tòa soạn, còn các vị chủ-nhiệm hay giám đốc thì lánh mặt.

### Công-tác của Báo - Ch Thống - Nhứt

Các ký giả đoàn kết chặt chẽ, mỗi tuần họp một lần để phê-bình, kiểm thảo các nhà báo mà họ cộng sự trong Tòa-soạn. Báo nào có ý kiến bất lợi cho cuộc Kháng-chiến hay đăng tin tức Phương hại cho chánh nghĩa quốc gia, thì bị đem lên «*bàn mổ xẻ*», xem là cố ý hay vô tình. Tờ báo sẽ bị cảnh cáo hay khiển-trách tùy theo lỗi nhẹ hay nặng.

Nhờ sự tuyên-truyền của hàng ngũ «*Báo-chí Thống-Nhứt*» mà



duy-trì được lòng ái quốc và tinh thần hăng hái của nhân dân chống ách Thực-dân đang muốn tròng lên đầu lên cổ người Việt.

Báo chí nhờ xiết chặt hàng ngũ mà đã xử dụng được quyền tự-do ngôn luận đích-dáng, dám nói lên tất cả nguyện vọng của nhân dân thiết tha đòi độc lập. Tôi xin trích ra đây ít tài liệu minh chứng.

Hồi tháng 11 năm 1946, Thủ tướng Thịnh tự tử, Hội đồng Nam-Kỳ gồm đại-biểu Pháp, Việt, lãn-xãng chọn lựa Thủ-tướng. Các báo băng-hái đã phá cuộc vận động ấy. Một báo viết như sau này :

Ông Thủ - tướng Nam - kỳ Quốc không còn.

Nam-kỳ Quốc tạm còn. Còn với người Pháp. Còn với một vài người Việt-Nam,

Nam-kỳ Quốc là cái quái gì ? Là cái không có mà có. Là con đẻ của chủ nghĩa thực-dân sống sót..

Nhà cầm quyền Pháp ép cho đẻ ra Nam-kỳ Quốc để làm cho có hình một nước trong một nước, tiếp tục chính sách chia rẽ để mà dễ uy-hiệp.

Nam-kỳ Quốc đứng ngoài vòng thực-tế, sanh ra để làm mục tiêu tập-kích của quần-chúng, và làm

tấm vách che đậy sự hành động của bọn thực - dân.. Nam - kỳ Quốc sẽ tiêu-tan như một bào ảnh vì nó là bào-ảnh. Cố mà duy trì bào-ảnh là việc miễn cưỡng, chỉ để tránh một việc rất tầm thường là : Mất mặt »

« Hội đồng Nam-kỳ » — một tác-phẩm của thực-dân có nhiệm-vụ phải bầu cử Thủ-tướng mới với một đa số tuyệt đối là 2 phần 3 số thăm. Cuộc vận động kéo dài mãi đến gần cuối tháng mà chưa lựa được người nào, Có ba nhơn vật ra tranh cử là bác-sĩ Lê-văn-Hoạch, Thiếu-tướng Xuân và Trần-văn-Hữu. Ngày 29 tháng 11 năm 1946, mới có cuộc bầu chánh thức sau bao nhiêu ngày dò xét ý-kiến, trao đổi quan điểm, có kẻ bớt một thêm hai. Kết quả Lê-văn-Hoạch được 31 thăm, Xuân 2, Hữu 1 thăm.

Chủ tịch Hội-Đồng Nam-Kỳ là luật sư Béziat nói mấy câu hùng-hồn mạnh mẽ, mừng tân Thủ-tướng Nam-Kỳ Quốc và kết-luận : « Nước Nam-Kỳ phải được tự do, độc-lập luôn luôn và nhờ nước Pháp, nước Pháp với nền văn minh sáng lạn, với sự dẫn đạo khôn ngoan, mà bắt cứ nước nào cũng cần. Vạn tuế nước Pháp ! Vạn tuế nước Nam-Kỳ. »

(Còn nữa)

CHU

HẦU hiệp

THIÊN

TỬ

\* THIẾU-SƠN

VUA U-Vương nhà Châu mè Bao-Tự là một tuyệt-thể giai-nhơn nên tìm đủ cách để làm vui lòng người đẹp. Người đẹp biếng cười nhưng làm thế gì nàng cũng không chịu cười. Một nịnh thần hiền kế nổi lửa ở Phong-Hỏa đài trên núi Ly-Sơn để chur hầu ngõ là có giặc kéo quân tới cứu Thiên-Tử nhưng rồi bèn lên kéo quân về không. Cảnh tượng đó, chắc chắn là làm cho giai-nhơn phải cười. U-Vương theo kế đó, quả-nhiên được thấy Bao-Tự cười. Thiên-Tử mừng lắm, thưởng ngàn vàng cho người hiền kế. Nhơn đó mà

có điển tích : Ngàn vàng mua lấy tiếng cười.

Nhưng mua được tiếng cười chẳng được bao lâu rồi chết không kịp khóc. Nguyên người ta chỉ nổi lửa ở Phong-Hỏa đài khi có giặc. Đàng này Thiên-Tử đã nổi lửa để gạt chur-hầu. Tới khi có giặc Khuyển-Nhung tới đánh thật, ông lại cho nổi lửa nhưng chur - hầu e bị gạt nữa không thềm kéo quân tới cứu. Đê - đô Kiêu - Kinh bị tàn-phá. Thiên - Tử bị giết. Bao-Tự được Nhung-chúa chiếu - cố nhưng không được chiêu chuộng

như xưa. Khi quân Nhung rút chạy về nước thì Bao-Tự tự-tử. Trong đám quần thần chết theo Thiên-Tử có Trịnh bá-Hữu làm Khanh-sĩ cho nhà Châu nhưng lại là chúa nước Trịnh, một nước chư-hầu.



Con U-Vương nối ngôi Thiên-Tử lấy hiệu là Bình-Vương. Bình-Vương đời đó qua Lạc-Dương, tức là Đông-đô và từ đó bắt đầu thời Đông-châu. Thiên-tử nhà Châu càng ngày càng suy yếu, các nước chư-hầu nổi lên giành ngôi bá chủ và nhiều khi dám xúc-phạm tới Thiên-triều. Con Trịnh-bá-Hữu là Quật-Đột kế nghiệp cha lấy hiệu là Trịnh-vô-Công vẫn tiếp tục làm Khanh-sĩ cho nhà Châu và đã phục-vụ Thiên-Tử hết mình.

Vô-Công chết, Trang-Công lên thay thế cũng vẫn được tin dùng. Nhưng Trang-Công mắc lo giải-quyết những chuyện rối rắm ở nước mình nên nhiều khi vắng mặt lâu ngày ở Triều-đình Thiên-Tử. Châu-hình-Vương muốn dùng Quắc-Công thế đờ cho Trang-Công nhưng Quắc-Công từ-chối.

Nghe dạng chuyện đó, Trang-Công bèn qua Lạc-dương ra mắt

Thiên-Tử mà tâu rằng :

« Tôi nhờ Bệ-hạ cho cha con tôi nối nhau mà giữ việc quốc-chánh. Song tôi bất tài, nay xin trả chức khanh-sĩ lại, dặng lui về mà giữ bực chư hầu ». Thiên-Tử tỏ ý luyến-tiết mà không cho từ-chức. Trang-Công bèn đem việc Thiên-Tử muốn dùng Quắc-Công thay thế mình làm cho Thiên-Tử hồ-thẹn và bối rối. Bình-Vương nói :

« Trẫm cũng biết khanh có việc cho nên khiến Quắc-Công thế đờ ít ngày. Song Quắc-Công từ chối hoài nên Trẫm đã cho va về nước rồi, Khanh đừng nghi-ngại gì hết ». Vậy mà Trịnh-Trang-Công còn giận và trả lời Thiên-Tử như sau : « Việc triều-chánh là việc của Bệ-hạ, không phải việc của tôi. Quyền dùng người là do ý của Bệ-hạ, muốn dùng ai thì dùng. Quắc-Công giúp việc nước dặng thì tôi phải nhường lại cho người. Chẳng vậy thì quần-thần sẽ cho là tôi tham quyền, cố vị, chẳng rõ việc tẩn-thối ». Trước tình thế đó quần-thần đề-nghị cho Thái-Tử Hồ qua ở nước Trịnh làm con tin và cho Thế-Tử Hốt qua làm con tin nơi nhà Châu.

Đề-nghị đó được Châu-Bình-Vương chấp-thuận và nhờ thế mà Trịnh-Trang-Công mới chịu ở lại tiếp tục làm Khanh-sĩ.



Bình-Vương băng. Thế-Tử Hốt trở về Trịnh. Thái-Tử Hồ trở về Châu nối ngôi lấy hiệu là Hoàn-Vương. Hoàn-Vương thù Trịnh-Trang-Công vì bắt mình làm con tin, không được thấy mặt cha trước khi chết nên nhứt định bãi chức Trang-Công. Trang-Công cũng hăm hăm giận dữ mà quay quả ra về. Về nước Trang-Công đem tự sự nói lại với quần thần và hỏi kế đờ rửa nhục. Trang-Công chấp-thuận ý-kiến của Tế-Túc là đem quân qua cướp lúa của nhà Châu ở ấp Ôn và ấp Lạc đờ xem phản-ứng của Thiên-Tử ra sao. Nếu Châu-Vương trách móc thì kiếm thế đờ thừa. Nếu ông làm ngoạ thì Trang-Công sẽ vào châu mà tạ-tội. Sau khi được báo cáo về việc Trịnh cướp lúa, Hoàn-Vương giận lắm muốn hưng binh hỏi tội nhưng nhờ có quần thần khuyên giải nên làm ngoạ.

Trịnh-Trang-Công cùng Tế-Túc qua châu. Hoàn-Vương hỏi gay gắt : « Bên nước khanh

năm nay mùa màng ra sao ? » Trang-Công trả lời : « Cũng nhờ đức của Bệ-hạ lớn lắm nên năm nay không lụt, không hạn ». Hoàn-Vương nói : « Ấy cũng may cho trẫm đó, từ nay lúa bên đất Ôn, đất Lạc trẫm còn đờ mà ăn dặng ». Trang-Công từ tạ lui ra, Hoàn-Vương chẳng thèm thiết đãi và cũng chẳng cho gì, duy khiến người đem cho 10 xe lúa mà rằng : « Cho lúa này dặng đờ dành năm mất mùa ». Trang-Công cảm-nhận Tế-Túc sao xúi ông qua nhà Châu đờ chịu điều gay gắt. Nhưng Tế-Túc bảo cứ nhấn nhịn mà chở lúa đem về đờ khoe với thiên-hạ rằng vẫn được Thiên-Tử chiếu-cổ dặng có mượn danh-nghĩa mà uy-hiếp chư-hầu. Châu-Vương cũng chưa dám bãi chức khanh-sĩ của Trịnh-Bá, phong Quắc-Công làm hữu khanh-sĩ, Trang-Công làm tả khanh-sĩ nhưng không cho quyền hành chi hết. Trang-Công cười mà nói :

« Ta biết Châu-Vương không dám bãi chức ta đâu ».



Châu-hoàn-Vương nghe Trịnh-Bá giả chiếu mạng của mình mà nay đánh nước này, mai phạt

nước khác thì giận lắm nên ra lệnh bãi chức không cho làm Khanh-sĩ nữa. Trang-Công cũng không thêm đi châu luôn 5 năm. Châu-Vương bèn hưng binh hỏi tội. Đồng-thời truyền cho ba nước Thái, Vệ, Trần phải hiệp binh để đánh Trịnh. Nhưng đánh không lại, liên-quân tan vỡ và Thiên-Tử lại bị tướng Trịnh bắt một mũi tên trúng vai bên tả, may nhờ có giáp dày nên tên vào không sâu.

Thiên-Tử bại - nhục trở về. Được ít lâu, Trang-Công lại sai Tế-Túc qua tạ-tội và vấn-an, nói rằng Trịnh chỉ tự-vệ mà lỡ xâm-phạm mình rờng xin Thiên-Tử đoái thương mà tha tội. Châu-Vương làm thỉnh và có sắc thẹn. Quắc-Công tiếp lấy mà đáp rằng : « Nay Ngô-Sanh đã biết lỗi rồi. Bệ-hạ cũng rộng dung cho. Còn sứ cũng lấy tạ ơn đi.»

Tế-Túc liền lấy tạ mà lui ra. Rồi đi khắp các dinh thăm chư-tướng trước khi về. Từ đó không nói đến việc phạt Trịnh nữa.



Trên đây cho ta biết 3 đời Thiên-Tử nhà Châu và ba đời vua chư-hầu nước Trịnh. Thời-gian này kéo dài lối 70 năm giữa

khoảng thế-kỷ thứ 8 và thứ 7 trước Tây-lịch.

Châu U-Vương vì mê Bao-Tự mà cho nổi lửa ở Phong-Hỏa đài để xí gạt chư-hầu. Cái cảnh tượng các nước chư-hầu rần-rộ kéo quân tới để cứu Thiên-Tử rồi bèn-lên rút quân về cũng là một cảnh-tượng đáng tức cười. Nhưng những kẻ bị xí gạt chắc không cười và cũng không tha-thứ được sự thiếu lễ-độ của người trên, dầu người đó là Thiên-Tử. U-Vương tuy chết nhưng đã làm mất tín nhiệm của chư-hầu đối với nhà Châu. Trịnh bá Hữu đã chết với U-Vương thì con cháu ông đáng phải được con cháu U-Vương trọng-đãi.

Nhưng cả Bình - Vương lẫn Hoàn-Vương đều chỉ thấy ngôi chí-tôn của mình mà không nhớ tới ơn-nghĩa của người nên mới có những thái-độ và hành-động thất chánh-trị và phi-luân-lý.

Đông-Lai tiên - sinh chỉ nhắm vào một điểm mà phê-bình người ở ngôi Thiên-tử.

Tiên-sinh nói : « Khi nhà Châu đời đi qua miền Đông, Trịnh-Bá vẫn là Khanh - sĩ, phận vua, tôi hãy còn. Vua đối với tôi, có hiền thì dùng, không hiền thì truất, cần

chi phải giấu-giếm. Thiên-Tử là Bình-Vương muốn bãi chức Trang Bá mà không dám bỏ, muốn đem Quắc-Công lên địa-vị đó mà cũng không dám nhắc. Hèn-yếu, mù-mờ rồi lại nói láo để dối bề tôi, mất cả thể thống của một Thiên-tử. Lại còn làm chuyện quá-đáng hơn nữa : cùng với Trịnh trao-đổi con tin. Trao đổi con tin là việc làm giữa hai nước láng giềng, đồng hàng với nhau. Nay Thiên-tử nhà Châu lại xuống tôn-vị mình trao đổi con tin với Trịnh, còn Trịnh quên mình ti-tiện, bước lên trao đổi con tin cùng Châu. Như vậy, thế bằng nhau mà thế lại nghịch nhau thì tôn-ti trật tự đã mất cả rồi. Trước lúc chưa trao con tin, Châu là Thiên-tử, Trịnh là chư-hầu. Sau khi cùng đổi con tin, Châu và Trịnh như nhau thì còn nể gì ? Cho nên lúc cắt lúa mạch nơi ấp Ôn, giật lúa hòa nơi ấp Lạc, hành động ngang-nhiên như vậy cũng là phải lắm rồi.

Nếu Bình - Vương không bằng lòng Trịnh-Bá, truất liền đi, mà Trịnh-Bá có cương-ngạnh thì chỉ là hành-vi của một tên phản-thần, còn tôn-ti của Thiên-tử vẫn vẹn-nguyên. Lại cùng nhau trao đổi con tin ! Như vậy, nhà Châu tự

coi mình như các chư-hầu khác, không dùng chức-vị của Thiên-tử mà tự-xử mình nữa thì, ngày lun tháng qua, còn ai biết nhà Châu là Thiên-tử nữa ? Cho nên một mai kia dùng binh-lực đánh nhà Châu chẳng còn chút gì kiêng sợ là vì không còn phải là một chư-hầu phản Thiên-tử nữa, chỉ là một chư hầu đánh với một chư hầu...

Đông-Lai tiên sinh không trách Trịnh - Bá mà chỉ trách Châu-Vương đã làm mất tôn ti trật tự, làm mất thể thống của một vị Thiên-tử bắt đầu từ khi trao đổi con tin với một nước chư-hầu. « Thế bằng nhau mà thế lại nghịch nhau » lời nói của tiên-sinh hàm - súc một ý-nghĩa chua cay và thống - thiết. Nhưng tiên-sinh là người trọng đạo-lý mà xa thực-tế nên tiên - sinh mới nặng về thể mà nhẹ về thế. Theo chúng tôi Châu - Vương đã thất thế từ lâu rồi chứ không phải chờ tới lúc trao đổi con tin mới mất thế. Bình - Vương và Hoàn-Vương đều chịu cái hậu quả của U-Vương vì mê gái mà giõn với chư-hầu. Thân ông bị chết đã đành mà ông làm mất luôn cả thế và thể của một ông Thiên-tử. Từ ngày Bình-Vương phải thiên-

đô qua phía đông mà đóng ở Lạc-ấp thì nhà Châu đã mất cả địa-thể, mất cả thực-lực và mất cả uy-tín, chỉ còn là một hư-vị, một Thiên-tử bù nhìn. Chúa Sở không thêm đi châu và cũng không tiến cống, thiên-tử đành làm ngơ, muốn giữ thế cũng không có thể đâu mà hỏi tội. Còn Trang - Công tuy làm khanh-sĩ nhưng lại là một công thần, đối xử với một công thần mà thiếu lòng chung thủy thì dầu có phải thất thế thêm một lần nữa cũng không có gì là lạ. Nếu Bình-Vương muốn giữ thế thì còn thể đâu mà giữ. Giọt lúa ở ấp Ôn, ấp Lạc, Trịnh - Bá mới gián tiếp xúc phạm tới Thiên-tử và còn mong có ngày tạ tội để giải-hòa. Nhưng đánh tan liên quân của Thiên-tử và bắn trúng Châu-Vương, Trịnh - Bá đã sẵn sàng đoạn tuyệt nếu Châu-Vương còn làm toàn để giữ thế.

Nhà Châu sở-dĩ còn kéo dài

★ **DANH NGÔN : Việc dễ, việc khó.**

*Chỉ những kẻ nào có nhân-nại làm được hoàn-toàn những việc dễ mới biết nghệ-thuật làm được dễ-dàng những việc khó.*

(Ceux-là seuls qui ont la patience de s'acquitter parfaitement des tâches simples peuvent acquérir l'art d'accomplir avec facilité les tâches difficiles)

SCHILLER  
(Văn-sĩ Đức)

hư-vị thêm mấy trăm năm nữa là vì loài người lúc đó còn nặng óc tôn-ti và thứ nhứt là các chư-hầu còn lợi-dụng danh-nghĩa Thiên-Tử để giành ngôi bá-chủ. Thật ra Thiên-Tử chỉ còn là một bù nhìn.

Lịch-sử Việt-Nam cũng có những hồi Vua ngồi, chúa trị, nhưng chúa Trịnh, chúa Mạc đối xử với vua Lê còn tàn nhẫn hơn nhiều.

Người ta vẫn thường nói : công-lý thắng cường-quyền, chánh-nghĩa thắng bạo-lực, nhưng phe cường-quyền và bạo-lực nhiều khi cũng nói tới công-lý và chánh-nghĩa và nhiều khi cũng ngang-nhiên thắng-thế.

Công-lý muốn thắng cần phải có sức mạnh ủng-hộ. Và chánh-nghĩa không giữ được thế thì cũng mất thế luôn.

Thiên-Tử nhà Châu đã tự làm mất thế, còn giữ thế sao được nữa ?

★ TÂN-PHONG



**RABINDRANATH TAGORE**

- THI-SĨ ẤN-ĐỘ
- THI-SĨ Á-CHÂU
- THI-SĨ QUỐC-TẾ
- Giải NOBEL 1913
- Sinh : 7-5-1861
- 7-5-1961 :

KỶ-NIỆM BÁCH CHU-NIÊN

**N** GÀY 7 tháng 8 năm 1941, một nhà Thi-hào Ấn-Độ, trút hơi thở cuối cùng tại Calcutta, khiến cho toàn thế Thế-giới buồn rầu thương tiếc. Tin đau-đớn ấy vừa loan ra, thì khắp các nước văn minh đều có một phút im-lặng để mặc niệm nhà thơ vĩ đại của thế kỷ XX : RABINDRANATH TAGORE không còn nữa ! Vì Tagore không những là bậc thi-hào của xứ Ấn-Độ, và của Châu-Á, Ông còn là một Thi-nhân xuất-sắc trên Thi-Đàn Quốc-tế. Ông là nhà thơ độc nhất ở Á-Đông được giải thưởng văn-chương Nobel, năm 1913.

Sinh ngày 7 tháng 5 năm 1861 tại Calcutta, con một gia đình quý-tộc của Ấn-độ, hồi 10 tuổi ông đã làm thơ rồi, và thơ của cậu bé thần-đồng ấy đã phảng-phất tư-tưởng nhân-đạo. Nhưng ông biết rằng có hồn thơ mãnh-liệt, có thiên - tài quán - chúng, nhưng không có học cao hiểu rộng thì văn thơ cũng chẳng ra gì, chỉ có lớp vỏ trăn men bề ngoài mà tư-tưởng không sâu, thì húng không cao, thi-tài không rộng, cho nên ông nhất-định xuất dương để tìm tòi học-hỏi văn-hóa của Tây - Phương. Năm 16 tuổi, (1877) Tagore sang Anh du-học, 20 tuổi ông đã thông thạo Anh-ngữ và đọc say mê các

văn-thơ của Anh-quốc tự cổ chí kim. Ông cũng đọc hầu hết các thi-sĩ Pháp, Đức, Ý, và La-Mã, Hy-Lạp là những nước đã sản-xuất những nền văn-học cao siêu và thâm thúy nhất trên thế-giới. Tất cả những bài thơ của ông từ trước viết bằng chữ bengali, bấy giờ ông dịch hết ra Anh-ngữ và xuất-bản tại London Nhờ đó mà thế-giới bắt đầu lưu-ý đến nhà thơ Đông-phương có tư-tưởng huyền-bí, cao siêu lạ-lùng.

Năm 1901, ông 33 tuổi, trở về quê nhà, lập tại vùng Bolpur, gần thành - phố Calcutta, một trường Đại-học để đào-tạo một thế hệ thanh-niên theo chí-hướng nhân-đạo và bác-ái của ông. Trường ấy tên là *Santiniketan*; (Hoà-Bình học-xá). Đây là một trường học lạ đời, không có lớp học, không có bàn ghế, không có bảng đen. Đệ-tử của ông có trên 100 người đều học ngoài vườn, ngồi trên đám cỏ, trên tảng đá, trên bờ suối, dưới bóng cây... Ông dạy học như Khổng - Tử, như Socrate, như Çakya Muni, như Jésus Christ. Không cần sách vở. Chỉ dạy miệng. Ông truyền tư-tưởng vô tận vô biên của ông cho Đệ-tử, ông dạy về triết-lý nhân-sinh, về tâm-hồn con người, về Đạo-đức, về âm-nhạc, về văn-thơ. Ông vừa dạy

## DANH NHÂN THẾ GIỚI

vừa cùng các đệ-tử nghe chim hót, nghe suối chảy, nghe gió vi-vu trong cây, trong mây...

Đó, Santiniketan, Hoà-bình Học-xá của Thi-sĩ Rabindranath Tagore. Ông gom góp các bài thơ của ông, xuất-bản thành tập thơ *Gitanjali* (Dâng Nhạc), viết bằng Anh-ngữ. Với tập thơ ấy Tagore được giải thưởng văn-chương Nobel năm 1913. Quyển Thơ này được nhà Văn-hào Pháp André Gide dịch ra Pháp-văn. Ông cũng có xuất bản một tập nhạc, đề là *Rabindra Sangeet*. Ông đánh đàn thật hay và vẽ cũng khéo. Về già, ông không làm thơ nữa, lại xoay qua Hội-họa. Ông có nét vẽ đặc sắc không giống của ai. Bản quốc-thiệu Ấn-độ, *Jana Gana Mana* do chính Tagore đặt ra.

Năm 1919, ông 58 tuổi, được chính phủ Anh tặng ông tước Đại-Hiệp-Sĩ, nhưng ông từ chối.

Năm 1921, ông lập trường Đại học *Viswabharati University* ở ngay nơi thôn-dã Sriniketan, gần Santiniketan. Ông phản-đối chính-sách bắt hợp-tác, của Gandhi. Ngày 1-6-1921, Tagore

và Gandhi có trao đổi nhau hai bức thư công-kích lẫn nhau về đường lối cách-mạng. Tagore chủ-trương hợp-tác với Anh, và tự mình nỗ lực xây dựng để ngày sau tự mình giải-thoát cho mình. Gandhi lại chủ-trương bắt hợp-tác để làm tê-liệt guồng máy hành-chánh của Đế quốc Anh.

Sau đó, Rabindranath Tagore đi du-lịch khắp thế giới. Ngày 20 tháng 6 năm 1929, nhà Thi-hào Ấn-độ có ghé thăm Sài-gòn. Ông được các giới trí-thức Việt-nam tiếp đón rất long-trọng. Bùi-quang-Chiêu, Dương-văn-Giáo, Lưu-văn-Lang, Đào-trình-Nhất, Diệp-văn-Kỳ là những đại-diện giới Văn-hóa ở đây thiết-tiệc ông tại nhà Hát Tây, để tỏ lòng chiêm-ngưỡng của Trí-thức Việt-nam đối với nhà Thi-hào Ấn-độ.

Ngày 7 tháng 8 năm 1941, Rabindranath Tagore từ trần tại Calcutta, thọ được 80 tuổi.

Ngày 7 tháng 5, 1961, ở Sài-gòn cũng như ở nhiều nước trên Thế-giới, các nhà Trí-thức có tổ-chức lễ kỷ-niệm đệ-bách chu-niên ngày sinh-nhật của Rabindranath Tagore.

## Hai bài Thơ của TAGORE

Đây là những tác-phẩm của Tagore đã dịch ra nhiều ngoại-ngữ : *Người làm Vườn của di-tình* (1920) *Giò trái cây* (1921), *Mặt trăng trẻ* (1924), *Hồi-ký* (1925), *Mushi* (1926), *Đuối tàu* (Tiểu thuyết, 1929), *Thư gửi một người bạn từ 1913 đến 1922* (1931) v.v...

\*

Dịch 2 bài Thơ của TAGORE  
(Nguyên văn của tác-giả bằng Anh-ngữ)

I

### ● THE PEACOCK ●

My heart, like a peacock  
on a rainy day,  
Spreads its plumes tinged  
with rapturous colours  
of thoughts,  
And in its ecstasy seeks  
some vision in the sky  
With a longing for one  
whom it does not know.  
My heart dances.  
The clouds rumble from  
sky to sky

The shower sweeps horizons,

The doves shiver in silence  
in their nests,

The frogs croak in the  
flooded fields.

And the clouds rumble.

O who is she on the king's  
tower that has loosened  
the braid on her dark  
hair, has drawn over her  
breasts the blue veil ?

She wildly starts and  
runs in the sudden flashes  
of lightning and lets  
the dark hair dance on  
her bosom.

Ah my heart dances like  
a peacock,  
the rain patters on the  
new leaves of summer,  
the tremor of the crickets'  
chirp troubles the shade  
of the tree,

The river overflows its  
bank washing the village  
meadows.

My heart dances.

Tạm dịch ra thơ Việt :

### ● CON CÔNG ●

Tim ta như con Công, một ngày  
mưa,

Xoè lông cánh say-sưa

Nhuộm muôn màu tư-tưởng.

Nó tìm ảo-tượng,

Trong phút đê-mê,

Trên trời ừ-ê,

Như ao-ước cái gì không biết,

Cái gì tha-thiết mong trông.

Tim ta xoè múa như con Công,

Mây cuộn âm âm

Bốn phương trời ào ạt mưa dầm.

Chim thư-cưu trong ổ lạnh, run-ráy  
âm-thầm,

Ếch kêu trong nước lụt đầy đầm

Mây cuộn âm âm.

Kìa nàng là ai đang đứng trên lầu  
Vua

Mơ tóc huyền buồng trôi.

Màn xanh che mặt vén cao trên đôi  
vú bởi-hải ?

Một tia chớp bỗng loè ra sáng-rực

Nàng chạy nhây như điên - cuồng,  
nao-nức,

Để áng tóc huyền múa trên da ngực.

Con tim ta cũng múa như con Công.  
Mưa dầm dề trên lá mới của mùa  
Hè

Để kêu ngát ngáy làm rung động  
bóng cây

Nước sông tràn ngập cỏ trên cánh  
đồng

Con tim ta xoè múa như con Công..

II

### ● PARDON ME ●

Pardon me, if in my  
pride

O ! Maiden of a century,  
yet to be born,

I picture you reading  
my poems,

While the moon fills the  
gaps in my verse

with its shower of silen-  
ce ;

I seem to feel your he-  
art throe

And hear you murmur :

« If he were alive today  
and had we met, he  
would love me .

I know you say to your-  
self :

## DANH NHÂN THẾ GIỚI

« Only for this night let  
me light my lamp for  
him at my balcony

Though I know he may  
never come ! »

Tạm dịch ra thơ Việt :

### HÃY THA THỨ CHO TA

Hỡi mỹ nữ hậu-sinh, cầu một trăm  
năm sau !

Nàng hãy tha-thứ cho ta, nếu ta  
kiên-căng

Tương-tượng nàng đang đọc dưới  
vầng trăng

Những vần thơ ta ngập đầy ánh  
sáng

Im-lìm lai-láng ;

Ta nghe mơ-màng

Trái tim nàng

Hồi-hộp bâng-quơ,

Tiếng nàng trong mơ :

« Nếu Thi-nhân còn sống hôm nay

và chàng gặp ta, chắc chàng yêu ta. »

Ta biết nàng âm-thầm tự nhủ :

« Chỉ một đêm nay ta thắp đèn  
trên bao-lon.

Đợi chàng Thi-nhơn.

Dẫu rằng ta biết chẳng bao giờ  
chàng đến ! »

**TÂN-PHONG**



### ● CẨM THÈ

CHA : Sao con cứ thè thốt mãi vậy, từ đây về sau ba cấm con  
thè nữa nhé.

CON : Dạ

CHA : Chắc hôn ?

CON : Dạ chắc, nếu con còn thè nữa, cho xe hơi cán con chết  
đi.



DU  
LỊCH  
ẤN  
ĐỘ...

Theo vết chân Phật

★ HERBERT MAY

Giáo-sư Đức-ngữ trường J. J. Rousseau Saigon

Pháp danh Việt-Nam : cư-sĩ CHÁNH-KIẾN

●  
★  
★  
★  
●

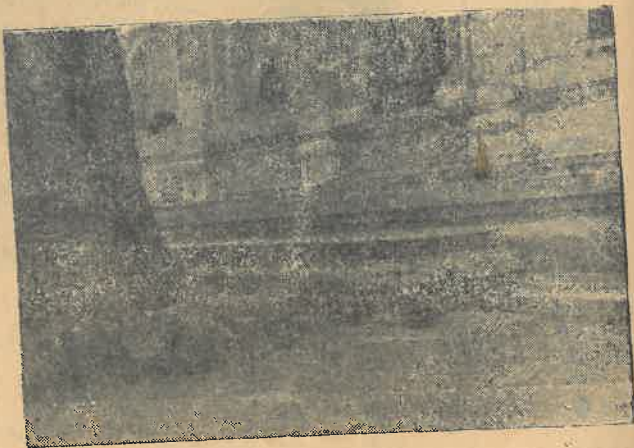
**M**ÔI di-tích của Phật đều có một quan - cảnh khác nhau. Tại SANCHI, có sự cách-biệt rõ-rệt giữa kiến-trúc khô.khan của Tháp lớn, một vòm đá vĩ-dại nhưng đơn-giản, trên đỉnh vòm chỉ xây một khối vuông nhỏ với một nắm đá cheo-leo ở chót-vót, toàn khối không có một nét chạm trổ nào, suông-sẽ như tư-tướng Phật-giáo, — và những nét rườm-rà, chen-chúc, đầy-rẫy trên bốn cổng chung quanh, dựng theo bốn hướng, chạm những hình thú-vật, bông hoa, và những cảnh diễn-tả đời sống của Phật, hoặc là những truyền-kỳ của Phật...

Tháp ấy là tượng - trưng giáo lý của Đức Thích-Ca, đến cả trong hình tròn của nó nữa, bởi hình tròn là biểu hiệu cho vô lượng vô biên, vô cùng tận.

SARNAH là nơi Phật ở chín năm, gần thành Banarès. Một nhà ga

mới cất, rất tân-thời, tỏ rằng chính-phủ lưu-ý đến những nơi di hành lễ của đệ-tử mười phương. Nhưng không những chỉ có Phật-tử khắp thế-giới đến viếng cảnh mà thôi, Sarnah cũng là nơi du-lich của một số đông người bốn-xứ đến bằng xe kéo. Nơi đây có hai cái Tháp xưa, một chùa mới của Hoa-Kiều, một thư viện và một dharmasala, nghĩa là một nhà nghỉ-ngơi cho Phật-tử đi dâng hương.

BODHI-GAYA, cách Gaya độ 10 kí-lô-mét. Đây là một làng nhỏ, có nhiều đền, nhiều di-tích, nhiều nhà nghỉ mát. Nơi đây, dưới góc cây Bồ-đề hiện nay



GÓC CÂY BỒ-ĐỀ

Nơi Phật nhập Thiên, (Bodhi-gaya).  
Ảnh của Giáo-sư H. May — Cliché Phó-Thông.

vẫn còn. Đức Thích-Ca Mâu-Ni đã nhập Thiên, có một ghế dài bằng đá kê bên cạnh góc cây. Ghế này và góc cây này đều được tín-đồ tôn-sùng, luôn luôn đầy những cánh hoa rải-rác lên trên. Cây Bồ-đề dựa vào tường một đền xưa rất nguy-nga, chung quanh có rất nhiều di-tích khác, xưa hơn nữa, của Lịch-sử đức Phật. Ở Bodhi Gaya, tôi nghỉ ngơi trong một nhà dharmasala, của người Tây-tạng. Nơi đây có 15 Thầy chùa Tây-tạng sống theo lễ-giáo rất nghiêm-khắc của họ. Khi làm lễ trước điện Phật, họ ngồi trên bốn giầy ghế, người này đối diện người kia. Buổi sớm mới, họ uống một thứ trà trộn với bơ. Vị Lạt - ma trông nom phòng ngủ của tôi, thì đi phải chống nạn. Ông ấy tứ-tế hết sức, khiến tôi phải cảm-động, mặc dầu khi ông nói tôi chẳng hiểu được tiếng nào. Có một vị Lạt-ma nói được tiếng Anh.

RAJGIR, cách Gaya không xa, đi đến nơi bằng ô-tô-buýt. Theo tôi thì Rajgir là một trong những thắng cảnh của đất Phật đẹp hơn cả. Nơi đây, có những vũng nước nóng, được người ta đào mương cho chảy vào các

ống đá, rồi từ các ống đá chảy ra miệng một cái đầu bò bằng đá, ngay giữa một cái sân vuông vức, chung quanh là những Đền, Chùa. Đức Thích-Ca có ở đây sáu năm.

NALANDA ở cách Rajgir 12 kí-lô-mét. Hồi xưa, nơi đây là một trung-tâm văn-hóa Phật-giáo, có một Đại-học-đường. Bây giờ thì chẳng còn gì, chỉ thấy điêu tàn hoang-phế. Tuy vậy, vẫn còn nhiều vết tích của một đô-thị lớn hồi xưa chắc là phần-thịnh và văn-minh lắm.

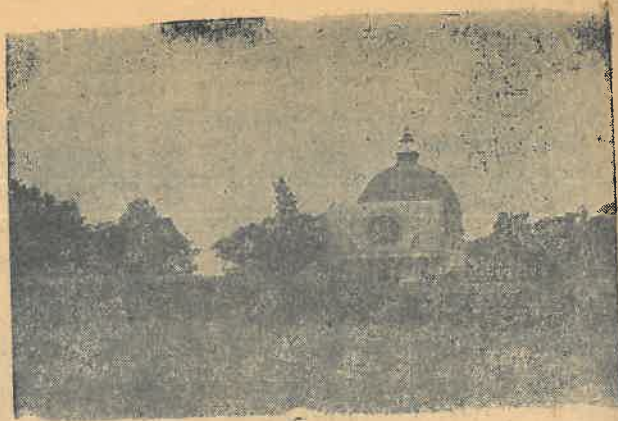
KUSINAGAR là nơi Phật nhập Niết-Bàn. Từ Gorakhpur đến đây cũng đi bằng ô-tô-buýt. Chỗ Phật nhắm mắt lần cuối cùng, người ta có dựng lên một cái Tháp, có vẻ tân-thời. Một tượng Phật bằng đá, dài 8 mét, nằm trong Tháp, có những tấm mền và tấm lụa, nhiều màu sắc phủ kín lên mình Phật, duy cái đầu và một nửa bàn chân thò ra ngoài.

Tháp này có hình ống, nhưng là một hình nằm.

Cách Tháp 200 mét, có một tượng Phật hồi thế-kỷ thứ X, nhưng bị người ta sơn một nước sơn vàng mới thành ra có vẻ một pho tượng tân-thời. Chỉ có một Tháp nhỏ còn giữ y



nguyên hình -  
thức của nó từ  
thời xưa, là cái  
Tháp xây thành  
gò núi, dưới  
chân thì hình  
bầu dục : đây  
là nơi ngọc thể  
của Đức Thích  
Ca Mâu - Ni  
được hỏa-thiêu  
sau khi Ngài  
nhập Niết-Bàn.  
Tháp này cách  
châu thành  
Kusinagar gần  
2 ki-lô-mét.



### KUSINAGAR

Nơi Phật nhập Niết-Bàn

Ảnh của Giáo-sư H. May — Cliché Phô.Thông

LUMBINI là nơi dân-sinh của Phật, thì ở về phía lãnh thổ của xứ Népal. Qua đây hơi khó. Đi xe lửa đến Nautanwa, tôi phải ngừng lại đây vì người ta cho biết là con sông bị lụt, nước ngập hết 2 cái cầu, không thể qua được. Phải đi vòng đường Nougar, bằng ô-tô-buýt. Nhưng đi được nửa đường, vào khoảng 15 ki-lô-mét, ô-tô-buýt cũng không chạy được nữa. Vì một chiếc cầu bị nước ngập. Phải lội qua sông. Qua được bên kia sông, phải đi ngựa. Biên-giới Ấn-Độ — Népal, chỉ được phân-cách bởi một tấm bảng rất đơn-sơ, ghi mấy dòng chữ Anh : *Népal border Lumbini, 5 miles.* (Biên-giới Népal, Lumbini 5 dặm) Đường thật xấu, người ta

lại còn đổ gạch vụn lên nữa. càng thêm gồ-gề. Phong cảnh chỉ có ruộng và ruộng, ao, đầm, đồng cỏ xanh mượt. Xa xa là giãy núi Népal. Có làng người bốn-xứ ở cạnh nơi Lumbini xưa, bây giờ là một cánh đồng phẳng-lặng mọc đầy cỏ. Còn thấy tấm bia đá của Vua Asoka, ghi chép ngày dân-sinh của Phật tại nơi đây. Một ngôi chùa do người Népal xây dựng. Hai cái Tháp cũ-kỹ ở trên một ngọn đồi.

Tất cả cảnh đền đài tráng lệ của Lumbini cũ, nơi sinh-trưởng của Hoàng-tử Siddharta, chỉ còn lại được có thể thôi....

(Trích dịch trong bài thuyết trình tại trụ sở Alliance Française Sài Gòn, tối 14-4-1961).

## TRUYỆN NGẮN

# ngoài phố

### ★ LINH-THI

U YÊN đi men dưới những mái nhà hẹp để tránh ánh nắng đỏ lửa.

Anh tự nhủ, nếu không chịu khó đi sát vào tường, vào cửa nhà thiên hạ — đầy lá, rác và vương vãi như thế này, có lẽ anh sẽ phát điên hoặc ngất đi không chừng. Con đường về trưa ít người qua lại, anh có cảm tưởng nếu quanh anh không có những âm thanh ồn ào của xe cộ, của những máy thu thanh rên rĩ những câu vọng cổ trong một tuồng cải lương hay tiếng trống dồn dập, tiếng kèn trompette rú lên một bản nhạc Jazz man rợ, về trong

anh hình ảnh một đoàn nô lệ da đen sau một ngày làm việc mệt nhọc, tụ họp bên ánh lửa bập bùng, cất tiếng hát gửi về miền quê hương xa xôi nỗi sầu xa xứ, tiếng hát trầm buồn, tiếng trống, tiếng kèn man rợ trung thành như tiếng hát của rừng xanh, của đời sống tự do... nếu không có những âm thanh nói lên sự sống quanh anh ấy, Uyên đã tưởng là đang đi giữa một thành phố chết thiếu bóng đêm, thiếu màu xanh hy vọng, tươi mát của cây cỏ, thiếu sự sống và quá thừa nắng bỏng..

Uyên thấy lòng anh hơi buồn và bức bối.

Anh thú vị trong cảm giác chỉ còn anh là người sống sót hay nói một cách khác là dám sống trong giờ phút này.

Người ta tạm chết cả rồi ! Nếu không, họ cũng đang chạy trốn ánh nắng ghê sợ này dưới những bóng mát, trong một phòng kín có máy lạnh hoặc quạt điện nào đó..

Anh si xóa câu hỏi chợt nảy ra trong trí anh : Mình có điên hay không ? Tại sao lại dậm dờ ra đường vào giữa giờ mà mọi người coi sự di chuyển, đi lại ngoài trời như một cực hình ? Uyên cười, dơ cuốn sách lên che bớt nắng dọi vào mặt, nói một mình :

— Minh đã điên đầu ? Minh chán ngồi trong căn nhà như cái chuông bỏ câu nóng như lò quay gà mà mình có cảm tưởng nếu phết bơ, phết mỡ vào người thì chẳng mấy lúc đã vàng ngậy, nên đi tìm một chỗ yên tĩnh có chút chân trời, chút gió mát và không bị giam hãm bởi bốn tấm vách ngăn nóng bỏng, đến cả không gian, tầm mắt cũng bị giới hạn bằng những ngăn cách và những mái nhà sơ lếch chói nắng để thoải mái ngồi thưởng thức một đoạn văn hay, một khung cảnh đẹp ?

Con đường đã đến khoảng có lưa thưa cây ; Uyên đi gọn dưới những bóng mát nghèo nàn đó. Anh tiếc rẽ từng chút một nên đi quanh co, xiên sẹo và đôi khi, muốn đứng thật lâu trong một khoảng có bóng mát hơi lớn.

Thình thoảng, vài chiếc xe nhấn hết ga lao vùn vụt trên đường nhựa như đàn bò trong đồng cỏ cháy đánh hơi thấy mùi nước ngọt. Bánh xe lăn trên đường phát ra chuỗi âm thanh rào rào như một trận mưa đờ giọt trên mái-tôn.

Uyên có cái ý nghĩ ngộ nghĩnh là nếu những chiếc xe vội vã đáng thương đó cứ chạy mãi, chạy mãi thì rồi đến một lúc nào đó, một là tất cả những bánh xe bằng cao su chỗ thì mỏng-mốc bụi, chỗ thì đen mun đi vì cọ xát với đường nhựa nóng bỏng sẽ mòn và gục xuống giữa đường trưa nắng với bốn trục xe bằng sắt ; hai là chất nhựa đường nóng chảy đen lầy nhầy kia sẽ cuốn dần vào bánh xe và tạo thành bốn tầng kệch cỡm, đen đúa, chuyền động nặng nề trông đến thảm hại và mặt đường sẽ trơn đá, đất, lồi-lôm, bần thiu như bị lột da...

Một chiếc xe taxi vụt qua. Gương mặt người đàn bà có hai vệt lông mày đen cong vút, đôi mắt sắc, sâu và đôi môi đỏ ngọt thoảng nhanh qua mắt Uyên; anh nhận thấy đôi nét quen thuộc, trên gương mặt ấy. Chiếc xe lướt qua rồi chợt có tiếng bánh xe lết trên đường khiến Uyên giật mình quay lại. Cửa xe mở rộng, khuôn mặt người đàn bà hiện ra cùng với nụ cười trên môi và bàn tay trái vẫy vẫy :

— Uyên !

Uyên mỉm cười, đến tận tay lên cửa xe nhìn vào, không nói.

— Anh đi đâu đây, anh Uyên ?

— Tôi ấy à ?

— Thì em hỏi anh chứ ai ?

— À ! Tôi đi dạo. Còn Tuyết ?

Tuyết cười, lắc đầu :

— Trời ơi ! đi chơi giờ này ư ? Chịu các ông thật ! !

Ngừng một chút để mở rộng cửa xe, mắt vẫn không rời Uyên, Tuyết tiếp :

— Em định đi mua vài thứ lặt vặt. Đi với em cho vui nhé ?

Uyên do dự, không muốn lên xe. Tuyết nheo mắt :

— Không bắt anh trả tiền đâu, yên trí ... Ai lại đi bộ giữa trưa nắng thế này ? Ốm chết ! — Nàng hạ giọng rất điệu — Đi với em nhé ? Lên đây đi, anh !

Uyên chắc lưỡi :

— Đi thì đi. Sợ gì ?

Tuyết cười ngồi xích vào trong nhường chỗ cho Uyên. Chiếc xe chồm lên, rẽ sang đường khác hướng về Saigon.

Uyên lặng lẽ nhìn ra ngoài. Những gốc cây những cột đèn sắp hàng lần lượt vụt qua rồi mất hút sau lưng. Uyên cảm thấy hơi dễ chịu và muốn xe chạy thật chậm dưới bóng mát của hai hàng cây để kéo dài cảm giác mát mẻ,

để thở này. Anh ngả đầu ra sau, tựa vào nệm xe và quên rằng còn người bạn đồng hành ngồi bên cạnh đang nhìn anh với ánh mắt bắn khoăn, dò hỏi. Mãi đến khi xe ngừng trước Bar Givral, Uyên mới chợt nhớ và quay sang mỉm cười với Tuyết. Nàng cười đáp lại, mở ví trả tiền xe.

✱

Người bồi lạng lẽ đặt trước mặt Uyên một ly café đá và Tuyết một ly kem nước pomme ; Uyên hỏi sau một lúc nhìn sâu vào mắt Tuyết khiến nàng hơi thẹn cú; xuống nhìn ly nước nàng đang xoay tròn trong tay :

— Tại sao hôm nay Tuyết lại có ý sầm-sửa cho tôi thế ?

Tuyết vẫn giữ nụ cười trên môi — đó là thói quen củn nàng, có lẽ cho nghề nghiệp một phần :

— Có gì đâu ? Em có ý đó vì hôm nay em sẵn tiền và, luôn tiện mua những thứ khác nữa... Em thấy, hình như anh thiếu khăn và lại... — ánh mắt Tuyết dịu lại — em muốn lưu lại chút kỷ niệm ngày hôm nay, ngày em chợt hiểu được một phần những thắc mắc đã khiến em khổ sở bao ngày...

Uyên nhẹ gạt đầu, kéo từng

hơi thuốc lá dài. Tuyết tinh nghếch đưa tay như muốn bắt lấy những vòng khói tròn, dịu nhuyễn do Uyên nhả ra. Nàng ra dấu cho Uyên chú ý thêm đến trò chơi có vẻ trẻ con ấy của nàng, giọng buồn buồn :

— Gần mười năm rồi, em chạy đuổi theo tiền tài, danh vọng, hạnh phúc như thế đấy. Có khác gì không anh ?

Uyên thổi mạnh phá vỡ những vòng khói tròn đang tan dần trước mặt, gật đầu :

— Khác nhiều chứ ? Trong trò chơi này em không được gì nhưng cũng không mất mát gì cả, nhưng chuyện kia... em đang đánh canh bạc lớn với đời đấy !

— Nghĩa là... ?

— Nghĩa là... nếu em may mắn thì chưa chắc đã được hoàn toàn mãn nguyện ; bằng không...

— Uyên nhún vai — em hiểu chứ ?

Tuyết thở dài :

— Em hiểu. Bây giờ em hơi hiểu tại sao trước kia anh nói với em : « Có người lớn một nước cờ đời có can đảm bầy lại nước khác, có người bỏ cuộc chịu thua luôn. Ai cũng có lý của người đó nhưng thử hỏi được thua có nghĩa lý gì ?

Cuộc sống này mang danh nghĩa gì, có ý nghĩa gì, cứu cánh cuộc đời này là gì ? Theo tôi, muốn định nghĩa cho đúng — gác bỏ ra bên ngoài những mê đay luân lý nhiều khi mang mặt nạ đẹp đẽ — có thể tóm tắt một câu : Chẳng có nghĩa gì cả. Sống chỉ là bị xô đẩy, xua đuổi từ nhà họ sinh, từ bàn tay người mẹ đến năm mồ !! Mau hay chậm, trước sau rồi cũng đến đó, có khác chăng là trong khoảng thời gian ấy, quãng đường ấy họ đã làm gì mà thôi. »

Riêng em, em đã tự hỏi không biết bao lần trong những đêm trằn trọc : Em đã tiêu pha đời em ra sao ? Em cảm thấy sợ hãi, anh ạ. Nhan sắc em bắt đầu tàn rồi, phải không anh ? Gần ba mươi tuổi ! Nhiều khi em soi gương và tự dối lòng, tự nhủ, những nếp nhăn đã bắt đầu hiện rõ dần trên vầng trán có lẽ do thói quen hay nướng mày mà ra. Nhưng... anh hiểu chứ anh ! Mình biết rõ quá, làm sao tự dối lòng được ? Em sợ anh ạ ! Cảnh về chiều của đời người... Anh ! anh có nghĩ gì không ?

Uyên lắc đầu, nâng ly uống một ngụm café nhỏ. Anh xoay tròn ly nước trong tay, nhìn chất nước đen xậm có vài cục nước đá

nhỏ nổi lên trên tạo thành những tảng không màu :

— Tôi không muốn nghĩ gì nữa cả hay nói đúng hơn, có lẽ tôi nghĩ đã hơi nhiều, tôi muốn nghỉ ngơi một thời gian, tôi muốn được sống thật thoải mái, không thắc mắc, không lo âu, không phiền muộn, cố tìm lại sự bình tĩnh và can đảm hầu sắp lại ván cờ đời đã lỡ...

— Anh được như ý chưa ? Nếu được, anh làm ơn chỉ cho em...

Uyên thở dài, lắc mạnh ly café. Những mảnh nước đá va vào nhau, chạm vào thành ly nghe như tiếng vật gì dòn tựa thủy tinh vỡ. Uyên không muốn nói ra sự thực chán chường của anh, anh nhìn Tuyết thật lâu, lắc đầu nói nhỏ :

— Hiện giờ thì chưa nhưng có lẽ sắp được. Em có tin thế không ?

Hai người bị nhận chìm trong sự im lặng. Ngoài trời nắng đã dịu rồi, người qua lại khá đông. Uyên nhìn họ với con mắt bình thản. Anh muốn an ủi nàng, nhưng nghĩ lại có lẽ không ích lợi gì nên lại thôi.

— Hôm nay em có đi hát

không ?

— ...Có anh ạ. Nếu rảnh, anh đến đón em nhé ?

— Ừ... nhưng không hứa đâu nhé !

Tuyết cười, nói thầm cho mình nàng nghe :

— Hứa hẹn mà làm gì nhỉ ? Biết có còn để giữ vẹn không mà hứa ? Mười năm, hai chục năm đã qua thì chẳng bao nhiêu nhưng vài năm, mười năm sẽ tới... — nàng chợt hỏi anh nghĩ thế nào ?

Uyên ngạc nhiên quay lại :

— Về gì ?

Tuyết cười :

— Về mười mười lăm năm đã qua và mười năm sẽ đến.

Uyên cũng cười, nụ cười buồn và chịu đựng :

— Cả hai tôi đều không muốn nghĩ tới, không dám thì đúng hơn. Còn em ?

Tuyết cười, phác một cử chỉ mơ hồ, không trả lời.

\*

Hai người chia tay nhau vào lúc gần một giờ sáng. Khi Uyên quay lưng đi, Tuyết nói với :

— Chúc anh ngủ ngon nhé ! Ngày mai em ở nhà, nếu rảnh anh lại em nhé !

Uyên không trả lời.

Bao thuốc nhả nheo, lép xẹp còn sót một điếu cuối cùng. Uyên châm lửa và vo tròn vỏ thuốc ném vào một gốc cây. Anh dứt tay vào túi quần, lững thững đi dọc con đường vắng, hy vọng gặp một chiếc xích lô. Tay Uyên chạm vào gói giấy bỏ trong túi, hai chiếc khăn, món quà kỷ niệm chiều nay của Tuyết.

Anh nhớ tới câu nói của Tuyết lúc này, khi anh đến đón nàng về, sau giờ hát :

— Em đã quyết định anh ạ. Em nhận lời hát thường xuyên trong ban nhạc lưu động để giải trí các trẻ mồ côi trong các cô-nhi-viện toàn quốc. Lương ít và rất có thể khiến mọi người quên dần tên tuổi em nhưng... anh hiểu ? Anh nghĩ thế nào ?



● QUÁ HÀ-TIỆN

Một người hà tiện bị té xuống giếng. Một anh nhà quê đi ngang qua và nghe tiếng kêu cứu, mới đến bên giếng và đưa tay xuống, bảo : «ĐƯA tay đây, lời sẽ kéo lên. Người hà tiện nghe tiếng ĐƯA mới từ chối không chịu đưa tay lên.

Hiểu ý, anh nhà quê nói : «Thôi NẮM tay tôi. Túc thì người hà tiện đưa tay lên và thoát chết.

Uyên đã nhúm vai trả lời sau một hồi im lặng :

— Tôi tin rằng em đã suy nghĩ kỹ, vậy không nên vì một lý do gì mà thay đổi. Em làm theo ý em. Tôi làm theo ý tôi. Mỗi người có sự tự do riêng của mình, không nên để người nào khác không trách nhiệm, không liên hệ nhiều, không bôn phận xen vào, có thể làm thay đổi quyết định của mình. Tôi tin em đã quyết định đúng.

Tuyết mỉm cười; xiết chặt tay anh :

— Dù sao, mình cũng phải cố tìm một ý nghĩ, cho cuộc sống này chứ, anh nhỉ ?

\*

Uyên thở dài, huýt sáo một điệu nhạc buồn.

Ngày muôn thuở

Cây lá đằm-trang rung ánh ngọc,  
Bông hoa thành kính gửi trầm hương,  
Không-gian trong lặng, thanh-thanh khí !  
Đường mật, chim dâng nhạc cúng-dường.

— Sao khác làm sao ! Ai đón ai ?

Phút giây tin lạ, ngại e hài,  
Vô-ưu thom dẫu Sen Từ-Mẫu :  
Xuất-hiện từ đây Vị Cứu-Đời !

Trời tung hoa, hoa Mạn-Đà-La,  
Và hào quang, màu sắc hăng-sa,  
Ti trúc thiên-tiên, giờ hoan-lạc,  
Địa-cầu rung động, vang áu-ca !

Hôm nay làm dậy nghìn xưa lại,  
Quốc-độ nào không vắng-vắng lời :

Lâm-Ti-Ni cũ, vườn thơ Đạo,  
Xuất-hiện Người luôn hướng-dẫn người !

TỔNG-ANH-NGHỊ

\*

Trăng vàng lộng nước, nước long-lanh,  
Phơ-phất sương mờ, trúc uốn quanh.

Lo-lững thuyền trắng trôi bến biếc,  
Chơi-vơi nhạc suối lạc cung thanh.

Vườn mơ nghiêng ngựa cành hoa mộng,  
Gác gió băng-khuáng kiếp chỉ màn.

Buồn ngắm mây xa tình dju vợ  
Đục lờ khói bạc ửng xây thành.

THANH.NGUYỄN

M  
O  
M  
À  
N  
G

# BA PHO TƯỢNG



CHUYỆN  
NGẮN  
LỊCH  
SỬ

★ NGUYỄN-VỸ

**T**RÊN một con đường làng mù-mịt vắng tanh, Nguyễn Ánh với hai vị quan hầu theo sau, phi ngựa trực chỉ về phía Tân-sơn-Nhi, Chúa Nguyễn vừa bại trận ở Gia-Định, đã truyền lệnh cho đám tàn binh mạnh ai nấy trốn.

## SU-TÔ

Quân Tây-Sơn đuổi riết theo ngài. Hoàng-hôn vừa ngã bóng xuống cánh đồng ngập nước trắng-băng vì sông Đồng-Nai bị lụt.

Đến một khúc quanh, ba người kỵ-mã gò cương ngựa, Nguyễn Ánh quay lại ngó hai viên Quan-hầu, đôi mắt ngài trào ra hai ngấn lệ. Một vị quan lo lắng, thưa :

— Bẩm Chúa-Thượng, địch quân theo ta. Xin Chúa Thượng tiếp-tục hành-trình.

Nguyễn Ánh không trả lời.

Ngài nhìn lại chân trời thăm-thẳm, về hướng Gia-định, nơi đây ngài vừa bỏ lại mấy ngàn thương-binh và tử-sĩ trên bãi chiến-trường. Ngài hỏi :

— Có phải anh của ta đã tử-trận rồi chăng ?

— Muôn tâu Chúa-thượng, Đức Ông bị một viên-dạn bắn trúng vào ngực. Máu chảy ra nhiều quá, Đức Ông ngã gục xuống một cái mương gần một bụi chuối.

— Mau ! mau ! Các người hãy cùng ta quay về Gia-định, tìm cho được ngọc-thể của anh ta và chôn cất tử-tế.

— Muôn tâu Chúa-thượng, xin Chúa-thượng chớ lo điều đó. Sáng sớm ngày mai, chúng tôi xin chu toàn công việc mai táng Đức-ông. Bây giờ, quân Tây-Sơn đang đuổi theo ta, tìm bắt ta, ta đứng nơi đây ẹ nhiều điều không tiện. Xin Chúa-thượng kíp tìm chốn nghỉ ngơi để tránh địch quân nội trong đêm nay. Chúng tôi trông thấy ở đằng xa kia kia, hình như có một ngôi chùa...

Nguyễn Ánh ngoảnh mặt nhìn một mô gò xa xa trên bờ sông, ầu nấp trong ánh sương chiều, một mái chùa thấp thoáng giữa

đám cây xanh như một bức tranh thủy mặc. Ngài giục ngựa, cùng với hai vị quan-hầu, vượt cầu, băng ruộng, vụt thẳng đến đấy.

Trước điện Phật, một vị Sư-cụ đang ngồi gõ mõ tụng kinh. Một ngọn đèn dầu phụng cháy liu-liu bên cạnh, rọi ánh sáng mờ mờ lên nét mặt từ-bi, nhân-đức của người.

Nguyễn-Ánh tiến đến Sư Cụ :

— Mô Phật ! Xin Sư-sự miễn thứ cho bi-nhân đây là Nguyễn-Ánh và hai vị Quan-hầu. Quân Tây-Sơn đang đuổi theo ta. Nhờ Sư-Cụ tìm gấp cho một nơi ẩn-trú kín đáo để tránh giặc đêm nay.

Sư Cụ đã ngưng tiếng mõ, bình tĩnh đứng dậy, chấp hai tay khe cúi đầu chào :

— Nam-mô A-di-đà-Phật ! Xin thỉnh Chúa-thượng và hai vị Cận Thần dời gót ngọc vào nhà hậu đường.

Sư Cụ cầm đèn đi trước dẫn ba vị thượng khách vào một căn phòng tối tăm chật hẹp, nơi đây có kê một chiếc hòm dài, sơn son thếp vàng. Nguyễn Ánh khe hỏi :

— Sư Cụ định bảo ta chui vào nằm trốn trong hòm chăng ?

— Mô Phật !

Sư Cụ lặng lẽ mở nắp hòm, lấy ra ba chiếc áo cà-sa, bảo Nguyễn - Ánh và hai vị Quan-hầu mặc gấp vào, và lấy luôn ba mũ cánh sen cho ba người đội. Xong, ngài đưa ba vị khách trở ra Điện Phật. Phía bên trái Chánh Điện, có một bàn thờ riêng các vị Sư đã kể tiếp trụ-trì Chùa này từ lâu đời. Trên bực cao chót-vót là ba vị Sư-Tổ sáng lập ngôi Chùa. Các bực dưới để các pho tượng nhỏ hơn, tất cả đều bằng gỗ, hoặc bằng đất sét, mặc áo cà-sa và đội mũ cánh sen.

Nguyễn Ánh khẽ hỏi :

— Sư Cụ định để ta giả làm nhà sư ngồi tụng kinh nơi đây hay sao ? Không được đâu ! Giặc Tây Sơn thế nào cũng biết, mưu cơ sẽ bại lộ.

Sư Cụ bình tĩnh trả lời :

— Mô Phật ! Muốn tâu Chúa thượng, xin Chúa-thượng đừng ngại điều chi. Bàn-tăng sức yếu, dám nhờ Chúa-thượng và hai vị Cận-thần trèo lên khiêng ba pho tượng Sư-tổ ở trên bực cao kia, đem xuống đây... Ba pho tượng bằng gỗ trầm khá nặng. Xin làm mau lẹ, kẻo giặc đến bây giờ thì nguy lắm...

Ba vị thượng khách vội vàng

làm theo như lời Sư Cụ chỉ bảo. Sư Cụ vẫn điềm-nhiên chỉ-huy công-việc : Dạ xin đặt cả ba pho tượng trong góc kia, để kê sát vào vách tường... xin để ngay hàng... Được rồi... Bây giờ mời Chúa-thượng và hai vị Cận-Thần trèo lên ngồi vào ba chỗ trống trên Điện. Xin Chúa-thượng ngự-tọa ở giữa, hai vị ngồi hai bên. Khi nào giặc đến, xin Chúa-thượng và hai vị nhắm mắt lại, giữ nét mặt bình tĩnh, thật bình tĩnh, như ba pho tượng Sư-tổ kia. Xin đừng nhúc-nhích, đừng có một tiếng động nào cả, ngồi yên... Mô Phật !

Nguyễn Ánh và hai vị Cận-thần leo lên trên bực cao chót-vót, ngồi yên lặng, đứng theo lời căn dặn của Sư Cụ. Xong, Sư Cụ chấp hai tay nhìn qua Tượng Phật trên Chánh điện, lẩm-bẩm mấy lời cầu nguyện :

— Nam-Mô Bổn-sư Thích-Ca Mâu - Ni Phật ! Lay Phật phò-hộ cho Chúa Nguyễn bình an vô sự !

Người trở lại chỗ người tụng kinh thường lệ trước Điện Phật. Bên ngọn đèn dầu phụng, Sư Cụ ngồi gõ mõ, tiếp tục tụng cho hết pho *Diệu - Pháp Liên Hoa Kinh*...

**Q**UÂN Tây Sơn kéo vào chặt cả sân Chùa. Vị Trướng - lĩnh truyền lệnh cho ba quân truy-tầm, lục-loại... Tiếng quát tháo, kêu gọi, lẫn với tiếng tù-và thổi, tiếng trống, tiếng chiêng vang rền, tiếng người la, ngựa hí, ồn - ào náo - động dưới ánh sáng đỏ hoe của mấy chực bó đuốc cháy rực cả sân chùa và chung quanh chùa. Binh-sĩ bao vây, lưng kiếm, bắn súng lệnh chỉ thiêng, thọc dáo mác trong các lùm cây, bụi rậm. Vị Trướng-lĩnh Tây Sơn đẩy cửa, hung-hăng bước vào Điện Phật. Y trợn mắt hỏi nhà Sư :

— Thám-tử của ta báo tin cho biết Nguyễn Ánh trốn trong chùa này. Sư Cụ giấu hẩn chỗ nào, chỉ mau, không thì ta lấy đầu nhà sư tức khắc !

Sư Cụ điềm-nhiên đáp :

— Nam-mô A-Di Đà-Phật ! Bàn-tăng chỉ có phận-sự gõ mõ tụng kinh đêm ngày, Xin Trướng-quân cứ truyền lệnh cho binh-sĩ tìm kiếm Chúa Nguyễn trong chùa.

— Ta biết chắc có Nguyễn. Ánh trốn núp đâu đây.

— Mô-Phật, trốn núp nơi nào được ? Bổn-tự đã hư nát cả,

mái chùa thì dột, vách cột xiềng-xeo, vườn tược hoang-tàn, cửa ngõ không then không khóa. Ở đây, bàn-tăng một mình một bóng, chỉ có các pho tượng Phật và các tượng Sư-cụ mà thôi.

— Nếu quân sĩ ta tìm bắt được Nguyễn Ánh trong chùa, thì Sư Cụ chịu tội gì đây ?

— Mô Phật, tướng-quân cứ việc đem chặt đầu bàn-tăng, vớt xuống sông Đờng Nai.

— Được ! Quân đâu, hai chục đứa vào đây, lục soát khắp cả mọi nơi, tìm cho ra Nguyễn Ánh, nghe ?

— Dạ ! Dạ ! Dạ !

Ánh sáng chói lọi của hai chực bó đuốc soi quét hết thảy các bóng tối trong Điện, trong trai-đường, hậu-đường. Một cặp doi kinh hoảng từ trong kẹt tường bay vụt ra, liên qua liên lại xào-xạc trên đầu các tượng Phật và các tượng Sư-tổ ngồi từ-bi, lặng lẽ trên mấy bực cao.

Ngoài sân chùa, tiếng trống tiếng tù - và, tiếng dáo mác cọ với nhau và tiếng súng rộn-ràng ghê rợn !

Nhưng trước điện Phật, luôn luôn điềm tĩnh vô - vụ, Sư Cụ vẫn ngồi bên ngọn đèn dầu phụng, tay gõ mõ đều - đều.

miệng tụng không ngớt pho kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa...

Bỗng đứng nơi góc tường, vị Tướng Tây-Sơn hét lên :  
— Nè, ông Sư, ba cái tượng gì đây ?

Sư Cụ đứng dậy, tiến đến y :  
— Nam-Mô A-Di-Đà-Phật ! Đây là ba pho tượng ba vị Sư-Tổ của Sư Cụ chùa Phú-Thọ gởi bần-tăng cất giùm. Chùa Phú-Thọ dạo này đang phá để cất lại chùa mới.

— Sao không đặt ba pho tượng này trên điện thờ, mà lại để trong xó tường ?

— Nam-mô A-di-đà-Phật, bần-tăng để tạm đây vì trên Điện thờ các vị Sư-tổ đã chật hết, không còn một chỗ trống.

Vị Tướng Tây-Sơn ngó lên Điện thờ, trở mắt nhìn kỹ, quả nhiên thấy các pho tượng kê sát vào nhau chật-

ních. Y ngó lại ba pho tượng kê dưới đất trong xó Chùa. Y cầm gương khe đập thử trên vai ba pho-tượng, và trên bụng, trên chân, để xem thật hay giả.

Tượng giữa chạm bằng gỗ chỉ kêu cạch cạch... Hai pho hai bên nắn bằng đất sét, bị lưỡi gương chạm mạnh, rời ra một miếng vôi mỏng.

Vị Tướng Tây-Sơn lễ-phép chấp tay xin lỗi Sư Cụ, cúi đầu xá ba xá các tượng Phật và các tượng Sư-tổ trên điện, rồi bước ra ngoài.

Y truyền lệnh rút quân trở về Gia-Định.



Trong tịch-mịch đêm khuya, sương lạnh mịt-mù bao phủ cảnh Chùa. Người ta còn nghe văng vẳng tiếng Sư Cụ tụng kinh, nhịp theo tiếng mõ đều-đều...

N. V.



**\* Đố các bạn : NGÀY THỨ MẤY TRONG TUẦN ?**

Nếu ngày mai là hôm qua, thì ngày nay cũng gần đến ngày chủ nhật như ngày nay nếu hôm qua là ngày mai. Vậy đố các bạn biết hôm nay là ngày thứ mấy trong tuần ?

(Xem câu trả lời ở trang 82)

Một giấc Mơ hoa



\* DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P. T. số 56)

\* Mừng 5.. Hết Tết. —

**T**ẾT đã hết rồi. Mau quá. Nhưng mùa Xuân đã hết chưa ? Riêng Duyên-Hồng thấy mùa Xuân mới bắt đầu... Nhớ lại Tết năm ngoái, Hồng còn trẻ-con lạ. Tết năm nay tung-bùng hơn, pháo nổ nhiều hơn, mùa Xuân vui hơn, nhưng sao Hồng thấy hơi buồn buồn... Không như năm ngoái.

Sáng nay, Hồng đang đứng ngoài hè, thoáng thấy bóng anh Hải, anh của Mỹ-Thanh, từ đằng xa tiến đến. Hồng thẹn thẹn chạy vào nhà. Hồng nấp sau màn cửa sò, ngó ra. Anh ấy đi ngang qua nhà, liếc vào. Hồng né sang một bên, mặc dầu Hồng đứng sau màn chắc anh không trông thấy. Anh vừa đi qua khỏi, Hồng bước ra cửa ngó theo...

2 giờ chiều rày, Anh... ấy lại đi ngang qua trước cửa. Hồng đang nhặt cái pháo ngoài sân, vội vàng vứt pháo, chạy ù-té vào nhà. Anh ấy có trông thấy Hồng không?... Sao anh... ấy cứ đi ngang qua nhà Hồng mãi thế nhỉ?

★ **Mồng 6 — 3 giờ 30**, Thầy Me đi Thủ-Đức với Bé Thừa và Út. Chị Vân, chị Mai lại đi xi-nê nữa! Hai chị bảo Hồng đi, Hồng lắc đầu: «Hôm qua đi cine rồi. Hôm nay em chả đi nữa đâu». Chị Mai tức giận bảo: « Không đi, thì ở nhà! »

Sao chị Mai ghét Hồng thế?

Hồng ở nhà đợi con Lan con Huệ đến chơi. Sao Hồng cứ buồn buồn là ấy. Hồng cứ nghĩ vẫn nghĩ về chuyện gì đâu đâu... Nhớ câu anh Hải chúc Hồng năm mới... Hồng tủm-tủm cười một mình. Anh ấy nhìn Hồng như thế nào mà bảo Hồng đẹp? Hồng đứng ngắm trước tủ kiến, xem Hồng đẹp ra làm sao mà anh ấy bảo Hồng « đẹp nhất Sài-gòn »? Hồng ngắm-nghìn một lúc lâu, nhưng Hồng không biết tả sắc đẹp của Hồng. Hồng chỉ nhìn Hồng trong kiến, Hồng nhòe một nụ cười duyên với Hồng. Hồng đưa hai bàn tay lên ngực... Hình như ngực Hồng năm nay... Ồ Hồng chả hiểu làm sao cả. Ngực Hồng gần bằng ngực của chị Vân, chị Mai rồi... Hồng, có đẹp gì đâu mà sao anh... Hải anh ấy cứ nhìn Hồng mãi? Hồng ghét cái nhìn của anh ấy lạ.

Hồng ra đứng cửa, ngó đâu đâu...

Thí dụ như có anh Hải đi ngang qua cửa trông thấy Hồng nhất-định Hồng sẽ chạy trốn. Hồng sợ gặp Hải, Hồng quay vào nhà.

Một lát Hồng lại ra cửa...

Hôm qua, chị Mai đã mắng Hồng: « con Hồng, nó đứng làm

gi ở cửa mãi thế nhỉ? Đi vào!» Hồng đứng ở cửa, có làm sao đâu mà chị ấy cấm? chị Mai chuyên-môn bắt-nạt Hồng thôi. Nói theo giọng con « Ngọc Cầm-Thơ » ở trong lớp: « Làm le một cây »!

● **6 giờ 30**

Con Lan con Huệ hẹn 4 giờ đến chơi, mãi 4 giờ rưỡi tụi nó mới đến. Nói chuyện đùa bỡn với hai đứa nó thật là vui. Tha hồ cười. Nhưng chốc chốc Hồng lại liếc ra ngoài đường phố, xem anh Hải có đi ngang qua cửa hay không.

Nhưng Hồng nghĩ vô-lý thật. Anh của Mỹ-Thanh có ăn thua gì với Hồng đâu mà Hồng cứ... Thôi, sửa soạn ngày mai đi học. Hồng nhất-định không nghĩ đến chàng con-traí ấy nữa. Hết Tết rồi, là hết vắn-vơ « thơ mộng ».

★ **Mồng 8. — ● 8 giờ tối**

Sáng nay Hồng mang giày cao gót đi học, bị Me rầy dữ-dội! Me bảo: « Con gái đi học phải mang giép, hay là giày bằng gót. Giày cao gót là để cho người nhón mang, nữ-sinh lớn tuổi cũng chỉ mang trong ngày Tết, hoặc khi nào đi lễ, đi dự tiệc mà thôi. »

Vào lớp, Hồng hỏi cô giáo, cô giáo bảo: « Y-phục phụ-nữ phải theo đúng thời - trang chứ không phải ăn-mặc bừa-bãi thế nào cũng được đâu. Người con gái biết phép lịch-sự, tỏ rằng mình thuộc về một gia-đình có giáo-dục tốt đẹp, cần phải săn-sóc đến y-phục cũng như đến nữ-trang. Ở các nước văn-minh trên Thế-giới, nữ-sinh các trường Trung-học, — và cả Đại-học nữa, — đều không bao giờ mang giày cao gót để đi học. Còn ở xứ ta, tôi thấy nhiều em ở các lớp Đệ-nhị Đệ-nhất-cấp đi học vẫn mang giày guốc cao-gót một cách rất tự nhiên. Phong trào mang giày cao-gót trong học-đường tràn lan đến cả các em 15, 16 tuổi ở đệ-lục, đệ-thất. Người ngoại-quốc trông thấy thế, không khỏi nhận xét không tốt - đẹp về các thiếu-nữ Việt Nam. » Đại-ý của cô giáo nói về phép sử-dụng y-phục Nữ-sinh là như thế. Đến giờ ra chơi, có vài Nữ-sinh bàn-tán, không đồng-ý,



cho rằng thời buổi nguyên-tử ăn-mặc thể nào cũng được, miễn là tăng vẻ đẹp phụ-nữ thì thôi. Nhưng đa số các chị em khác nghe theo lời cô giáo. Hồng cũng cho cô giáo nói đúng. Hồng thấy nhiều chị, — nhất là mấy chị nhón — đi học lúc nào cũng mang giày cao-gót, và dọn ngực quá lộ, hoặc đánh móng tay móng chân, trông không nữ-sinh tí nào. Hồng còn thấy cả bọn con sen con-ở đi chợ, làm bếp, cũng mang giày cao gót, điệu bộ trông rõ thật lố-lãng.

### ★ Mồng 10 — ● 1 giờ

Mỹ-Thanh đứng đợi Hồng ngay trước lớp lúc giờ chơi, vì lớp Hồng ra sau. Thanh và Hồng nắm tay đi trong sân, trò-chuyện thân-mật. Hồng không dám nhắc đến tên người anh của Thanh, nhưng chả hiểu Thanh vô tình hay cố-ý thỉnh-thoảng lại nhắc đến chuyện hôm Tết, mỗi lần Thanh nói : anh Hải khen Hồng thế này.. anh Hải khen Hồng thế kia.. thì trong thâm-tâm Hồng thích nghe lắm, nhưng ngoài mặt Hồng vẫn làm ra vẻ không chú-ý đến, Hồng cứ nói lảng sang chuyện khác.

Sự thực Hồng cảm thấy từ Tết vào, Hồng quyến-luyến Mỹ-Thanh hơn năm ngoái nhiều. Dù sao, Thanh cũng là một con bạn khả-ái.

Lúc ra về, gặp con Lan, nó cười hóm-hỉnh, bảo : « Đạo này Hồng bờ-bịch với con Thanh lắm thế ! »

● 9 giờ tối. Lúc chiều, Hồng học bài xong, lấy tờ báo hàng ngày ra xem. Có một đoạn trong một chuyện ngắn nơi trang hai, Hồng chép đúng như sau đây, Hồng đọc hai lần vẫn không hiểu : « Chàng và nàng thường gặp nhau trên bờ sông vào buổi tối mát trời, hai người trao đổi chuyện tâm tình, thiết-tha âu-yếm lắm. Gặp nhau như thế năm bảy lần thì nàng có thai... » Tại sao « chàng » và « nàng » gặp nhau năm bảy lần thì nàng « có thai » ? Người con trai và người con gái gặp nhau « thiết-tha âu-yếm » rồi là có thai ư ? Thiết-tha âu-yếm sao lại « có thai » ? « Có thai » nghĩa là thế nào ? Bài học trong lớp khó thế mấy Hồng cũng tìm hiểu được, bài toán khó Hồng giải đáp được, mà một chuyện lạ-lùng như thế kia, Hồng cứ thắc mắc nghĩ không ra...

Hồng muốn hỏi Me, để sáng tỏ vấn đề. Nhưng sợ Me mắng. Với chị Mai, Hồng chả muốn nói chuyện nhiều. Hồng khẽ hỏi chị Vân : « Chị Vân ơi chị Vân, tại sao con trai với con gái gặp nhau năm bảy lần thì người con gái có thai, hà chị ? » chị Vân trở mắt quát : « Hỏi chuyện vớ-vẩn ! Con gái không nên hỏi những chuyện ấy. » Hồng vẫn muốn biết rõ, nên cứ hỏi tiếp : « Tại sao con gái không nên hỏi những chuyện ấy, hà chị ? Có thai là thế nào ? Tại sao con gái gặp con trai lại có thai ? » Chị Vân đã không giả nhời lại còn rầy la Hồng kịch-liệt. Hồng không biết, Hồng hỏi như thế có gì là quan trọng mà chị Vân nói trợn lời-đình làm Hồng hoảng-hốt, ngồi sưng cả mặt !

Rốt cuộc, cái bí-mật kia vẫn còn nguyên cái bí-mật. Đến bao giờ Hồng mới hiểu ?

### ★ Ngày mười một. — ● 9 giờ tối

Ở đời, không ai học được chữ « ngờ ». Một câu chuyện đăng trong tờ báo hôm qua Hồng đọc không hiểu ý-nghĩa, hỏi chị Vân. Không đề sáng nay có nhẽ trong lúc Hồng đi học, ở nhà chị Vân mét lại với chị Mai, chị Mai học lại với Me, để cho bà Cụ « khâu-vấn » mình cả một buổi chiều, y như thể Hồng là thủ-phạm một cái án gì ghê gớm lắm ! Hồng phải đưa tờ báo ấy cho Me xem cái đoạn văn ấy, Me mới hết lo, hết giận. Xong, Me bảo : « Con gái 16, 17 tuổi, chưa hiểu chuyện này đâu, và không nên hiểu làm gì. Con không nên quá tò-mò như thế. Cuộc đời có nhiều chuyện không thể giảng-giải được. Chừng nào con nhón lên, con có trí khôn, tự-khắc con hiểu. Con lo học, chả hơi đâu mà thắc-mắc vì những chuyện vẩn-vơ, không ích-lợi gì cho tuổi con gái ».

Hồng làm thinh. Nhưng Hồng tự hỏi : « Thế ra Hồng chưa phải là người nhón ư ? Thế sao hôm Tết Thầy Me lại bảo Hồng 16 tuổi, còn bé-bồng gì nữa ? » Ôi mâu-thuần !

### ★ Ngày Mười Hai. — ● 9 giờ tối

Chiều nay Hồng được đi xem ciné với Thầy Me và bé Thừa. Phim tình-cảm của Mỹ. Bắt đầu vào phim là có một ông ấy hôn một cô ấy. Họ hôn nhau lâu quá, Hồng ngồi xem đến sốt cả ruột. Một

lát, lại hôn nhau nữa. Trơ-trên làm sao ! Hồng chịu không được. Đến lúc ông ấy tắm bề với cô ấy, hai người đùa nghịch nhau, ông ấy đuổi cô ấy chạy trên bờ bề rồi cô ấy ngã nằm trên bãi cát, ông ấy cũng ngã đè lên người cô, rồi hai người ôm riết lại với nhau, hôn thối là hôn... Hồng thẹn quá, lấy hai bàn tay úp lên mặt, không dám nhìn.

Hồng chỉ nhìn len-lén qua mấy khe ngón tay.

## ● 12 giờ khuya.

Ngủ không được, Hồng lén giậy, bật đèn chép vài giòng nhật-ký. Những hình ảnh trong phim người đàn-ông với cô đàn-bà hôn nhau, cứ hiện ra trước mắt, rõ-rệt quá, làm Hồng không ngủ được. Hồng nhắm riết mắt lại, để đừng trông thấy nó nữa. Nhưng không thể được ! Những ảnh-tượng quá trắng-trợn trong phim cứ ám-ảnh mãi tí óc của Hồng. Hồng muốn đuổi nó đi, nó cứ trở lại. Hồng cố đọc thắm lại bài Sử-ký về hai Bà Trưng mà Hồng vừa học thuộc lòng hôm thứ sáu, để xóa nhòa các hình khêu-gợi trên màn-ảnh. Nhưng không sao tránh được bà Trưng Trắc cỡi voi đánh giặc Tàu xen lẫn với Elisabeth Taylor gần như lửa-lò nằm ngựa trên bãi cát với người đàn ông đặc thẳng dề môi xuống môi nàng.

Hồng nghe người ta nói rằng trong bóng tối hay có ma, chỉ có ánh-sáng là đuổi được tà-ma. Hồng bật đèn lên để hy-vọng lấy ánh sáng mà đuổi cái ám-ảnh... yêu... ma... trong trí-óc của Hồng. Hồng ngồi vùng dậy, bật đèn, thấy mồ-hôi ướt đầm cả vòm trán, và hai bên gò má. Ngực Hồng hồi-hộp... phập-phồng... dưới lớp áo sơ-mi mỏng. Trái tim Hồng đập mạnh... Hồng bỏ bút xuống, cởi áo sơ-mi ra, lấy khăn lau ngực. Hồng lau nhẹ-nhẹ, dịu-dàng, những giọt mồ-hôi, rồi mặc áo lại.

Hồng chép thêm mấy giòng, rồi bây giờ tắt đèn, nằm lại xuống giường, nhất định ngủ... (1)

(1) Cùng bạn đọc. — Những sự-kiện ghi chép trong tập nhật ký của Duyên-Hồng, đều hoàn-toàn đúng với thực-tế hiện-tại. Duyên Hồng, tuy là một cô Nữ-sinh 16 tuổi, nhưng có can-đảm, lợi-trưởng

tất cả sự thật về tất cả những ảnh-hưởng tai-hại của thời-buổi một đời với tuổi ngây-thơ trong-trắng của cô. Cô không ngần-ngại đưa ra ánh sáng những chi-tiết đen-tối nhất của cuộc sống quây cuồng của thế-hệ đương thời, mà các cô gái khác không dám nói, và các nhà Giáo-dục, các nhà Luân-lý, Đạo-đức, các nhà Xã-hội học, các nhà học-giá, không đề-cập đến.

Tập Nhật-ký của Duyên-Hồng, dưới đề-tài « Một giấc mơ hoa » chính là một tiếng kêu bi-đát, não-nùng, của một thiếu-nữ thời-đại. Xin bạn đọc cảm-thông ý-nghĩa sâu-sắc trong « Giấc-mơ Hoa » của Duyên-Hồng.



## \* Đứa con đen thui.

Cô nữ-y-tá ra báo tin cho ông chồng hay : « Bà nhà vừa sanh xong ». Ông chồng mừng quá, chạy vô, thấy đứa bé nằm khếc ọc-ọc trong nôi mà đen như Chà-và lai. Ông chồng tỏ vẻ tức-giận và ngạc-nhiên hỏi vợ :

— Sao thế này ?

Bà vợ trả lời :

— Ai biểu mỗi lần ông ngủ với ông, tôi cứ tắt đèn cho tối đen tối thui làm chi.

## \* Quảng-cáo

Trong chương-trình « quảng-cáo » của đài phát-thanh Mỹ, một hôm một cô xướng-ngôn viên đang đọc bài quảng-cáo của một thứ thuốc ho. Bỗng dưng cô nổi ho sù-sù, một lát hết ho, cô không biết xin lỗi thế nào với thính-giả, bèn nói :

— Xin quý ngài tha lỗi cho, tại vì tôi không có uống thứ thuốc ho này cho nên tôi mới ho nhiều như thế...

# CHUÔNG GÀ

★ **ARMIJN PANÉ (1)**

● **DIỆU-HUYỀN dịch**

**C**HÚNG tôi đã thích cái chuồng gà ngay từ khi mới được sở Địa-Ốc Thành - phố cấp cho chúng tôi căn nhà này. — nói : túp nhà này, thì đúng hơn. Cũng may là nhà có một cái hè khá rộng, — rộng, nghĩa là có thể đặt được hai chiếc ghế xích-đu bằng mây. Thành ghế có chỗ để dựa tay. Nếu thảng nhỏ nhất trong bốn đứa con của tôi, muốn ngồi với tôi trên ghế, thì hoặc là nó,

(1) **ARMIJN PANÉ** là một nhà Thơ và nhà Văn có danh tiếng hiện nay của Indonésia (Nam - Dương). Ông sinh tại Sumatra năm 1908.

hoặc là tôi, phải ngồi trên chỗ dựa tay. Khi tôi uống cà-phê thì chỗ dựa tay ấy dùng làm bàn.

Ngồi ghế, chúng tôi có thể ngắm-nghĩa cái phạm-vi nhỏ hẹp của chúng tôi trên mặt đất, tầm con mắt không thể nhìn xa hơn bức tường cao của tòa nhà bên cạnh. Nhìn mãi bức tường kia cũng mỏi mắt, thì chúng tôi lại ngược lên ngó một miếng da trời mà Sở Địa-Ốc của Thành-phố Djakarta đã cấp phần cho chúng tôi. Có lẽ tất cả những chi-tiết nhỏ nhặt trong địa-diêm vài ba thước vuông này mà chúng tôi tạm gọi là căn nhà, đều đã được Sở Địa-Ốc ghi đầy đủ trong các sổ sách, các biên-bản, vì sở ấy rất chăm chỉ đo thước tấc một túp nhà nhỏ cũng như một building đồ sộ. Thật ra chúng tôi cũng không nên phiền-

trách ai. Chúng tôi được một chỗ để ăn và để nghỉ, và lại ở trước sân còn có một chuồng gà. Chắc trong bản họa-đồ của Sở Địa-Ốc không có ghi cái chuồng gà, vì lẽ tôi tin rằng không có luật lệ nào nói rằng chuồng gà là một chỗ để cho người ta ở.

Khi chúng tôi mới dọn đến, thì chuồng gà rất là tối - tẻ, tan hoang hết. Chỉ có một phía dựa vào vách tường nhà bếp của hàng xóm là nguyên vẹn thôi, còn ba phía bên sân chúng tôi thì đã mất hết cả lưới kẽm, dàn, phên, chỉ còn lại cái mái và mấy cây cột.

Đầu vậy, chúng tôi cũng vui sướng được thêm một chuồng gà phụ thuộc căn nhà bé nhỏ của mình. Tôi thích nó nhất vì nó kích thích óc tưởng tượng của tôi, còn vợ tôi thì chỉ muốn phá bỏ những cái gì mục nát cũ kỹ.

Một buổi tối, chúng tôi đang nằm duỗi chân trên hai chiếc ghế xích đu ngoài hè, uể oải, lim-dim, nhìn lơ-dễnh trăng sao trên trời, bỗng dưng cặp mắt tôi ngó ngay xuống chuồng gà, tôi ngồi nhòm dậy, háng hái bảo với vợ tôi : « Hay quá, em ơi ! Bây giờ tụi mình có thể dùng chuồng gà được rồi ! Ta sẽ mua một con gà mái

và một con gà cồ, như thế ta sẽ có trứng để ăn mỗi ngày. Ta sẽ để gà ấp vài ba cái trứng, sẽ nở ra gà con, sẽ lớn lên thành gà dò, thì ta sẽ khỏi mua thịt bò thịt heo ! »

Vợ tôi điềm nhiên ngó mặt trăng, và nói với giọng lơ dểnh : « Khỏi nuôi gà đi ! Ban ngày chúng đi kiếm ăn ngoài đường, sẽ bị người ta bắt trộm hết ! »

Tôi không chịu thua vợ tôi, tôi cãi lại : « Ta sẽ mua giầy kẽm để ràn cột chuồng gà, và làm cánh cửa để nhốt gà trong chuồng thì làm sao chúng ra đường được ? »

Vợ tôi càng tức, hỏi lại tôi : « Rồi lấy gì cho gà ăn ? Nội cái chuyện kiếm đồ ăn cho chúng, cũng không phải là dễ. Không có đồ cho chúng ăn, thì chúng sẽ chết toi hết ! »

Thế là vợ tôi thông qua câu chuyện nuôi gà. Một buổi sáng sớm chúng tôi đang ngồi uống cà-phê ngoài hè, vợ tôi báo cho tôi biết một cái tin đột ngột : « Tháng tới, chúng ta sẽ có một chiếc xe hơi. » Tôi trở mắt ngó vợ tôi. Lần đầu tiên tôi được nghe chuyện chúng tôi có xe hơi. Tôi chưa kịp mở miệng hỏi lại, vợ tôi đã điềm-nhiên nói tiếp : « Phải

tìm chỗ để chiếc xe hơi ». Rồi nàng đưa ngón tay chỉ cái chuồng gà : « Chỗ kia tốt hơn cả ».

Tôi tỏ vẻ ngạc - nhiên và khó chịu : « Cái chuồng gà ? » Vợ tôi gật đầu : « Ừ. Chúng ta có thể sửa sang nó lại cho đàng - hoàng, và gán cho nó một cái cửa ».

Tôi nhắc vợ tôi : « Nhưng xe hơi ở đâu mà chúng ta có chứ ? »

Hình như vợ tôi không mấy quan - tâm đến việc thực - tế ấy. Nàng chỉ nhắc đề tôi nhớ rằng hôm nọ chúng tôi có mua một tấm vé số. Và nàng nói rất tự - nhiên, như thể chúng tôi đã trúng số độc - đắc rồi vậy.

Tôi bảo : « Chúng ta mua vé số ấy hôm lễ kỷ - niệm ngày đám cưới của chúng ta, thì chắc gì trúng số ? Ở đời ai cũng chỉ được một dịp may mà thôi, hoặc là may - mắn về tình - duyên, hoặc là may - mắn về cơ - bạc. Hễ được cái này thì mất cái kia, chứ ít khi được hết cả hai. Về tình - duyên, anh với em đã được hoàn - toàn hạnh phúc, thì về cơ - bạc anh không tin rằng tấm vé số sẽ đem cho chúng ta một chiếc xe hơi ».

Có người vợ nào nghe chồng nói tựa vài câu về hạnh phúc

như vậy mà không khoai đầu ! Cho nên vợ tôi nghe tôi nói thế, liền mỉm cười, không cái vào đầu được nữa.

Từ đó, chúng tôi không nói đến cái chuồng gà nữa. Tôi không tin rằng tôi có thể thuyết - phục được vợ tôi về việc nuôi gà, còn nàng thì.. hôm xỏ số tôi thấy nàng dò các số trúng đặng trong báo rồi lặng lẽ xé tấm vé số vút ra chuồng gà !

Dù sao, cái chuồng gà vẫn là tượng - trưng cho những hy - vọng của chúng tôi, và một kích - thích cho trí óc tưởng - tượng của chúng tôi.

Nhưng rồi cuộc chúng tôi bị vỡ mộng ! Công việc nhà nhiều quá, chúng tôi thấy cần phải mượn một chị ở. Tại Thủ - đô Djakarta hiếm gì bọn *babus* (1), nhưng họ quen thói làm cho chủ nào cũng chỉ được một tháng hay một tuần rồi xin thôi để đi làm cho chủ khác. Chúng tôi may mắn có một người bạn đem một chị *Babu* từ Miền Trung Java lên giúp việc cho chúng tôi, — nhưng chị ta lại có chồng và chị cứ nhất định

(1) danh-từ Indonesia, có nghĩa là người đày-tử.

xin cho ở chung với chồng. Thật là một vấn đề nan giải, phải nuôi một chị ở với cả người chồng của chị nữa. Tôi khuyên chị thử đi tìm một chỗ khác cho hai vợ chồng của chị trú ngụ, chứ nhà chúng tôi chật chội quá. Nhưng chị không hy vọng tìm được nhà, và chị bảo : « Ngay như mấy ông Công - chức của Nhà - nước cũng còn không kiếm được nhà ở, dù là ở ngoại ô, nữa là vợ chồng của tôi ! » Tôi đang suy nghĩ phải làm cách nào thì vợ tôi đưa ngón tay chỉ cái chuồng gà và bảo chị ở : « Chị đi mua vài tấm phen *gedek* (2), đem về sửa sang lại cái chuồng gà ở tạm. Được không ? »

Vợ chồng chị ở ngõ cái chuồng gà, và cả hai đều nở một nụ cười tràn trề hạnh phúc. Vợ tôi lấy tiền đưa cho chồng chị *babu* đi ra chợ mua phen, và ngay buổi chiều hôm ấy cái chuồng gà đã biến thành một gian nhà ở. Chị *babu* lại còn bảo : « Còn đẹp hơn các túp nhà lá ở quê tôi ».

Tôi còn nuôi hy vọng đến Sở Địa - Ốc của Đô - Thành đề xin một căn nhà khác rộng lớn hơn, thì ở đấy người ta đuổi tôi ra với một lời hứa hẹn : « Tháng sau... Tháng sau...

sẽ có nhiều căn nhà mới cho công - chức... » Tôi viện lẽ rằng bây giờ nhà tôi có nuôi thêm một chị *babu* giúp việc, mà không có chỗ cho chị ấy ở, thì ông Giám - đốc Sở Địa - ốc bảo tôi : « Ông có nuôi một chị *babu* hay không, thì mặc kệ ông, tôi đâu cần biết ? »

Kề ra, Sở Địa - ốc lý - luận như thế cũng phải. Thế rồi mấy hôm sau, tôi nhận được hai bức ảnh của « *Bung Karno* », là phương danh của Tổng - Thống Sokarno được phổ - biến trong dân chúng. Tấm ảnh chụp lại một bức vẽ chân - dung Tổng - Thống, ký tên Họa - sĩ Basuki Abdullah, do Sở Địa - ốc gửi bán cho mỗi gia - đình.

Tôi trao hai tấm ảnh cho vợ tôi, và bảo : « Một tấm treo ở nhà, một tấm treo trong chuồng gà ». Vợ tôi rầy tôi : « Sao anh lại bảo treo ảnh của Bung Karno trong chuồng gà ? ». Tôi phải dụ dần thuyết cho vợ tôi nghe : « Vợ chồng chị *babu* cũng có quyền tỏ lòng trung - thành của họ đối với Tổng - Thống Sokarno chứ. Bung Karno đâu phải Tổng -

(2) *Gedek* : một loại tre ở Indonesia.

Thống riêng của anh hay của em?»

Vợ tôi trả lời dứt khoát rằng chuồng gà là chuồng gà, không phải là nhà ở.

Thôi, tôi thấy không thể nào nói chuyện cho vợ tôi thông cảm được. Tôi không còn hy-

vọng được thấy chị *babu* và chồng của chị ấy có thể chứng tỏ lòng trung thành với Tổng-Thống Sokarno. Vợ tôi treo một bức ảnh lên tường, còn bức thứ hai đến nay vẫn còn nằm trong tủ.

DIỆU-HUYỀN dịch



✧ SỮA BÒ VÀ SỮA MẸ

Cô giáo hỏi các em ở lớp Năm: « Tại sao sữa mẹ tốt hơn sữa bò? »  
 Một em dơ tay đứng dậy trả lời:

— Dạ thưa cô, tại sữa mẹ khôì pha thêm nước sôi.

Một em khác đáp:

— Dạ thưa cô, tại sữa mẹ chừng nào muốn bú thì có liền.

Một cậu nhỏ đứng lên:

— Dạ, tại vì sữa mẹ cất kín, thần-lẫn lìm hồng được.

Một em nữa:

— Dạ thưa cô, tại vì sữa mẹ sạch-sẽ lắm, hồng có ruồi bu.

Cuối cùng, một cô gái 6 tuổi đáp:

— Thưa cô, tại vì sữa bò đựng trong cái chai cứng lắm, chớ sữa mẹ thì đựng trong cái bầu mềm-mềm, ngậm bú ngon ghê đi!

C.

12.— những người yêu của

NAPOLÉON I



II

JOSÉPHINE

**N**GUỒI ta đã viết rất nhiều, quá nhiều, về cuộc tình - duyên của Napoléon Bonaparte với Joséphine de Beauharnais. Bởi lẽ Napoléon là một nhân-vật kỳ-tài của Lịch-sử, một bậc vĩ-nhân không những của nước Pháp mà của cả Thế-giới, có thể so-sánh với các vị Hoàng-đế lớn nhất của La-Mã và Hy-Lạp thời xưa : César, Alexandre Lẽ thứ hai, cuộc đời của Joséphine, từ lúc còn là một quả-phụ nghèo, bị nợ-nần, bị khinh-khi của một viên Từ-tước bị tòa-án Cách-mạng xử chém, cho đến khi kết-hôn gượng-gạo với Đại-tướng Napoléon Bonaparte, rồi được tôn lên làm Hoàng-hậu oai-nghi nhất của nước Pháp, sau cùng bị Hoàng-đế ly-dị..., cả cuộc đời sôi-nổi của bà được toàn thể các quốc-gia Âu-châu theo dõi từng giờ, từng phút, như một vì Sao sáng rực trên vòm trời Tây-phương bên cạnh ngôi Sao chói-lọi của Napoléon, đầu Thế-kỷ XIX.

Tựu-trung, nhiều nhà Sử-học Âu-Mỹ đã tiên-thuyết-hóa cuộc tình-duyên ấy, kéo dài 13 năm, từ 1796 đến 1809, và thêu-dệt nhiều câu chuyện quá nên thơ, không đúng với thực-tế.

Joséphine là một cô Đầm lai Mọi da-đen ở Martinique, một

cù-lao thuộc Pháp, trên biển Antilles, cùng một giã với đảo Cuba. Nhờ máu lai đó mà nàng được một sắc đẹp mơ-màng duyên-dáng lạ. Nhiều quyển Sử-thuyết lại rằng lúc nàng còn nhỏ và ở với mẹ trên hòn cù-lao, một hôm một cụ phù-thủy da đen xem tướng con bé Đầm lai, bảo nó : « Mấy lớn lên sẽ làm Hoàng-hậu ». Chính Joséphine cũng có lần kể câu chuyện này cho Napoléon nghe.

Sang Pháp bị ép gả cho Thiếu-tướng Từ-tước De Beauharnais, nàng sinh được một trai, Eugène, và một gái, Hortense. Gặp phong-trào cách-mạng Pháp nổi dậy làm đảo lộn hệ-thống chính-trị và xã-hội lúc bấy giờ, chồng nàng bị lên đoạn đầu-dài, nàng cũng bị giam trong tù một thời-gian.

Sau khi được tha, nàng giao-thiếp thân-mật với các bà vợ của các vị lãnh-tự cách-mạng Pháp, nhất là bà Tallien.

Nơi biệt-thự bà này, lần đầu tiên Bonaparte được giới-thiệu với bà quả-phụ Joséphine. Chàng mới 26 tuổi, được đóng lon Trung-tướng. Nàng 34 tuổi, đã nổi danh là người đàn bà đẹp nhất ở Paris.

Bonaparte tuy đã nổi tiếng là vị anh hùng dũng-cảm, nhưng nghèo mạt. Người thì lùn, lại gầy-yếu,

tóc bỏ xóa xương đến vai, chàng mặc bộ quân-phục bị rách vá đôi nơi, tay cầm cái mũ cũ-xì mà chàng còn giữ mãi từ hồi chàng thắng trận oanh-liệt chống quân Anh trên hải-cảng Toulon. Da mặt vàng khè càng làm cho xấu thêm gương mặt lưỡi cày, lộ ra hai quai hàm vuông. Chỉ có cặp mắt xám-xanh là có mãnh-lực lạ thường : ông nổi giận ai, thì nó lóe ánh sáng ra, ông nhìn ai thì nó đắm vào trong con người của người ta. Lần đầu tiên ông nói Joséphine : bà quả-phụ hoa-khôi của Paris lớn hơn ông 7 tuổi mà tự-nhiên cảm thấy mình bẽn-lên, sợ-sệt như cô gái 13.

Joséphine lúc bấy giờ lại là người yêu của Barras, một lãnh-tự có uy-tín nhất của chính-phủ cách-mạng. Một hôm Tallien, Chủ-Tịch Hội-nghị Pháp-ước (Convention), mở tiệc long trọng, Bonaparte đến dự tiệc với bộ nhung-phục cũ mặc mỗi ngày, giữa đám đông quan-khách áo-quần rực-rỡ xa-hoa. Chàng Trung-tướng trẻ tuổi đến gần Tallien phu-nhân, mỉm cười, nói với bà :

— Nhờ Bà bảo Bộ Chiến-tranh phải cho tôi mấy thước ni mới, để tôi may một bộ đồ !

Bà Tallien cười, hứa sẽ vận-dộng với Bộ chiến-tranh. Vừa bà Joséphine đi ngang qua, nghe câu chuyện, đứng lại hỏi Bonaparte :

— Thừa Trung-Tướng, mấy bà bạn của tôi khen Trung-tướng xem chỉ tay bói vận-mạng hay lắm, có đúng thế không a ?

Bonaparte cười :

— Đúng.

Joséphine chìa tay ra nhờ Bonaparte coi giùm. Bonaparte nắm mấy ngón tay của bà, xem qua rồi nói quả quyết :

— Bà là một ngôi sao đang lên giữa vòm trời.

Joséphine thích chí, cười ngặc nghẹo :

— Một bà Phù-thủy đã bảo tôi sẽ làm Hoàng-Hậu...

— Bà sẽ là Hoàng-Hậu.

— Nếu tôi là Hoàng-Hậu, ai sẽ là Hoàng-đế ?

Vị Trung-tướng áo vá, liền có nét mặt nghiêm-trang, trả lời :

— Nước Pháp đang chờ người ấy.

Nhưng, đối với Joséphine, đó chỉ là câu chuyện làm quà. Nàng không tin bà Phù-thủy da đen ở đảo Martinique, cũng

như nàng cho rằng Bonaparte khéo nịnh đầm. Bonaparte đầu có hiểu rõ hiện-tình của nàng trong lúc này : nàng bị Barras đối xử lạnh-nhạt vì Barras biết nàng có nhiều tình-nhân, tính nàng quá lãng-mạn, không trung - thành với ai cả. Barras không chu-cấp tiền-bạc cho nàng sống xa-hoa nữa, nàng bị người yêu chán ghét, lại bị nợ-nần bao vây, hối-thúc, khiến nàng buồn rầu, lo-sợ cho tương-lai không có gì bảo-đảm.

Ngay lúc đó, Bonaparte say-mê sắc-đẹp của nàng, cầu-khẩn kết hôn. Barras được cơ-hội may-mắn đề dứt - khoát nợ tình, liền khuyên-bảo Joséphine nhận lời làm hôn-thú với Bonaparte. Joséphine tính-toán lợi-hại, rồi đề-nghị với Barras :

— Nếu anh cho Bonaparte làm Tư-lệnh Bộ-Đội Viễn-chinh Ý, như Bonaparte đã ngỏ lời cầu xin anh, thì em sẽ bằng lòng.

— Được rồi, em bằng lòng lấy Bonaparte, thì anh ký sắc-lệnh cho Bonaparte làm Tư-lệnh Bộ-đội Viễn-chinh Ý.

Đám cưới được tổ-chức vội-vàng, và làm thỏa - mãn cả ba người : Barras được dứt-bỏ Joséphine mà chàng đã chán ghét, Bonaparte được một người vợ

đẹp nhất ở Thủ-đô ; Joséphine được người chồng mới, cung-cấp cho tiền-bạc để trả nợ và tiêu xài phủ-phê.

Hôn-lễ định cử-hành ngày 9-3 - 1796, hồi 9 giờ đêm ! Vì sáng sớm hôm sau, Bonaparte phải đem quân đi đánh trận, với tư cách Tư-lệnh Bộ-đội viễn-chinh Ý.

Hôn-lễ cũng thật là buồn cười, quái-gở ! Trong phòng khánh-tiết của Quận Nhì, liu-hiu vài ngọn đèn dầu (lúc bấy giờ chưa có đèn điện), Joséphine với hai người chứng, Tallien và Barras, ngồi chờ Bonaparte từ lúc 9 giờ. Mãi quá 10 giờ chàng mới tới. Chàng nói vài lời xin lỗi người yêu, rồi đi thẳng đến viên Xã-trưởng Leclerc, vỗ vai y, bảo :

— Nhanh lên, ông Xã ! Cho hai đứa tôi cưới mau lên !

Xã - trưởng vội-vàng đọc các điều luật về hôn-phối và tên họ cùng ngày sinh tháng đẻ của người chồng và người vợ. Barras và Tallien mỉm cười nghe tờ khai-sinh của Joséphine sửa rút bớt 5 tuổi, còn 29 tuổi, và khai-sinh của Bonaparte làm tăng thêm 6 tuổi, thành 32 tuổi !

Sự thực thì Joséphine 34

tuổi, Bonaparte 26 !

Cưới xong, 10 giờ 30. Bonaparte đưa Joséphine về biệt-thự của nàng, ở đường Chantereine. 5 giờ sáng hôm sau, chàng kéo

đại-đội binh mã tiến vào miền Nam để vượt qua Ý. Có điện - tín cấp báo cho vị Tư - lệnh hay rằng Đại-quân hai nước nước Pháp Autriche và Piémont sắp sửa tấn công vào biên giới miền Nam.



Joséphine, người vợ phản bội



**S**ÁCH TÀU có câu : *Nhi-nữ tình trường, anh-hùng khí-đoan*, tình người con gái càng dài, chí-khí kẻ anh - hùng càng ngắn. Câu này không đúng với trường-hợp của Bonaparte và Joséphine một tí nào. Bonaparte sang Ý, chiến thắng liên tiếp nhiều trận vô-cùng oanh-liệt, nhờ đó uy-danh của nước Pháp cách-mạng, và uy-danh riêng của Bonaparte được vang lừng khắp cả Âu-châu. Đại-tướng Bonaparte được chính-phủ và nhân dân Pháp nhiệt liệt hoan-hô, trọng-vọng, tôn sùng. Ấy thế mà ở Paris, xa chồng, Joséphine chỉ lo ăn chơi

xa xỉ, và ngoại-tình... lung tung ! Bonaparte ở bên Ý cứ tưởng là ở nhà Joséphine yêu nhớ mình, chờ đợi mình, hãnh-diện vì mình.

Sự thật hoàn toàn trái hẳn. Mía mai, đau đớn thay ! Trong lúc Bonaparte kéo một đại đội dân quân cách-mạng Pháp, chân không mang giày, bụng không có bánh, nhờ tài thao lược của ông mà đánh tan tành được quân Sardes, quân Autrichiens, ào-ạt kéo vào thành phố Milan giữa hai hàng rào dân chúng hoan-hô dậy trời dậy đất, tôn sùng Bonaparte là bậc cứu tinh của nước Ý, thì ở Paris Joséphine ngủ với người đàn ông này, chán rồi ngủ với người đàn

ông khác, chẳng tưởng nhớ gì đến chồng cả !

Giữa làn sóng chiến-thắng đang đưa ông lên cao trên mấy bực vinh - quang, ông vẫn thất-vọng, âm - thầm đau khổ. Ông gửi liên tiếp hết lá thư này đến lá thư khác, cầu xin Joséphine một chút tình yêu, đợi Joséphine một lời thương nhớ, tha thiết kêu gọi Joséphine đến với ông, nhưng ông chờ mãi Joséphine chẳng có một câu trả lời. Joséphine chỉ biết lợi dụng danh-vọng của Bonaparte để hãnh-diện với bọn tướng-tá ở Paris, đề tận hưởng những cuộc vui ích-kỷ về vật-chất, về xác-thịt, với chính những sĩ-quan do chồng phái cấp-tốc về Paris để đem thư và đem quà về tặng nàng. Nàng ngoại-tình với Murat, với cả tên Trung-úy Hippolyte Charles, một kẻ hầu-cận của Bonaparte. Ông kêu gọi Joséphine sang Ý, nàng không sang, viện cớ là « ốm », là « mệt », là « có thai ». Nhưng sự thực, Joséphine không có thai, không mệt, không ốm. Bonaparte cứ tin lời vợ,

viết thư rất cảm động về hỏi thăm vợ :

« Em đâu r ? Được tin em đau, đêm ngày anh lo-lấn, anh ăn không ngon, anh ngủ không yên, anh chẳng thiết gì nữa cả ! Ôi Tổ-Quốc mà chi ! Ôi danh vọng mà chi ! Chẳng có tình yêu của em thì chẳng có gì nữa cả !

« Vợ yêu-quý, đáng tôn thờ của anh ơi ! Sao anh nặng tình với em thế ! Anh chờ thư em, anh mong lá thư yêu-dấu của hoàng-hậu lòng anh ! Nếu không vì Tổ-Quốc, kháng vì nhiệm vụ, thì anh đã bỏ tất cả để chạy về Paris, để quý bên chân em, hôn chân em !.. »

Joséphine xem thư, cười xòa :  
« Cái anh chàng Bonaparte này thật là lỗ-bịch ! »

#### KỶ SAU :

Bonaparte được tôn lên Ngai vàng : Hoàng-đế Napoléon Đệ-Nhất. Joséphine : Hoàng - hậu của nước Pháp.



#### ★ Trả lời câu hỏi cuối trang 64

Hôm nay là ngày thứ Tư



## NHỮNG ÁNG THƠ HAY

### ● Đêm đông hoài cảm

Trăm năm nghĩ đời người có  
Thế gian tỏ mặt anh-hào,  
Mấy,  
Muôn nghìn mắt miệng trông vào  
ngợi khen.

Một đêm đông sao thấy dài thay !  
Lạnh-lùng gió thổi sương bay,  
Chập chờn giấc bướm canh chầy  
lại canh.

Ngó trên án đèn xanh hiu-hắt,  
Nghe tiếng kim kỹ-cách giục giờ.  
Đêm trường nghĩ vẫn lo r,   
Cái lo vô tận bao giờ cho xong ?

Thân nam-tử đứng trong trần  
thế,  
Cuộc trăm năm có dễ ru mà.  
Có đời mà đã có ta,  
Sao cho thân thể không là cỏ cây ?

Đời có kẻ đường mây gặp bước,  
Bước công danh sấn trước trời  
cao.

Cũng có kẻ tài hơn chữ lợi,  
Trắng hai tay làm nổi nên giàu.  
Chẳng kham trông, chẳng công  
hầu,  
Cũng bao vạn kẻ cúi đầu vào ra.

Ấy những hạng vinh hoa phú  
quý,  
Làm tài trai đắc chí hơn người.  
Trăm năm nghĩ cũng nên đời,  
Trăm năm rồi nữa... biết thời  
ra sao ?

Lại những kẻ chí cao tài thấp,  
Bước đường đời lấp vấp quanh co.  
Phong lưu rồi đủ ấm no.



*Kém ra, lưu-lạc giang hồ cũng thân!  
Lụy trần ngày tháng lan-man,  
Nỗi lòng riêng nghĩ muôn vàn  
càng thêm.*

*Nghĩ qua thú, khách trần bao kẻ,  
Giật mình cho thân thể trăm năm.  
Mỗi đâu bớt rối tơ tâm,  
Lấy ai là kẻ đồng tâm gỡ cùng?  
B.róc lặn đạn thẹn cùng sông núi,  
Mở căn-chương tháng lụn năm tàn.*



**N**GỌN đèn đầu, trước khi tắt vì hết dầu hay lụi bấc, bao giờ cũng bùng sáng lên rạng-rỡ rồi mới tắt hẳn.

Thế hệ thơ cũ trải qua một thời rục-rỡ với những Nguyễn-Du, Nguyễn-gia-Thiều, Đoàn-thị-Điểm, Bà Huyện Thanh-Quan, Hồ-xuân-Hương, Nguyễn-công-Trứ, Cao-bá - Quát, Nguyễn-Khuyến, Trần-tế-Xương, Chu-mạnh-Trinh, v.v.. sang đầu thế kỷ XX, bỗng ủ-rũ như bông hoa tàn trước gió, lù-mù như ngọn đèn cạn dầu. Những người làm thơ trong đời này dường như đã hết cả « chất thơ », nên chỉ còn biết dùng thi-ca làm một thứ văn thù tạc, hiểu hỉ!

Giữa lúc ấy, Tân - Đà xuất hiện. Như tia sáng bùng lên của ngọn đèn sắp tắt, Tân-Đà thực xứng đáng là người đại biểu cuối cùng của thời-đại thơ cũ. Thơ ông gồm đủ vẻ uyển-chuyển của Nguyễn-Du, chau chuốt của Nguyễn-gia-Thiều, lưu loát của Đoàn-thị-Điểm, trang trọng của Bà Huyện Thanh-Quan, dí dỏm của Hồ-xuân-Hương, hào sảng của Nguyễn-công-Trứ, phóng-túg ngông nghênh của Cao-bá-Quát, tao nhã của Nguyễn-Khuyến, chua cay của Trần-tế-Xương, và bay bướm của Chu-mạnh-Trinh.

Nhưng ngoài những ưu-điểm trên đây, thơ Tân-Đà còn một đặc điểm đáng kể: một cái gì

TÂN-ĐÀ

là lạ mà ta chưa hề thấy ở các nhà thơ cũ, một cái gì rất quyến rũ, rất gần gũi với cảm quan của chúng ta, những con người sinh vào đầu thế kỷ XX. « Cái gì » ấy có thể coi là dấu hiệu báo trước những tình cảm, những xao-xuyến bằng khuâng mới lạ khác với tính chất mực thước của lớp người cũ.

Ta thấy thi sĩ «nhớ chị hàng cau», thương «cô chài đánh cá», ve vãn «bàng quơ», viết thư «trách người tình nhân không quen biết», «nói chuyện với ảnh», rung cảm trước ngôi «mả cũ bên đường»... nghĩa là Tân-Đà đã không ngần ngại dấn trải cái «tôi tình cảm» (le moi sensible) của mình trên mặt giấy. Đó cũng là tính chất phóng túg của một khuynh-hướng mới trong văn chương: khuynh hướng lãng mạn, một khuynh hướng rất được ưa chuộng ở nước ta vào hồi đầu thế kỷ XX.

Ngoài ra, tứ thơ cũng như cách dùng chữ đặt câu của Tân-Đà đều rất mới mẻ — tuy khoác lột cũ — thơ ông vẫn hầu như quen thuộc, vẫn giữ được

cảm tình của lớp người đến sau lớp người làm «thơ mới».

Bây giờ, tôi xin chứng minh những nhận xét vừa trình bày qua bài thơ ĐÊM ĐÔNG HOÀI CẨM trên đây.

Trước hết, tôi xin nói mau rằng: sở dĩ tôi không chọn những bài thơ của Tân-Đà được nhiều người biết mà lại lựa bài này là có dụng ý. Vì rằng những bài tình tiết bất thường thì dễ hay. Với những tình tiết thường mà làm được thơ hay mới là khó. Đêm đông lạnh-lẻo, nằm nghĩ vẩn-vơ, tính quẩn lo quanh, mạch sầu lai-láng... Đó là một đề - tài rất thường, thường quá đã hầu thành ra nhàm, sáo!

Nhưng ở đây, nhờ thi tài đặc biệt của tác giả, ta như đã gặp được chính tâm-hồn ta với tất cả nỗi buồn thắm-thía của kiếp người trong cái buồn u-âm quạnh-hiu của đêm đông dài, lạnh.

Ngay câu đầu, tứ thơ của tác-giả đã khá lạ khiến ta chú ý:

*Trăm năm nghĩ đời người có mấy,  
Một đêm đông sao thấy dài thay!*

Phải, «ba vạn sáu ngàn ngày là mấy», nhưng một đêm đông có khi lại rất dài, nếu ta thức trắng đêm với những u-hoài thắc mắc! Thuyết «tương đối» của nhà bác học Einstein tình cờ đã được nhà thơ của chúng ta cảm thông phần nào và chúng nhận.

Nỗi lo buồn của tác - giả không phải là nỗi lo buồn tầm thường riêng tư mà là nỗi lo buồn chung của những kẻ nam-nhi muốn xứng đáng là nam-nhi:

*Thân nam-tử đứng trong trần thế,  
Cuộc trăm năm có dễ ru mà!*

*Có đời mà đã có ta,  
Sao cho thân thể không là cỏ cây?*

Ta tưởng nghe «tiếng lòng» của Nguyễn-Công-Trứ:

*Thông minh nhất nam-tử  
Yếu vi thiên hạ kỳ.*

*Trót sinh ra thì phải có chi chi,  
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu!*

Nhưng ý tưởng tuy giống nhau, mà cách phô diễn lại khác hẳn. Lời thơ của Nguyễn Công-Trứ hùng mạnh, đọc nghe phần khởi, nhưng nhiều lý trí, không gần ta thân-mật, không cảm ta thấm-thía như lời thơ Tân-Đà

chứa chan tình-cảm:

*Có đời mà đã có ta,  
Sao cho thân thể không là cỏ cây?*

Đọc khe-khe một hơi hai câu lục bát này, ta có cảm - tưởng như nghe tiếng lòng ta thổ dài náo-nuột trong tịch-mịch của đêm đông. Sao cho thân thể không là cỏ cây! Phải, hãy cứ làm được thể cũng đủ... một rồi, dám đâu mong những chuyện «yếu vi thiên hạ kỳ» để xứng đáng là «thông - minh nhất nam - tử»! Cho nên lời thơ đầy thắc-mắc u-hoài của Tân-Đà gần với phần đông chúng ta hơn là giọng nói mạnh-mẽ chắc nịch của Nguyễn Công-Trứ.

Đời có những kẻ may mắn thi đỗ làm nên, về - vang danh giá, «tỏ mặt anh-hào», khiến:

*Muôn nghìn mắt miệng trông vào  
ngợi khen.*

Cũng có kẻ tay trắng làm nên giàu lớn, khiến:

*Chẳng khanh tướng, chẳng công hầu,*

*Cũng bao vạn kẻ cúi đầu vào ra!*

Hạng trên là «quý», hạng dưới là «phú», và cả hai đều được đời kính nể, coi là hạng

«nan, chi đắc chí». Nhưng thử hỏi thế đã đủ chưa? Hay là rồi ra cũng chỉ «trăm năm còn có gì đâu, chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì» như lời than của Ôn-như-hầu.

Tân-Đà cũng cho là đạt được phú quý chưa đủ làm cho «thân thể không là cỏ cây», nên ông chua chát hỏi:

*Trăm năm nghĩ cũng nên đời,  
Trăm năm rồi nữa... biết thời ra  
sao?*

Ấy vậy mà ở đời được như hạng người trên này rất hiếm, còn phần nhiều «quanh co lấp-vấp», may ra thì «đủ ấm no» mà chẳng may thì «giang hồ lưu lạc»! Nghĩ thế, tác-giả không khỏi buồn rầu thương cho thân thể mình, công danh chẳng toại, sự nghiệp chưa thành, theo đuổi nghiệp văn-chương thì tương-lai bấp-bênh đen tối:

*Bước lận-đận thẹn cùng sông núi.*

*Mở văn-chương tháng lụi năm tàn.*

*Lụy trần ngày tháng lan-man,*

*Nỗi lòng riêng nghĩ muôn vàn càng  
thêm!*

Về chua xót của những câu này làm ta nhớ tới lời than-thở của

Trần Tế-Xương:

*Một việc văn - chương thôi cũng  
nhảm,*

*Trăm năm trần thế có ra gì!*

Những lúc như lúc này, tác-giả mới thấy thiếu một người tri-kỹ để mà nhờ to tâm - sự cho vui bớt sầu tư:

*Mối đầu bối-rối tơ tằm,*

*Lấy ai là kẻ đồng tâm gỡ cùng?*

và một mình trong cô quạnh của đêm đông, ông càng thấy thiết-tha nhớ... bạn:

*Mạch sầu canh vắng như tuôn,*

*Nhớ ai nước nước non non bạn  
tình!*

Đó cũng là tâm-sự chung của tất cả những kẻ nam-nhi biết nghĩ. Và những người này, ai là chẳng đã hơn một lần đêm đông trần-trọc, nằm nghĩ lan-man, chua xót việc đời, cảm thương thân thể? Bởi vậy, nỗi *hoài cảm* ở đây cũng là nỗi *hoài cảm* của hầu hết chúng ta vậy.

Thơ làm theo thể cũ (song thất lục bát), chữ dùng không mới bạo, nhưng ta cảm thấy phảng-phất một cái gì là lạ rất hấp dẫn, ít thấy ở các nhà thơ xưa. Ngoài ra, bài thơ này còn có giá trị ở chỗ thành-thực, thành-thực mộ-

cách giản-dị dễ cảm.

Lời thơ nhiều chỗ gợi hình,  
Thí dụ :

Bước công danh sẵn trước  
trèo cao.

Muôn nghìn mắt miệng  
trông vào ngời khen.

Cũng bao vạn kẻ cúi đầu  
vào ra.

Bước đường đời lấp - vấp  
quanh-co.

Đọc lên, ta như thấy rõ hình  
ảnh linh-động trước mắt. Và  
nhiều chỗ gợi thanh (nghĩ-âm  
hòa điệu), như :

Chập-chờn giắc bươm bươm  
lại canh.

Ngó trên án đèn xanh hiu-hắt.

Nghe tiếng kim kỳ-cách giục  
giờ.



★ **Chỗ làm và việc làm**

Một cô thư-ký đánh máy nói với bạn :

— Chỗ làm thì tôi thích, nhưng không thích công việc làm.

hay :

Đèn hiu hắt tiếng kim kỳ-cách

Mở sang canh giục khách đời  
con.

Những tiếng « canh...canh... »  
nghe như tiếng keng cầm canh  
trong đêm vắng. Âm - điệu của  
những chữ « kim kỳ-cách...khách »  
gợi ra tiếng tí-tách của đồng-hồ  
giục giờ vang lên rõ mồn-một  
trong tịch-mịch của đêm sâu.

Tuy nhiên, về văn, bài thơ  
này còn có chút khuyết - điểm :  
Như vãn « khen » ở câu 16  
hiệp với vãn « hơn » trong câu  
17 hơi gượng ép ; vãn « cùng »  
ở câu 32 trùng với vãn « cùng »  
trong câu 33 ! Nhưng đó là  
chuyện bói lòng tìm vết, tránh bị  
cầu toàn ! Đọc bài thơ này, ta  
bị cái hay của toàn thể lôi cuốn  
đi và dễ dàng bỏ qua vài khuyết  
điểm nhỏ ấy.

BẢNG-BÁ-LẦN

# HOA ĐÀM NỞ

Hoa Đam nở trong làn hương dùi-dịu  
Trời nhạc vàng chim tấu khúc ban mai,  
Đức Ma-gia thông thả dạo gót hài.  
Nhìn mỹ cảnh lòng ngập tràn hơn hởi,  
Trong ánh nắng hồng tươi màu rực-rỡ.  
Màu sương mai cây cỏ phản ánh sương,  
Tơ trời bay vương vấn cụm hoa hường  
Người dạo gót trong làn hương thanh-thoát,  
Rời dừng lại bên cành hoa thơm ngát  
Trắng một màu, ôi màu trắng tinh anh  
Ưu Đàm khai ! Ưu Đàm báo tin lành  
Đưa tay ngọc toan vịn cành bẻ nhánh,  
Một sự lạ hào quang ngời lóng-lánh.  
Mùi trầm hương ngào-ngạt khắp đầu đây  
Nhạc triền miên dâng ngập rộn vui đây  
Và Thái-tử giáng trần trên sen nở  
Mỗi bước đi sen diềm màu rực rỡ  
Đỡ chân Ngài. Thái-tử tối-diệu-linh,  
Dáng khoan thai tướng tốt hiện nguyên hình.  
Đây Thái-tử đấng cha lành muôn loại,  
Ngài xuất thế giữa trầm luân khổ ải.  
Cứu vớt đời ra khỏi cảnh sóng mê,  
Hôm nay ngày Phật-Đản đã trở về.  
Quỳ dưới góc đài sen con cầu nguyện,  
Cũng như con lín đồ đang tụng niệm.  
Trầm hương hoa bay quyện khắp trang đài  
Ngày tươi vui trong ánh sáng tương lai  
Của muôn loại đón mừng ngày Phật-Đản.

**CẨM-THỦY**

(Bến-Ngư — Huế)

# ATALA



● *Chateaubriand*  
TRẦN - CHU dịch

(Tiếp theo P.T. số 56 và hết)

## IV— CUỘC TANG LỄ

**C**HÚNG tôi định đến lúc mặt trời mọc sáng hôm sau, sẽ đưa Atala đến phần mộ nàng, ở ngay dưới chiếc cầu vồng nơi cửa vào nghĩa-địa. Chúng tôi cũng định cầu nguyện cho vong hồn nàng được siêu thoát, ngồi bên xác nàng suốt một đêm nay.

Tối đến, chúng tôi đưa những bảo-vật lưu-niệm của nàng đến một cửa hang, hướng về phương bắc. Vị giáo-sĩ đã cuộn tất cả những món đồ quý giá ấy vào một tấm khăn len miền Ân-châu mà mẹ nàng đã có công thêu thùa từ trước ; đó chính là một bảo-vật duy nhất của quê

hương ông mà ông còn giữ được, và ông đã định đem theo xuống mồ khi ông qua đời.

Chúng tôi đặt thi-hài Atala nằm bên bãi cỏ trinh-nữ (mặc cỡ) xanh, nơi triều núi. Chân nàng, đầu nàng, vai và một phần ngực nàng không được phủ kín. Mái tóc nàng vẫn còn dính một bông hoa mộc-lan héo tự bao giờ... Mũi nàng tựa như một nụ hoa hương rụng cuống tự hai ba sương, nhưng vẫn còn mỉm một nụ cười, nụ cười héo hắt tàn tạ.

Má nàng trắng, màu trắng bàng-bạc làm hiện rõ lên những đường gân màu xám xanh mờ. Đôi mắt nàng nhắm lại, như đang mơ - màng nhìn về cõi huyền-ảo, hư-vô. Chân nàng duỗi dài, quấn chặt vào nhau, nụ hoa rừng in hình trên chiếc gót

ngọc. Hai cổ tay ngà đề nhẹ lên chiếc Thánh-giá bằng gỗ mun, ép vào lồng ngực ; một mảnh lụa Thánh ghi những lời nguyện ước của nàng, phất-phơ nơi cổ áo. Dường như nàng được thấm nhuần một niềm tin-tưởng nơi Thánh Thần buồn rười-rượi, mỗi tinh ngày đại, và bởi giấc ngủ nghìn thu ở dưới đáy mồ ; tôi không thấy một cái gì có vẻ đẹp một cách Thần Thánh cho bằng. Người nào chưa rõ đó là nàng Atala đã từng sống dưới bóng mặt trời, có thể cho đó là bức tượng của Thần Trinh Nữ đang nằm ngủ mơ - màng trên thảm cỏ xanh lơ Xung quanh nàng như vương-vấn những dây tơ đồng, rười-rượi, khiến cho tâm-hồn mình cũng rười-rượi, nhẹ như tơ, êm như mơ, đẹp như thơ, vẫn thơ ư-sầu phẳng-phất đầu dây...

Vị tu sĩ già không ngừng cầu nguyện suốt đêm trường. Tôi vẫn ngồi yên lặng bên thi-thê nàng. Nhiều lần tôi muốn lay tỉnh nàng, ôm đầu nàng tựa vào đùi tôi. Nhiều lần tôi cúi sát xuống mặt nàng để được lắng nghe và thở hơi thở của nàng. Nhưng nào có được một gợn gió nào thoảng qua, một khẽ động nào từ lồng ngực im-lìm ấy !

Vầng trăng hiện lên nền trời xám ngắt vào khoảng nửa đêm, chiếu xuống trần gian một thứ ánh sáng nhợt nhạt ma đại, rọi

xuống thi-thê Atala tựa hồ như Thần Trinh-Nữ nhỏ giọt lệ sầu xuống thi hài của một vị Thần bé bạn. Rồi mặt trăng giải lên cả khu rừng một làn lụa trắng, như chít cho khu rừng một dải băng tang buồn thấm thiêng-liêng, như than kể nỗi sầu khổ đau buồn của mình cùng những cây sỏi già, những cây mộc-lan và nàng, lác trên bờ sông cũ...

Thỉnh thoảng, vị tu-sĩ nhúng một cành hoa vào bình nước Thánh rồi đem ra rung khê, rưới lên cả một vùng mùi hương thơm ngào-ngạt. Đôi khi ông xướng lên lời ca bất-hủ của Job, thi-sĩ già đã viết trong Thánh kinh :

« Khách mà hương như hoa  
hương tươi thắm,

« Đời thắm tươi chỉ một sáng  
hương trôi ! (1)

... « Tại sao Tạo-hóa lại đem ánh sáng và sự sống cho loài người; loài đã sẵn có từ tiền-kiếp những nỗi đau khổ trong lòng ?... »

Ông già hát lên như thế, giọng ông trầm trầm và theo một nhịp điệu chập-chùng vang

(1) Theo cô Diệu-Huyền dịch.  
2 câu ; « Et rose, elle a vécu ce  
que vivent les roses,  
« L'espace d'un matin ».

đội vào cõi hoang-vu. Trong tất cả các tiếng động, những thác nước, mấy khu rừng đều vang ra danh hiệu Thiên-chúa và ý tưởng về mồ-mả bi ai. Giọng Thần Trinh Nữ ngọt-ngào, tiếng thác đổ đều đều trong núi, tiếng thánh-thốt của chiếc chuông khuya gọi người lữ-thứ, tất cả hòa-hợp với giọng ca tang-khốc ấy, và người ta tưởng rằng trong một nghĩa địa hoang vu xa xôi nào vang dội một bản hợp xướng của những hồn ma lẫn đáp lại lời ca của vị tu-sĩ già.

Trong khi ấy một vành khăn hình móng ngựa vàng ói hiện dần ở chân trời đông. Trên triền núi, những con điều bắt đầu buông thõng những tiếng than dài, chim cú rút vào lỗ huyệt trong những thân cây du: đó là những dấu hiệu cho cuộc đưa đám Atala khởi-hành. Tôi vác nàng trên vai, theo sau vị tu-sĩ già tay xách một chiếc thuồng đi trước. Chúng tôi bắt đầu bước xuống từng bậc đá, một cách nhọc nhằn. Vị tu-sĩ già đi đã chậm mà tôi cũng đi chậm hơn, vì phải mang thi thể người yêu trên vai mình. Theo hướng con chó dẫn đường, chúng tôi vạch ra một con đường mới. Con chó nhảy lảng-tàng mà lòng tôi thêm sầu muộn, giọt lệ đầm đìa.

Bướm tóc dài của nàng lỏa-xóa rủ xuống mặt tôi rung rinh theo hơi gió như buổi sớm mai hồng, như giải ra trước mặt tôi một màn lụa mỏng màu vàng óng-ánh. Thi-thể nàng hơi nặng, nên đôi lúc tôi phải đặt nàng xuống bãi rêu xanh; và ngồi bên cạnh nàng, tôi thở dốc để lấy lại sự khỏe-khoắn lúc ban đầu.

Rồi cuối cùng, chúng tôi tiến đến dưới một chiếc cầu vồng, nơi cửa vào nghĩa-địa. Trong giữa chốn hoang-vu, tôi và vị tu-sĩ già quý gối đối-diện nhau, cùng đào một nấm mồ cho nàng Trinh-nữ đáng thương mến, mà xác nàng chúng tôi đã cần thận đặt nằm trong một khe nước đã khô ráo ở bên cạnh.

Khi đã đào huyệt xong, chúng tôi đưa nàng vào nơi yên nghỉ cuối cùng. Vị ân-tu bế cô nàng, tôi ôm chân nàng, nhưng tôi chưa muốn đặt nàng xuống vội, ôm chặt chân nàng mà khóc kể thảm thương.

Than ôi! Giờ đây nàng đã vĩnh biệt tôi để đi vào một thế giới xa lạ nào! Cuối cùng, theo lời cụ già nên tôi phải đặt nàng xuống mồ, đôi mắt đầm lệ và còn lưu-luyến với gương mặt thân yêu.

Cụ già bắt đầu lấp dần thi-thể nàng, những lớp đất tào-nhân vô-tình đã che phủ vừng trán

trọng của người con gái mười tám xuân xanh. Người con gái thân yêu của tôi giờ đây đã dần dần vào hẳn bên kia cuộc đời...

## V. — KẾT CUỘC

MỘT người Natché, Chactas, đã kể câu chuyện về đời mình cho người Pháp, René. Những vị cha già cũng đã kể lại cho con em họ nghe câu chuyện ấy, và tôi, nhân đi du lịch ở phương xa, tôi trung thành ghi lại đây những gì mà một người da đỏ đã kể cho tôi.

Trong câu chuyện này, tôi thấy được những bức tranh về dân săn bắn, dân làm ruộng, và tôn-giáo đã định những quy-luật đầu tiên cho người đời. Trong đó cũng có những điều nguy-hiểm của sự ngu dốt và lòng cuồng tín đối lại với ánh sáng, lòng bác-ái và sự minh-trí của Thánh-kinh. Trong đó cũng có những cuộc dằng-co giữa những đam-mê say đắm và nền đức-hạnh của tâm lòng bình-dị; và cuối cùng, sự chiến thắng của Cơ-đốc-giáo với những cảm-tình nồng nhiệt và sự sợ-hãi kinh khủng nhất, sự chiến-thắng của tình yêu và tử-thần...



... « Một vài năm sau, Chactas

trở lại khu rừng xưa, nơi chàng đã sống với Atala yêu-đấu và cha Aubry dịu-hiền. Trái bao vật đổi sao đời, con suối bên hang đá đã chẳng còn vết tích gì, cánh đồng cỏ đã thành một rẫy bắp tốt tươi. Chactas tìm đến phần mộ của người yêu, nhưng trước sau chàng chẳng thấy một tấm-dạng nào. Chàng lang-thang tìm kiếm, và chiếc hang mà chàng trú ngụ khi xưa, giờ đây chỉ là một rặng dây ngầy, dây bìm che phủ và trong hang sâu, một con nai con đang húc sữa của mẹ hiền. Chàng ngồi trên tảng đá trước cửa hang và nhặt đó đây những chiếc lông chim rơi rụng tự bao giờ.

« Trong khi chàng đang thẩn thức, con rắn nhà của vị giáo sĩ từ trong bụi rậm bên cạnh bò ra, đến quán-quit vào chân chàng. Chàng hăm nóng lại trong tâm-can cảm tình đối với con vật yêu quý trung-thành ấy, một sự hiện-diện độc nhất trong cảnh tan nát hoang-liêu. Chàng con trai của Outalissi xưa kể lại rằng nhiều lần khi đêm tối sắp đổ về, chàng thoáng thấy hình bóng của Atala và cha Aubry khi ẩn khi hiện, lững-lờ theo làn sương đục trong buổi hoàng hôn. Những lần như thế, chàng có cảm giác lạnh lạnh sau gáy và tâm hồn chàng nhuốm một nỗi buồn man-mác mênh-mông».

« Sau khi tìm kiếm ngôi mộ của Atala và của cha Aubry mà không được, chàng định bỏ đi nơi khác; nhưng bỗng-nhiên, con nai con từ trong hang vọt ra, nhảy tung-tăng trước mặt chàng, và cuối cùng con nai dừng lại dưới thân cây Thánh giá, lúc bấy giờ cây trụ chỉ còn là một mảnh gỗ rêu phong và Thập tự giá đã xiêu vẹo vì lẽ những con chim bồ nông to lớn đã dùng làm chỗ nghỉ cánh sau những buổi tần-tảo nhọc-nhẫn. Chactas định rằng con nai con có nghĩa ấy có lẽ đã dẫn chàng đến nấm mồ của người nghĩa phụ của chàng. Chàng bèn đảo dùi tảng đá xưa kia đã dùng làm bàn thờ ngang cạnh thân cây Thánh-giá, và tìm được những di-hài của một người đàn ông và một người đàn bà. Chàng cho rằng đó chính là di-hài của cha Aubry và Atala yêu-dấu của chàng, mà các vị Thiên - Thần đã đem chôn dưới chân bàn thờ ấy. Chàng gói ghém tất cả vào trong một tấm da lừa và dần bước lên đường về làng. Vác bao di-hài trên vai, những cái xương cọ nhau lách-cách, chàng tưởng rằng mình đang vác một bó tên đi săn bắn, bó tên của tử thần.

« Ban đêm, chàng ngủ, gói đầu trên di-hài của những người thân yêu. Chàng mơ-màng nghĩ

đến nền đức-hạnh của vị cha già và cuộc tình-duyên dang-dỡ của mình...

...« Ôi, hỡi người khách lạ ! Ông có thể ngắm gói bụi đen này, chính thề-xác và linh hồn của chàng Chactas trẻ đẹp khi xưa »...

Khi người đàn bà da đỏ vừa kể cho tôi nghe đến đây, tôi chồm dậy, đỡ lấy nắm tro tàn linh-thiên và phủ-phục xuống, yên lặng. Rồi tôi nhảy tránh ra, thét lớn lên rằng :

— « Ôi ! Trên quả đất này, tất cả những cái gì là chân thiện, là đạo-đức, là để có cảm tình, cũng đều lướt qua đi như thế. Hỡi con người ! Con người chỉ là một giấc mộng chóng tan, một giấc mơ của bóng đen đau khổ. Người chỉ tồn tại vì nỗi bất-hạnh của cuộc đời ; người chỉ là một vật gì mà chưa được toàn buồn-não trong tâm-hồn, ý-tưởng thấm đượm một nỗi ưu-sầu man-mác, mênh-mông ! »

Ý-tưởng này xâm chiếm tâm hồn tôi, phảng-phất suốt đêm trường. Đến sáng-ngày ngày hôm sau thì mấy người da đỏ chia tay chúng tôi. Những người trẻ tuổi hăng-hái đi đầu, mang theo những di-cốt của tiên-nhân của họ. Những người vợ của họ đi sau cùng, vai mang những đứa trẻ sơ-sinh. Mấy người già lụm-

khum đi giữa, tự đặt mình vào giữa những vị tiên-bổ và những kẻ hậu sinh, giữa những kỷ-niệm về dĩ-vãng và những mầm hy-vọng về tương lai, giữa một xứ-sở đã hoang-tàn và một xã-hội bắt đầu xây-dựng...

Than ôi, bao nhiêu giòng lệ đã lan-tràn trên mi mắt, khi họ phải rời bỏ quê cha đất tổ thân yêu, khi từ trên đồi cao, họ nhìn thấy lần cuối cùng mái lều đã che-chỡ nắng mưa cho họ và giòng sông lững-lờ thăm-đạm trôi giữa cánh đồng cỏ hiên lành quen thuộc !

Hỡi những người da đỏ bất hạnh ! Tôi đã gặp các bạn lang-

thang trong vùng Tân-Thế-giới với nắm tro tàn của tổ tiên các bạn. Các bạn đã giành cho tôi mọi sự ân-cần niềm-nở khi tiếp đón tôi, mặc dầu các bạn đang sống trong đau khổ, nhưng bây giờ tôi nào có thể giúp cho các bạn được, bởi vì, cũng như các bạn, tôi đang lang-thang giữa cuộc đời ; và còn bất-hạnh hơn các bạn, vì trong bao nhiêu năm lưu-lạc tha-phương, tôi không mang theo được một chút tro tàn nào của những người thân yêu quyến thuộc...

TRẦN-CHU

— HẾT —

## KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



## PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

# Mình ơi!

## PHẬT-GIÁO VÀ KHOA-HỌC

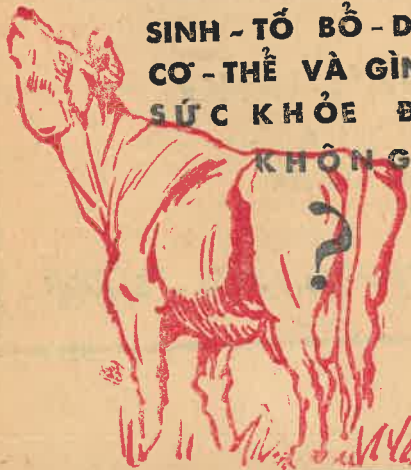
NHỮNG SINH-TỐ NÀO  
CẦN - THIẾT CHO SỰ  
SỐNG CỦA CHÚNG TA

?

NHỮNG NGƯỜI ĂN  
CHAY TRƯỜNG CÓ ĐỦ  
SINH - TỐ BỔ - DƯỠNG  
CƠ - THỂ VÀ GÌN - GIỮ  
SỨC KHỎE ĐƯỢC

KHÔNG

?



**M**ỘT đĩa mây lớn đựng sáu trái xoài tượng chín vừa mua ở chợ về, mập ú-ù, màu da vàng mịn, trông thật ngon lành, duyên dáng. Ông Tú lấy một trái đưa lên mũi, hôn-hít nó, thơm làm sao! Ông lấy tay vuốt-ve nó, áp nó vào má, rồi cầm chơi, nâng-niu, không muốn ăn. Bà Tú lấy một trái khác, cầm dao cắt. Lưỡi dao sắc bén, nhẹ-nhàng lướt trong lòng trái xoài chín ửng. Hai ngón tay mồm-mím của bà Tú khẽ nâng miếng xoài còn nguyên vỏ, trao sang tay chồng:

— Xoài này ngọt, Minh à.

Ông Tú thêm muốn chấy nước miếng, khen vợ:

— Xoài của em mua thì chắc là ngọt.

Ông lấy muỗng múc ăn một miếng, rồi một miếng nữa, một miếng nữa... ông thích chí, bảo:

— Ngọt-ngọt chua-chua, ngon tuyệt, em ơi!

Ông lại dặn bà Tú:

— Em nhớ để cái hạt cho anh cặp, đừng vứt nhé.

Bà Tú tùm-tùm cười ngó chồng. Bà hỏi:

— À Minh ơi, người ta bảo xoài ăn vô nóng lắm, có đúng không, Minh?

— Không đúng. Xoài có sinh-tố A, C, D. Nó thuộc về loại trái cây ăn bở. Thượng-đế thương người Việt - Nam ta, cho ta các giống xoài để ăn cho ngon miệng, cho thắm da đỏ thịt, chứ người Âu-Mỹ làm gì được cái diễm phúc ấy!

Dĩ-nhiên, ăn nhiều quá không tốt, cũng như bất cứ món gì. Như ca-rốt, cam, trứng gà, sữa tươi, ya-ua, đường thẻ, rượu bia, thịt, cá... là những món ăn có rất nhiều vi-ta-min, (1) nếu thiếu các món ấy thì thiếu các chất bổ cho cơ thể, nhưng nếu để cho cơ thể dự-trữ quá nhiều các sinh-tố kia thì cũng rất có hại cho sức-khoẻ vậy.

— Minh ơi, nhân-tiện nói về sinh-tố, em vẫn thắc-mắc về việc các ông Sư, và các người ăn chay trường, kiêng thịt và cá, sao họ có đủ sinh-tố để sống khoẻ mạnh được? Đức Phật Thích-Ca Mâu Ni hồi xưa cũng ăn chay mà sao Ngài sống được đến 80 tuổi, và trí óc minh mẫn, thông suốt mọi vấn đề huyền-bí cao-siêu, há mình?

— Không nên suy-luận về Phật:

(1) Vi-ta-min (vitamine) = sinh-tố. Danh - từ khoa - học rất thông-dụng hiện nay và đã được Việt-nam hoá.

Ngài là một đấng thiêng-liêng, cao-cả, vượt ra ngoài các nhu-cầu thông lệ của chúng-sinh. Chỉ nói đến những người kiêng thịt, cá, như các vị Sư và các nhà tu-hành ăn chay trường. Khi số người này biết săn-sóc thực-đơn hằng ngày của họ theo nguyên-tắc khoa-học, nghĩa là khi họ biết cung cấp cho cơ-thể của họ một số lượng vi-ta-min đầy đủ trong mỗi bữa ăn chay, thì họ vẫn khoẻ - mạnh về vật-chất cũng như về tinh-thần và họ có thể sống lâu đến trăm tuổi.

— Thế sao em thấy một số đông các nhà Sư và các người ăn chay trường đều xanh-xao vàng-vọt và hay đau yếu luôn ?

— Đó là tại mấy nhà tu-hành không chú-trọng đến những bữa ăn hằng ngày. Các món ăn của họ không có đủ sinh-tố cần-thiết để nuôi cơ-thể. Thí-dụ như quanh năm họ chỉ ăn rau muống luộc chấm với tương, cơm trộn với cháo, canh bí rắc muối mè, thì bảo sao họ có sức khỏe dồi-dào cho được ?

— Ai khám-phá ra các chất sinh-tố, hả Minh ? Và những sinh-tố gì cần-thiết cho sự sống ?

— Từ thế kỷ XIX trở về trước, chưa ai biết sinh-tố là gì. Các nhà khoa-học chưa thấy rõ

công-dụng của các sinh-tố trong sự sống của cơ-thể loài người và loài thú. Họ chỉ do kinh-nghiệm thực-tế mà phân-biệt những món ăn nào bổ và những món ăn nào có hại cho sức khỏe, thế thôi. Mãi đến năm 1912, nhà Bác-học MAC COLLIN căn-cứ theo những thí-nghiệm của ông trên loài chuột, mới khám-phá ra sự hiện-diện và công-dụng của một vài yếu-tố liên-quan đến sự sinh trưởng và phát triển cơ-thể các loài động vật, ông gọi là « các yếu-tố phụ thuộc » — Facteurs accessoires. — Sau đó, các cuộc thí - nghiệm khác được tiến-hành, và nhà Bác - học FUNK nhận thấy rằng danh - từ « các yếu-tố phụ-thuộc » không được xác-nghĩa, vì những chất vừa khám-phá ra đó chính là những yếu-tố cần - thiết cho sự sống của cơ-thể con người. Do đó, ông FUNK đặt ra danh-từ mới là VITAMINE, (sinh - tố : yếu-tố để sống : élément vital). Từ năm 1912 đến nay, trong khoảng 50 năm, các nhà khoa - học Âu - Mỹ đã dày công thí - nghiệm, và đã xác - định rõ - ràng một số vi - ta - min cốt-yếu mà ta có thể phân ra hai loại :

● **Những sinh - tố tan trong chất mỡ** : Sinh - tố A, D, E, K.

● **Những sinh - tố tan trong nước** : Sinh-tố B<sub>1</sub>, B<sub>2</sub>, B<sup>6</sup>, C, PP,...

Và mới đây, năm 1946, một Nữ Bác-sĩ Mỹ, bà MARY SHORB, đã tìm ra một sinh-tố mới, vô-cùng quan-trọng, tên là sinh-tố B-12, mà người ta cũng gọi là VITAMINE ROUGE (sinh-tố đỏ).

— Minh nói riêng về mỗi loại sinh-tố cho em nghe.

— Khởi đầu, nên biết về SINH TỐ A. Theo như Mac Collin, năm 1912, thí nghiệm trên loài Chuột, thì thiếu sinh-tố A con chuột chậm lớn, rụng lông rất mau, bị lở loét trên da, và mờ mắt. Con người ta thiếu sinh-tố A cũng bị các nguy-hại như trên : chậm lớn, gầy ốm, hư mắt, sinh nhiều mụn nhọt, lở loét lâu ngày không lành, đóng thành sẹo. Sinh-tố A là chất màu VÀNG - NGHỆ của thực-vật, gọi là carotène. Đó là chất ở nhiều nhất trong củ CA-ROT. Ngoài ra, sinh - tố A cũng có nhiều trong khoai-lang HUỖNH-TÂM (loại khoai-lang vàng ruột), ĐU-ĐU chín, BÍ-NGÔ, CAM... Trong động-vật, sinh - tố A ở trong

LÒNG ĐỎ TRỨNG GÀ, và các loại GAN (nhất là gan bò).

Bà Tú cười, chỉ trái xoài. Ông Tú gật đầu :

— Xoài chín, nhất là loại Xoài Thơm, xoài Thanh - Ca, xoài Tượng, cũng có nhiều Vi-ta-min A.

— Vậy thì chúng ta nên ăn nhiều ca-rốt ? Hèn chi mình cứ bảo em mua ca-rốt sống cho mình ăn !

— Những món anh vừa kể : ca-rốt, bí-ngô, cam, đu-đu, gan bò, trứng đỏ trứng gà, v.v.. đều là các chất cung cấp đầy đủ sinh-tố A cho các cơ-thể chúng ta, nhờ nó mà con nít mau lớn, trai-trẻ mau mạnh, già-cả không mờ mắt, học-trò khỏi cận-thị, các cô các bà nước da trắng mịn, ít có mụn l.. Và các ông sư, dự-trữ đầy đủ sinh-tố A trong cơ-thể, cũng không đến nổi xanh-xao vàng-vọt lắm.

— Còn sinh-tố D ?

— Sinh-tố D, do nhà Bác-học MELLANBY khám-phá ra năm 1927, là chất bổ cho xương và gân. Thiếu sinh-tố D, xương-cốt không cứng-rắn, không bền, lồng ngực có thể bị xiêu vẹo, răng không chắc, sọ không vững. Mấy đứa trẻ lâu lớn, hoặc hay sún



răng, các ông già bà lão bị khòm lưng, các chàng trai-trẻ hay môi lưng, môi đầu gối, ngực yếu... xương mềm, đều bị thiếu sinh-tố D.

— Muốn có sinh-tố D, thì tìm ở đâu ra ?

— SINH-TỐ D ở trong chất *ergostérol*, có rất nhiều trong **ĐẦU GAN CÁ THU** (Huile de foie de Morue, ta gọi tắt là đầu Cá) trong **TRỨNG, BƠ, SỮA**. Nhưng nhiều nhất, nhiều hơn đầu hết, là trong **ÁNH NẮNG MẶT TRỜI**. Hầu hết những người ở các nơi âm-thấp, tối-tăm, hoặc ở luôn trong buồng the, trong nhà tu kín, ít được tiếp-nhận những **TIA SÁNG CỰC-TÍM CỦA MẶT TRỜI** (Rayons ultra-violets), là những người thiếu vi-ta-min D. Chúng ta phơi mình dưới tia nắng ultra-violets, cứ mỗi ngày một giờ thôi, tức là chúng ta lượm được hàng nghìn đơn-vị sinh-tố D của Trời ban cho, khỏi tốn tiền. Nhờ thế cho nên những dân-tộc ở miền Nhiệt-đới ít bị các chứng bệnh mềm xương yếu xương, òi-ốp, như bệnh *Rachitisme* mà các dân ở miền lạnh thường bị. Những người yếu gan cũng thiếu sinh-tố D.

— Còn sinh-tố E ?

— Sinh-tố E do nhà Bác-học **EVANS** tìm ra trong các chất *protéines* của mầm lúa mì. Dĩ-nhiên là trong mầm lúa gạo cũng có vitamine E. Có điều này rất quan trọng mà phụ-nữ nên để ý, là **SINH-TỐ E** rất cần cho sự **THAI-NHÉN** và **SINH-SẢN**. Những người đàn-bà hiếm con, hoặc hay sảy thai, hoặc sinh con òe-ốp, khó nuôi, đều do một phần thiếu **SINH-TỐ E**, ngoài các nguyên do khác. Vì thế, người ta dùng sinh-tố E trong các phương thuốc dưỡng thai, và trị bệnh cho các người bị sảy thai, hoặc hiếm con.

— Bà Soraya, cựu Hoàng-hậu của vua Iran cũng ở trường-hợp không có sinh-tố E cho nên không có con chứ gì, hả mình ?

— Chắc là Soraya không có nhiều sinh-tố E bằng Farah Diba.

— Sinh-tố E kiếm ở đâu cho có ?

— Trong cái mầm lúa và các loại dầu nglũ-cốc, như dầu-phộng, dầu mè, dầu olive, v.v...

— Mình ơi, thế sao bà Soraya, hay bà Hoàng-hậu Joséphine, vợ của Napoléon, không uống dầu phộng và dầu olive để cho có con ?

— Hiếm con, còn do những nguyên-nhân khác nữa chứ bộ !

— Còn **SINH-TỐ B-1** ?

— Sinh-tố B 1, do nhà Bác-học **FUNK** tìm thấy năm **1912**, trong mầm lúa. Sinh-tố này là một chất bở trong lúa gạo. Gạo máy, xay trắng, như gạo ăn ở thành-thị, là thiếu sinh-tố B 1 cho nên nhiều người ăn gạo này thường bị bệnh thũng (Béri-béri), bệnh tê bại. Cần phải ăn cám với đường để tiếp-tế sinh-tố B 1. Cá-khô, mực khô, và đồ-hộp đều thiếu sinh-tố B 1. Những người thiếu sinh-tố này thường bị các chứng bệnh đau ruột, bón, ăn mất ngon, yếu tim, yếu thần-kinh. Muốn có đủ **VI-TA MIN B 1**, nên ăn **CÁM, GAN, ĐẬU NÀNH** (Đậu-hủ — Soja) **ĐẬU PHỘNG**, và nhất là **MEO DẤM RƯỢU BIA** (levure de bière). Tuy nhiên, phải nhớ rằng rượu Bia uống bở vì chứa nhiều sinh-tố B 1, nhưng nếu uống nó nhiều quá thì có hại cho sức khoẻ, có thể bị kiệt-ly.

— Còn **SINH-TỐ B-2** ?

— Vi-ta-min B 2 do hai nhà Bác-học **WARBURG** và **CRISTIAN** tìm ra, năm **1933**, cũng trong rượu bia. Nó giúp ích rất nhiều cho sự hô-hấp của các tế-bào trong cơ-thể.

**SINH-TỐ B-12** giúp cho **HỒNG-HUYẾT-CẦU** được

sinh-nở-dồi-dào. Nó là loại thuốc hồi-sinh cho bệnh thiếu máu, và tất cả các chứng bệnh do thiếu máu gây ra. Nó có rất nhiều trong thịt bò, huyết bò, và nhất là trong gan bò.

— **Hồng-huyết-cầu** là gì, hả Minh ?

— Là những tế-bào ở đây-đặc trong máu. Cứ mỗi một ly khối máu (millimètre cubel) có từ 4 triệu rưỡi đến 5 triệu hồng-huyết-cầu, Minh nên nhớ rằng trong mỗi người phải có 5 lít máu chảy khắp trong cơ-thể. **Hồng-huyết-cầu** đem dưỡng-khí trong máu phân phát cho các tế-bào cơ-thể.

Ngoài ra, chúng ta phải kể đến **SINH-TỐ C**, do **GYJORKI** và **HAWORTH** tìm ra năm **1933**. Những người thiếu sinh-tố C thường bị các chứng bệnh **Scorbut** : **ĐI ĐÁI RA MÁU, CHẢY MÁU RĂNG, LỖ MÒM, TRÓC DA, ĐAU CÁC KHỚP XƯƠNG**. Sinh-tố C có rất nhiều trong các trái cây, nhất là Cam và Chanh, Bưởi. **SINH-TỐ PP** cũng rất bở cho các người bị các chứng bệnh trên kia và nhất là cho các bà có thai, nuôi con bú, bị hao mòn sức khoẻ. Sinh-tố PP có nhiều trong các chất mỡ của ngũ cốc, lòng đỏ trứng gà, gan bò con (bê), rượu quinquina.

— Mình ơi, thế thì nếu từ nay hai đứa mình cứ ăn toàn là các đồ ăn có đủ sinh tố bổ dưỡng cơ thể, chắc chắn hai đứa mình sẽ khoẻ mạnh như hai con voi, mà cũng tại thiếu sinh-tố nên các ông Sư và các người ăn chay trường coi bộ ốm-yếu xanh-xao vậy chứ gì ?

— Các loại rau sống và trái cây đã có sẵn nhiều vi-ta-min . Vậy nếu ăn chay trường theo phương pháp khoa-học, nếu tổ-chức trường trai theo sự cung cấp thăng-bằng các loại sinh-tố, thì chắc chắn là ăn chay trường có lợi cho sức khoẻ hơn là ăn mặn. Các nhà Sư cần phải dùng nhiều các thứ rau, và trái cây như CARỐT (rất cần thiết), CÀ CHUA, đậu nành, xà-lách, BÚP SU, rau DỀN GAI, cam, đu-đu, xoài, chuối tiêu v.v... và các món ĐƯỜNG ĐEN, đường thẻ, YA-UA (rất cần-thiết), mật ong, lòng đỏ trứng gà, bí-ngô, fromage tươi, sữa tươi... Tóm lại, ăn tất cả các loại ngũ-cốc có đủ sinh-tố A, D, K, C, E, B, B-1 B-2, B-6, B-12, PP, thì khỏi cần đến thịt cá.

Nhiều người ăn chay trường rất sơ-sài, chỉ chao với mè, tương với rau muống, thì làm sao khoẻ mạnh được ! Do sự thiếu-thốn vi-

ta-min không đủ cung cấp các-nhu cầu của cơ-thể mà một số người ăn chay trường đến nửa chừng phải bỏ cuộc, hoặc phải ăn lên lút thịt cá cho đỡ thèm.

Bà Tú cười ha-hả :

— Cô Tư em hồi trước cũng thế đấy, Mình ơi ! Lúc đầu bà ăn chay trường, sau rút lại còn chay kỳ, mà thỉnh - thoảng tới những ngày bà phải ăn chay là mồng 5, 14, 23, em cũng gặp bà lên xuống bếp ăn vụng thịt mỡ, cá kho !

— Đấy là những người không bền chí, và không biết sắp đặt thực-đơn trường trai cho thích-hợp với nhu cầu của cơ-thể.

— Mình biết không, mỗi lần em chộ cô Tư của em ngã mặt lên-lút như thế, em cười rầm lên, em nói rùm lên, cho cả nhà biết, cô Tư mắc cỡ, bỏ vô chùa ở. Vô chùa chắc cô ăn chay có hiệu quả hơn.

Ông Tú làm thỉnh, cặp nốt hết mấy hột xoài. Xong ông lau tay, thở ra một hơi khoan-khoái :

— Xoài của em mua, chua chua ngọt ngọt, ngon tuyệt ! Chiều em mua thêm một chục nữa nhé, em !

*Diệu-Huyền*



# KHÓC CHA

## ★ HỖ-KHUƠNG

*Âm dương xa cách kể từ nay,  
Cha ở phương nào, con ở đây ?  
Một phút chia ly, sầu vạn kỷ,  
Đôi hàng lụy dỏ, thấm càng cay !*

*Cha với con như bóng với hình,  
Vui già tóc bạc, trẻ mày xanh.  
Mến đời Lý Đổ, say ngâm vịnh,  
Ưa thú thanh nhàn, cảnh đẹp xinh.*

*Mà nay cha vật bỏ đi đâu,  
Nỡ để mình con dạ héo sầu !  
Một bóng, một hình, con lủi thủi,  
Ra vào ngõ ngàn suốt canh thâu !*

*Nhớ buổi chiều kia mới dặn dò :  
« Bệnh cha, con chớ có buồn lo.  
Chỉ cần ngâm vịnh, nghe ca hát,  
Ăn uống không cần, cũng cứ no ».*

*Đến lúc lâm-chung cha vẫn cười,  
Mày sưng, râu tuyết lại càng tươi.  
Nhìn cha, con ngỡ còn say ngủ,  
Sực nhớ, ời thôi ! bỗng rụng rời !*

Hôn cha, già biệt, lệ tuông trào,  
 Càng nghĩ, càng thêm nổi ngán ngao !  
 Có có, không không, không lại có,  
 Cuộc đời như một giấc chiêm bao !

Một đóa hoa lòng, một nén hương,  
 Khóc cha với ít vận thơ Đường.  
 Chan hòa nét mực theo dòng lệ,  
 Lão thảo đôi hàng chữ trọn chương...

Vỹ-Dạ, đêm 5-4-1961  
 TÓN-NỮ HỖ-KHUƠNG

### Kính diếu Thúc-Gĩa tiên-sinh

Cũ mới làng văn buổi hiếm người,  
 Trời ơi ! Sao Cự vôi lên trời ?  
 Dâng thơ Thượng-đế khen dành có,  
 Khuất bóng Tao-đàn tiếc chẳng người !  
 Phảng phất sông Hương nghe gió vọng,  
 Chập chờn núi Ngự mộng trăng chơi.  
 Nhưng nghe, nhưng mộng, đâu còn thấy ?  
 Di-cảo sầu ngâm, lặng thờ dài...!!

Xuân Tân-Sửu (1961)  
 ĐÔNG - XUYÊN

### Văn diếu Thúc-Gĩa hương linh

HỒI ÔI !

1 — Bầu Lý mưa chan  
 Thuyền Tô sóng vỗ.  
 2 — Âm vùng bạch nguyệt,  
 nước sông Hương ủ mặt cầu

dòng xanh,  
 Ngừng tiếng thanh-phong, cây  
 núi Ngự bực lòng tươm lệ đỏ.  
 3 — Trông chừng giấc mộng,  
 mộng hoàng - lương liền hóa

mộng Nam-kha.

Nói rõ con đường, đường  
 danh vọng rẽ sang đường Tịnh-  
 độ.

4 — Nghĩ chuyện bách-niên,  
 nhớ người thiên-cổ.

Kính duy : Thúc - Gĩa Tiên-  
 sinh !

5 — Tuy-Lý vốn dòng, Phụ  
 nguyên là Họ.

6 — Tiên-phong đạo-cốt, tài  
 toàn đức-bạch văn-chương,  
 Ngọc-diệp kim-chi, tách bảm  
 thông-minh đỉnh-ngộ.

7 — Nhà giàu có năm xe sách  
 vở, nào thi thơ, nào lễ nhạc,

Hán Khuôn-Hoành tìm thẩu  
 chỗ uyên-thâm, Tiếng lẫy-lừng  
 bốn biển anh em, những tài-tử,  
 những giai - nhân, Yên Bình -  
 Trọng sẵn tấm lòng ái-mộ.

8 — Chưn Ký - lục Tòà  
 Công tạm chức, hạc gà trái mắt,  
 Ngựa rong cương trở lại  
 Nam - Triều, Khoa Cử - nhân,  
 bằng Hồ đễ danh,

Hồng Lạc thương tình, Bằng  
 võ cánh lần lên vân lộ.

9 — Quận, Huyện thân dân,  
 Phủ Toà trọng dụng, đặc tăn  
 Niết-Ty chánh thức, cửa xuân  
 quang nhuần thắm móc mưa,

Tổng-đốc tại ngoại, Phủ - doãn  
 hồi kinh, sắc thăng Hiệp-tá Đại-  
 thần, đường hoạn-hải êm - đềm  
 giông-tổ.

10 — Bốn mươi năm hưởng  
 lộc, ra tài kinh-tế, trên vì nước  
 dưới vì dân,

Năm lăm tuổi hồi hưu, cùng  
 bạn thi thơ, rày chơi đây, mai  
 chơi đó.

11 — Cầm lòng ái mộ, quân  
 Phủ Tôn-nhơn, nhân dân Đại-  
 biểu, ngấm thời-cơ vận - dụng  
 mới kinh quyền, vui thú thanh-  
 cao, Tao-đàn Nguyên-súy,

Truyền bá Quốc - văn, cùng  
 chúng bạn thời xao vẫn kim cổ.

12 — Văn-chương sự-nghiệp,  
 giá thanh-danh sánh bậc Âu Tô,  
 Hiếu-đễ nhân-tử, nền huấn-hộ  
 noi gương Trâu Lỗ.

13 — Lân chỉ, Sô ngu vầy  
 một cuộc, vẹn chữ ôn-hòa,

Mãng-bào, ngọc đá trái năm  
 Triều, song toàn phước thọ.

14 — Vườn Thượng - uyển  
 sum-sê hộc quế, gái hai cô, trai  
 năm cậu ; Nền gia-phong nổi  
 tiếng Bình - Hương, đình Lộc-  
 Minh sức nước chi lan, người  
 năm xứ, khách mười phương,  
 nơi Lạc-xã lừng danh Lý-Đỗ.

15 — Nhớ những lúc Tao-dàn hiệp-hội, Cự vui mừng, Cự đón tiếp, nào trà, nào rượu, nào bánh, nào quà. Tưởng đến khi yến-tiệc cung-nghinh, Cự hòa-nhã, Cự bồi-bàng, không lẩn, không kiêu, không khinh, không đố.

16 — Lời nhã ngọc : thi là thuốc bổ, bổ tinh-thần, bổ trí-tuệ, lúc ngâm đề-tướng-tượng thú thần tiên. Chữ phun châu, thi lấm tít hay, hay cảm-kích, hay linh-thông, khi hạ bút ngập ngừng cơn phong vũ.

17 — Những tưởng văn chương bắt lão, ánh thu-quang hăng dọi gấm trên hoa ; Hay đầu Tạo-hóa vô-thường, cảnh xuân già khôn ngăn đều trước gió.

18 — Có duyên mới có Phật, mộng ba năm Quan-Âm cho biết trước, đến năm nhà thương năm sáu tháng, tâm thần định tĩnh, bạn bè lui tới vẫn ngâm-nga.

19 — Có phước mới có phần, đất một ngôi Địa-lý nhấm từ lâu, trông lên tuổi thọ tám mươi lăm, sắc diện hồng-hào, con cháu ra vào còn dạy dỗ.

20 — Nhìn vườn sau, nước

biết chảy reo reo, Ngắm ngò trước, tre vàng sầu vọ vọ.

21 — Cây Ngự-lãnh còn đây, cảnh Hương-giang còn đó, câu thơ tuyết-diệu vẫn-vơ hoài dưới gió trên trăng, Xe Thuận-an đi xuống, dò Tây-thượng đi qua, tiếng mõ cầu kinh, văng-vẳng dội trong nhà ngoài ngò.

22 — Đêm quạnh quẽ lẳng hồn quỳn gọi gió, mộng hờn say tỉnh, tưởng Tôn-Ông nhân bộ trước hoa viên, Ngày lao-xao nghe tiếng Hạc gào mây, bóng áo lập lòe, ngò Nguyễn-Soái thừa lương nơi Cổ-thọ.

23 — Vẫn biết tre già măng mọc, nhìn non sông, nhìn cảnh vật, khó phăng ra trăm mối tơ vò, nghĩ rằng súng nổ sen tàn, thấy nòi giống, thấy thân bằng khôn ngăn nỗi đôi hàng lụy đổ...

i Ô, thôi thôi !..

24 — Chết trước hồn thiêng, sống lâu xác khổ.

25 — Nam Bắc Thủ-đô, Âm-dương phản lộ.

26 — Gọi đất không oi, kêu trời không hứ, chữ tồn vong đành thuận lẽ thiên cơ, Ngắm thi là quý, niệm Phật là hay, niềm sanh diệt vẫn tùy theo mệnh số.

**NAY THI HỮU CHÚNG TÔI :**

27 — Ba tuần rượu lạt, Dương làm sao âm làm vậy, tình thầy nghĩa bạn, nghìn thu hằng giữ dạ đình ninh, Một nén hương lòng, sống thời khôn,

thác thời thiêng, giống Lạc nôi Hồng, muôn thuở nguyện ra tay phù-hộ.

*Hỡi ôi, thương thay ! phục duy chiếu giám.*

Hoàng-đình-Khai  
(Hương-Bình thi xã)  
**KÍNH ĐIỀU**

**Câu đối ai-điều**

**CỤ ƯNG - BÌNH THỨC - GIÀ THỊ**

1.—) Mấy mươi năm dự mạn thuyền Rồng, đời Văn-minh gió Á mưa Âu, trải cuộc bề dâu lá ngọc ngành vàng tròn quả-phúc.

2) — Mây núi Ngự, nguyệt Sông-Hương, đất đê tài-ba muông thuở không phai màu Cầm-tú.



Chín mươi tuổi về chơi cõi Hạc, nhìn phong - cảnh Sông Hương Núi Ngự, nhớ người thanh-khí, ve ngâm vượn hú khóc hồn thi,

Tuyết Sân-Trình, chuông cửa Khồng, trời sanh tuần-kiệt trăm năm còn mãi tiếng văn-chương.

NGUYỄN-ĐÌNH-TRANG,  
(Quảng-Trị)

HOÀI-SƠN-LANG  
HOÀNG-TRỌNG-HƯỜNG,  
(Quảng-Trị.)



**\* Diễn thuyết**

Một ông nọ diễn-thuyết về một đề-tài « Triết-học ». Diễn-thuyết xong, lúc ra về, diễn-giã chen vào đám đông người, nghe một cô thiếu-nữ, có lẽ là nữ sinh-viên, nói chuyện với cô bạn đi bên cạnh :

— Tôi muốn tìm diễn-giã để cảm-ơn.

— Vì diễn-thuyết hay hả ?

— Không phải, vì mấy hôm nay tôi không ngủ được, vừa rồi tôi mới ngủ được gần một tiếng đàng-hở.

# MỒ HỒI TRƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 56)

## TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Ông Giáo Ngọc-Minh giúp cô Toàn 2.500\$, trả 5 tháng học phí và còn dư mua thêm sách học. Cô nữ-sinh mừng rỡ, về nhà viết thư cảm tạ lòng tốt của ân-nhân.

Trong lúc ấy, Ánh đi lang thang các xóm quen cũ ở Cầu-Muối, cầu Ông-Lãnh... để tìm lại Hoàng... Gặp Định, bạn học cũ, Ánh hỏi dò tin-tức về Hoàng...

**T**HẮNG Hoàng hả?... Ở mà lâu lắm tôi cũng không có gặp nó. Coi bộ nhà cậu ấy nghèo

xơ-xác... Cách đây lâu quá rồi, nó đem bán cho tôi cái đồng hồ thì còn đeo đây nè...

Định chỉ chiếc đồng hồ đeo tay, nói tiếp:

— Nó thì đậu, chú nó cho nó chiếc đồng hồ, rồi nó túng tiền đem bán cho tôi có 200 đồng.

Ánh lặng thinh nghe. Định nói tiếp:

— Đáng lý mình không dám mua, sợ của nó ăn cắp thì bỏ mẹ! Nhưng rồi sau nó trở lại đưa hóa đơn cho mình, trong hóa đơn đề tên chú nó, giá mua 400 \$. Nó bán có 200\$. Thấy rẻ mình mua chơi. Nó nói em gái nó đau nặng.

## MỒ HỒI NƯỚC MẮT

nó cần tiền, chớ của chú nó cho, nó sợ bán đi chú nó giận.

— Sao anh ấy điên thế! Cái đồng hồ của người Chú cho làm kỷ-niệm, có cô em đau nặng, lại đem bán để mua thuốc cho em!

— Mình cho là nó nói dốt.

— Bây giờ Hoàng làm gì?

— Ai mà biết! Ánh hỏi chi vậy?

— Tôi có mượn một quyển sách tự điển của Hoàng còn mới tinh. Tôi muốn trả lại Hoàng mà không biết nhà Hoàng ở đâu. Anh có biết nhà của Hoàng đâu, chỉ giùm tôi.

— Thăng Hoàng ở xóm nhà lá Bầu Sen, Ánh muốn kiếm nhà nó thì lên xe Vespa tôi chở đi... Ở mà quên, xóm nhà của nó cháy mất tiêu rồi còn gì!

— Vậy hả? Nhà Hoàng cũng bị cháy sao?

— Cháy rụi cả xóm.

— Trời ơi! Vậy bây giờ Hoàng ở đâu?

— Lâu, mình không gặp nó. Còn nhà Ánh ở đâu, cho mình biết để sáng mai chúa nhật mình đến thăm.

— Đã nói xa lắm, anh kiếm không được đâu.

— Ánh đi đâu bây giờ, tôi chở Ánh về?

— Cám ơn anh Định. Tôi mắc đi có việc.

— Thì Ánh đi đâu, mình chở đi.

— Khỏi! Tôi đến nhà người bà con gần đây. Thôi chào anh Định nhé.

Ánh đi thẳng. Định còn gọi với:

— Ánh ơi, Ánh!... Mình hỏi câu này.

Ánh giả vờ không nghe, đi thẳng. Định lên xe Vespa, đi chậm chậm theo kèm một bên, tán tỉnh:

— Ánh bây giờ lớn lên, đẹp hơn hồi trước nhiều. Đẹp lộng lẫy... Sao Ánh chưa lấy chồng?

— Thôi đi anh đừng ngạo, tội chết! Tôi mà đẹp cái khi khô gì!

— Mình nói thiệt chớ không phải mình nịnh đâu nghe! Ánh cho mình biết nhà, đề sáng mai mình đến thăm...

— Chắc không được đâu, anh ơi! Anh có lòng tốt, tôi xin cám ơn, nhưng Má tôi khó lắm chớ không phải như người ta đâu, Thôi chào anh.

Ánh rẽ vào một đường hẻm để khỏi bị Định đi theo nữa. Ánh tùm tùm cười vì đã bịa ra câu chuyện mượn quyển Tự-điển để hỏi cho biết địa chỉ của Hoàng.

Nhưng nghe Định nói xóm nhà lá của Hoàng đã bị cháy, Ánh thất vọng và lo sợ cho Hoàng lắm. Ánh càng thương Hoàng và nhất định đi kiếm Hoàng cho kỳ được.

Sáng chúa nhật, Ánh đi tìm Hoàng. Ánh mặc áo dài trắng mảnh khảnh thướt tha, trông đẹp lạ l Y như hồi còn đi học. Bộ ngực nở vun vén, đều đặn, nổi bật trên một thân hình duyên dáng với những đường cong điều hòa tuyệt mỹ.

Cô của Ánh ngồi vông nhai trầu, ngấm nghĩa, và tùm tùm cười, bảo Ánh :

— Mới hồi nào mà còn bằng như con Nhung, bây giờ đã lớn đại !

— 21 tuổi rồi còn nhỏ gì nữa, há có !

— Ủ, liệu mà lấy chồng đi, để chồng nó nuôi chớ tội gì thân gái ngộ nghĩnh như vậy mà đi ở mướn hoài ?

Ánh chải tóc gọn gàng, mang đôi guốc mới, với tay lên vách ván lấy cái nón lá. Trước khi ra đi, Ánh hỏi :

— Thưa cô, xóm Bầu Sen ở đâu nhỉ ?

— Bầu Sen... ở về miệt Tân-Kiền, chớ đâu.

— Đình Tân-Kiền... có phải ở lối nhà thương Chợ-quán không cô ?

— Ủ. Con có quen ai ở đó ?

— Dạ có. Một người bạn học cũ.

— Con đi, trưa con có về không ?

— Dạ, về chớ.

Ánh đi bộ lên miệt đình Tân-Kiền, hy vọng tìm được Hoàng. Nếu nhà Hoàng bị cháy, thì chắc đã làm lại nhà mới.

Đến nơi, Ánh đi lang thang trên mấy con đường nhỏ hẹp và bẩn - thỉu trong xóm nhà mới cất lại bằng ngói, hoặc lợp tôn, nhưng không thấy bóng dáng người bạn cũ. Đi quanh quẩn hàng giờ, Ánh cũng không dám hỏi thăm ai cả. Toàn là người lạ. Gặp một em nhỏ, Ánh hỏi đại :

— Em ơi em, nhà anh Hoàng ở đâu ?

— Anh Hoàng nào ?

— Anh Hoàng hồi trước học trường Chợ-quán.

Đứa bé lắc đầu :

— Em hông biết.

Ánh ghé lại xe mì của một chú Chệt, ngồi ăn một tô mì để chờ.

Ánh nghĩ rằng sáng nay là Chúa nhật, chắc thế nào Hoàng cũng

đi chơi. Ánh ngồi nán đến trưa may gặp chẳng ? Vài ba chàng thanh niên trông thấy cô gái xinh đẹp, cứ lang vàng, thăm-thì, ngấm nghĩa. Ánh mặc kệ không thèm để ý đến. Ánh bỏ đi, tụi họ đi theo. Họ nghi ngờ cô gái xa-lạ từ đâu đến đây, lang thang tìm ai, ngồi nơi xe mì đợi ai gần hai tiếng đồng hồ ?

Nhưng ra đến đường lớn, Ánh biết có tụi cao-bồi đi theo mình, liền đón cyclo máy về Bàn-Cờ.

Ánh thất vọng vô cùng, buồn rầu không muốn nói chuyện gì với bà Cô nữa. Luôn mấy ngày, Ánh lăn quăn trong nhà như người mất trí, chán nản bơ thờ, chẳng thích ăn làm gì cả.

Cô của Ánh muốn gả Ánh cho một người đàn ông quen, làm Trung-Úy trong Quân đội. Chàng còn trẻ tuổi, ở cùng xóm, đã để ý đến Ánh từ lúc Ánh còn làm nghề gánh nước mướn. Chàng chưa có vợ, người ở miền Trung, coi bộ tính nết cũng hiền lành. Nhưng khi nghe cô nói chuyện ấy, Ánh thản nhiên đáp :

— Con không lấy chồng, Cô ạ.

Bà cô cứ khen ngợi chàng Trung-Úy có nhiều đức-tính tốt và hoàn cảnh thuận-tiện, có địa-vị, có tương lai, nhưng Ánh ngắt lời:

— Vợ chồng là duyên tiền-định. Một khi con không thích, ấy là tại con không có duyên-nợ với người ta. Cô trả lời với người ta là con không chịu.

— Không lẽ con cứ ở vậy hoài không lấy chồng sao ?

— Chừng nào con thích ai thì con lấy người ấy.

Bà cô ngồi nhai trầu lêm-bêm, làm thỉnh tỏ vẻ không bằng lòng đưa cháu ương gàn. Bà chậm rãi bảo :

— Già kén kẹn hom, con à !

Các cô tiểu-thơ đời nay tranh đua nhau lấy chồng Trung Úy, Thiểu Úy, mà con thì kén chọn, cô không biết con kén chọn ai nữa ?

Ánh không trả lời. Ánh chỉ nhớ lại câu chuyện của Định với Ánh chiều hôm qua về chiếc đồng hồ chàng đeo trên cổ tay. Không dè đó là chiếc đồng hồ của Hoàng đã bán lại cho Định để lấy 200\$. Hoàng năn-nỉ Định mua dùm để Hoàng lấy tiền mua thuốc men cho cô em gái. Nhưng Ánh biết Hoàng không có em gái. Chắc chắn là số tiền 150 đồng của Hoàng đưa cho Má Ánh với mấy gói thuốc nóng lạnh đáng giá gần 50đ nữa, là tiền của Hoàng đã bán rẻ chiếc đồng hồ cho Định

Bây giờ Anh đã đoán hiểu số tiền 200 đồng Hoàng đã giúp cho Anh hôm Anh đau nặng, do ở đâu mà Hoàng có. Anh nghĩ thầm: « Tội nghiệp Hoàng ! Hoàng yêu Anh nhiều lắm Hoàng mới hy sinh cho Anh như thế chứ ! Trong lúc Anh bị gia đình ruồng bỏ, trên đời Anh cô đơn không còn ai thương xót mình, thì có Hoàng, một bạn nghèo, hoàn cảnh không khá gì hơn mình mà lại tận tụy lo cho mình, săn sóc sức khoẻ của mình, Hoàng bán chiếc đồng hồ mới tinh của ông chú cho, để lấy 200 đồng đem đến cho Anh trong lúc Anh đau nằm liệt giường liệt chiếu, Má Anh cũng không có được vài chục bạc để mua thuốc cảm hàn cho Anh nữa ! Mỗi tình sâu đậm của Hoàng thật là cảm động. Anh phải làm sao tỏ lại chút lòng tri ân của Anh với người bạn trai độc-nhất của đời mình. Anh quyết không yêu ai, Anh đã từ-chối ông giáo Ngọc-Minh cũng vì Anh yêu Hoàng, nhớ Hoàng, Anh muốn gìn-giữ tấm thân trong sạch này để dành riêng cho Hoàng, hiến cả cho Hoàng đến mãn đời mãn kiếp. Nếu Anh không tìm lại được Hoàng, Anh cũng nhứt định đợi chờ vài ba năm nữa, Anh tự tin

rằng Anh sẽ gặp lại người bạn cũ, và nếu Hoàng cũng đang tìm kiếm Anh thì thế nào đôi bạn lòng cũng sẽ có ngày tái ngộ.

Thật ra, Anh và Hoàng chưa phải là một đôi tình-nhơn chánh thức. Cũng chưa phải là một đôi tình-nhơn lén-lút hồi nào. Cặp thanh niên này chưa hề trao đổi cùng nhau một lời thề non hẹn biển, chưa có lần nào gắn bó với nhau trong một nụ hôn nồng nàn say-dắm trên môi. Nhưng, hồn nhiên, chân thật, họ đã cùng nhau thông cảm mối tình ngấm-ngấm sâu xa, trong khoé mắt âu-yếm của chàng, trong lời nói dịu dàng, mơn-trón của nàng đáp lại. Tình yêu chưa thò-lộ ra hẳn, nhưng đã tự thú nhận với nhau rồi, gần như dĩ-nhiên rồi, như đã được sắp đặt trước từ lâu trong một kiếp xưa...

Thế mới biết tâm lý của phụ nữ cũng khó hiểu thật ! Một cô gái nghèo như Anh, nghèo đến nỗi phải đi làm dây-tớ cho người ta mà gặp một người yếu cô như ông giáo Ngọc-Minh, có nhà lầu xe hơi, có chức vị sang trọng, có tư cách đàng-hoàng đứng-dẫn, chưa chắc cô đã ham mê ! Gặp một anh Trung-Úy trai-trẻ, có tương lai

đầy hứa hẹn, có bộ nhung-phục bành-bao hào-nháng, chưa chắc cô đã yêu ! Vậy mà cô lại bùi-ngùi thương nhớ một người bạn học cũ nghèo xơ-xác như cô, chỉ vì chàng đã bán chiếc đồng hồ 200 đồng để giúp cô trong lúc cô đau gần chết ! Anh chỉ quý tấm lòng hào-hiệp của Hoàng mà yêu Hoàng, mà tự hứa sẽ gìn giữ tấm thân trong sạch, đợi một ngày kia đem hiến cả cho chàng để đền đáp ơn xưa !

Với ý định đã cương-quyết như thế, Anh từ chối tất cả mọi sự cám dỗ. Anh chỉ lo đi tìm việc làm, để tự lập lấy thân. Anh nghĩ rằng không lẽ một nữ-sinh như Anh đã có bằng Trung-học, nhan-sắc không đến nỗi tệ lắm, lại không tìm được một chỗ làm đàng-hoàng đủ sống ngày hai bữa hay sao ? Ấy thế mà gần một tháng trời, từ ngày thôi việc ở nhà cô Minh-Tú, Anh đã cố công tìm hỏi vẫn chưa được nơi nào. Đâu đấy đã có người cá-rời.

Một buổi tối, Anh đi gánh nước ngoài phố-tên. Trong khi đi đôi thùng chờ đợi đến phiên mình, Anh đứng dựa cột đèn, bần-khoăn nhớ Hoàng. Tình cờ một người bạn gái quen biết từ lâu đi ngang qua. Trông thấy Anh, cô

bạn vui mừng đến gần, nắm tay thân-mật :

— Chị Anh, chu-cha ! Sao bây giờ chị đẹp quá vậy, chị ? Lâu quá xá, bữa nay mới gặp chị !

Anh cũng vồn-vã, cười :

— Chớ Hoa không đẹp à ? Hoa còn đẹp bằng mấy Anh nữa đó ! Đạo này Hoa còn làm nhà in không ?

— Còn, Anh à. Anh muốn làm không, Hoa giới thiệu cho vô làm ?

— Làm công chuyện có khó không ?

— Có gì đâu mà khó. Mình làm thợ đóng sách, chỉ có việc xếp sách và xếp báo thôi.

— Xếp cách nào ?

— Ở nhà in chỗ Hoa làm có in một tờ báo, nguyên tờ giấy khổ lớn thợ in xong hai mặt rồi thì mình gấp lại thành khổ báo.

— Có vậy thôi à ?

— Ừ, xếp rồi vô bìa. Sách cũng vậy.

— Công việc có nhiều không ?

— Nhiều chớ, nhà in lớn mà, chị. Hiện bây giờ đang in bốn quyển sách và một tờ báo hằng tuần. Còn in đồ của Chính phủ thì không kể. Tụi mình làm ngập mặt !  
(Còn nữa)



\* «Bách khoa Tự-điển»<sup>1</sup>

● *Của bạn Duy-Hồ, 32B/17 Cao-Bá-Nhà Sài-gòn.*  
... Đối với chúng tôi là học-sinh Trung-học, quyển B. K. T. Đ. quả là cao hơn sự hiểu biết của chúng tôi lắm rồi... Nhưng ngoài các khuyết-điểm và sai-lầm về văn-hóa, chúng tôi còn gặp, trong khi tra sách ấy, nhiều lỗi «nhà-in» rất tai hại (Nếu ông không tin, thì xin ông cứ lật ra mà xem), như : BÀI-NGOẠI, thì trong Bách-khoa Tự-điển, ghi là BÀ-NGOẠI ! (Về mục B, trang 184) Mà không thấy đính-chánh ở đâu cả..

*Tự-mẫu*, thì ghi là *từ mẫu* (mẫu, dấu ?), v.v... nhiều lắm, kể không xiết. Còn những chỗ in mắt cả 5, 3 chữ, chúng tôi tìm mãi không ra chữ gì, như trong quyển vừa phát hành, v.v... chúng tôi mong tác-giả lưu-ý.

● *Của Ô Cao-văn-Sơn, Đại-học Luật-khoa Sài-gòn.*  
... Đại-đề trong «Bách-khoa Tự-điển», có những chỗ làm cho chúng tôi vô-cùng ngạc-nhiên, như những chữ :

1) *An-Hóa*, tác-giả giảng giải là ; «*một quận của tỉnh Ninh-Bình ở Bắc-Việt*».

Còn cù-lao *An-Hóa*, quận *An-Hóa* ở Nam-Việt, mà ai cũng biết tiếng, thì Bách-khoa Tự-điển không nói tới !

2) Chữ *Bái*, trong Bách-khoa Tự-điển, dịch ra Pháp văn là : *Respectueux, poli*. Anh văn là : *Respectful, polite*. Chúng tôi tưởng-tượng một người Pháp học Việt-ngữ, tra chữ *bái* trong Bách-khoa T. Đ. thấy cát nghĩa là *Respectueux, poli*, (*lễ phép*), họ sẽ yên-trí rằng : *bái* nghĩa là *lễ-phép* ! *Un élève respectueux* = một người học-trò *bái* !

3) *An-tĩnh* = *hai tỉnh Nghệ-an Hà-tĩnh gọi tắt*. Theo chúng tôi biết thì *Nghệ-an Hà-tĩnh*, gọi tắt là *Nghệ-tĩnh*, chứ không ai gọi là *An-Tĩnh* bao giờ.

4) *Ba tuần* trong B. K. T. Đ. tác-giả giảng : «*Ba đoạn trong*

*một tháng, mỗi đoạn 10 ngày : Thượng tuần, trung tuần, hạ tuần...*» Rồi tác-giả dịch ra Pháp-văn : *Trois fois, les trois parties du mois* ! Đố người Pháp nào hiểu được ! Sao không dịch là : *les trois décades* ?

5) *Bà. Chữ Bà*, Bách khoa tự-điển giảng :

*BÀ* = *Tiếng chỉ người đàn bà lớn tuổi, hoặc có địa-vị : Bà già, bà tinh-trưởng, bà Nguyễn-thị-Là*. Vậy thì người đàn-bà nhỏ tuổi, không có địa vị, không phải là «*bà*» hay sao ? ? ?

Vợ một ông công-chức quèn, vợ một ông thợ nề, Bách-khoa tự-điển không cho được hân-hạnh là «*bà*» phải không ?

6) *Bá-ngọ* = *Tiếng thầy Chùa mắng trách, tiếng chưởi thô-tục*. Pháp = *Juron de bonze*.

Xin hỏi tác-giả : Thầy Chùa ở đâu mà «*chưởi*» — «*chưởi*», hay «*chưởi*» ? — thô tục, bằng hai tiếng «*Bá ngọ*» ? ?

Hay là tác giả nhớ câu thơ nào đó của Hồ-xuân-Hương, rồi giang-ngheĩa hăm-hồ như thế ? Một câu giảng-ngheĩa vừa là một câu chưởi các vị «*Thầy Chùa*» !

Xin tạm ngưng tại đây, và xin hỏi các bậc trí-thức : Một quyển «*Việt-Nam Bách-khoa Tự-điển*» viết bậy-bà, và sai-lầm đầy rẫy như thế, có đáng mệnh-danh là một quyển Tự-điển Bách-khoa của nước Việt-Nam hay không ?

\* Bài thơ « Công chức hồi hưu ».

*của Ô. Đặng-văn-Giáp, Trường Thủ-khoa-Nghĩa, Châu-Đức.*

Kính gửi Ông HỘI-TRUỞNG, Hội Cựu Công-Chức hồi-hưu Việt-Nam Cộng-Hòa.

SAIGON

(Nhờ Tạp-chí Phổ-Thông vui lòng đăng giúp).

Kính Ông,

Tôi xin đại-diện cho một nhóm Cựu Công-Chức hồi hưu ở Quận Châu-Phú, tỉnh An-Giang, trân trọng gửi đến Ông lời yêu cầu xin bổ khuyết thêm số hưu bổng mỗi tháng, được để trang trải sự chi phí trong gia đình vì giá sanh-hoạt thường ngày lên



mãi mà số nguyệt-bồng hưu-trí thì chẳng được gia tăng, dẫu rằng có nghe nói nhiều lần số tiền hưu-trí của Cựu Công-Chức sẽ được thêm 20 %, song chúng tôi đợi mà chưa thấy thực hiện.

Vậy tôi kính cần xin yêu cầu Ông nhắc nhở Chánh-Phủ giùm bao ân-huệ nói trên mà chúng tôi rất mong mỏi. Chúng tôi cung kính tri ân Chánh-Phủ và rất hoài niệm cái công cực-nhọc của Ông.

Luôn đây xin trình Ông xem một bài thơ đường luật bát cú, lời lẽ thô than rất thống-thiết của một vị cựu Công-Chức hồi hưu, đang lúc túng trong cảnh gia đình thiếu thốn :

- Hồi hưu tính đã quá mười năm,
- « Thiếu thốn bao trùm nỗi khổ tâm,
- « Sanh-hoạt mỗi ngày lên vụt-vụt,
- Bồng hưu một mực cứ dăm-dăm,
- « Mỏn hơi phụng sự tròn ngôi tở,
- Rút ruột nhả tơ vẹn kiếp tầm,
- Dám hỏi chuỗi-đời còn mấy hạt,
- Mong nhờ mưa móc gội ơn thâm...

*Một cựu Công chức hồi-hưu.*

### \* Tuần chàng trai nước Việt.

*(của Ô. Nguyễn phú-Tinh, Đài phát thanh Huế).*

... Đọc hết số đầu, tôi không khỏi vui mừng, mà chắc chắn là ý-kiến của số đông độc giả trung thành của Phổ-thông, vì còn gì sung sướng cho bằng khi được biết rõ về một thế hệ trẻ đã qua, thế hệ mà những bậc cha chú của chúng tôi đã từng sống. Nước V. N. chúng ta, 20 năm sau đây đã trải qua biết bao giai đoạn lịch sử. Những mốc thời gian này đã ảnh-hưởng sâu đậm trong tâm hồn những thanh niên chúng tôi, những người : đã sinh vào những năm 1925, trở đi. Nhưng những năm về trước, cha chú chúng tôi sống ra sao, hoàn toán chúng tôi không được biết đến. Phần đông trong các gia-đình V. N. khi con cái đến tuổi hiểu biết thì tình cha tôi con đã có một hố sâu ngăn cách. Riêng tôi, tôi chưa hề được hầu chuyện với cha một lần nào trong vòng thân mật từ khi lớn lên. Ngày nay ông đã trở thành

một ông già, suốt ngày chăm nom cây cảnh, hơi cá vàng hoặc ngâm thơ, uống trà. Còn chúng tôi, lăn mình vào cơn lốc của cuộc sống thế kỷ 20 tùy theo nhiệt độ của máu chảy. Lẽ dĩ nhiên, thế hệ thanh niên của thế kỷ 20 với xe máy dầu 120 cây 1 giờ, khác hẳn với thế hệ thanh niên với mộng thầy ký, thầy phán, sáng sủa banh, tối sưa bò của bậc cha chú chúng tôi.

Vì thế mà chúng tôi đã say sưa đọc «*Tuần, chàng trai nước Việt*» do ông viết. Tiếc một điều là số trang dành cho mục này quá ngắn...

### \* Chuyện Ấn-Độ.

*(của cô Quế-Anh, Trường Hưng-Đạo Sài Gòn)*

...Chúng em là một nhóm nữ sinh Trung học Đệ nhất Cấp, đọc thường xuyên Tạp Chí Phổ-Thông. Chúng em rất thích những mục như «*Mình ơi*», «*mở hơi nước mắt*»... Hôm số rồi (số 54), em có đọc chuyên ngắn quốc tế «*Tôi làm vợ*» rồi em chuyển cho các bạn em xem, ai cũng khóc hết. Em tưởng là Ấn-Độ văn-minh thì đâu có nạn làm dâu như vậy hả chị? Và chuyện đó là chuyện có thực hay là họ phóng ra, chớ ở thế-kỷ này gì mà còn phong kiến quá vậy chị?...

*ĐÁP : Người Ấn-Độ tuy là văn-minh nhưng vẫn còn giữ nhiều phong-tục phong-kiến rất cổ-hủ, nhất là rất dị-đoan.*

Đang in và sẽ phát hành  
cuối tháng 5 - 1961

## ĐỜI THỨC GIÀ

THƠ

của cụ UNG-BÌNH Thúc gia thị

Sưu tập và trình bày :

Cô TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG (Huế)

Ấn-loát và xuất bản :

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233, Phạm-ngũ-Lão — Saigon



# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

## ● ĐIỆU-HUYỀN

### \* Bạn B.H.B.L. KBC 4390

● Theo các sử liệu được coi như là chính-thức, thì Tạ-thu-Thâu đã bị thủ-tiêu ở Quảng-Ngãi năm 1945.

● Cái óc của con người nặng tùy theo giống người và tùy theo từng người, dần-ông từ 1 kí 100 đến 1 k 400, có thể đến 2 kí, Đản bà từ 800 gr đến 1 kí.

### \* Bạn Duy-Hồ, Cao-Bá-Nhạ, Saigon

● Nói là « Nhật ký », nhưng không cần phải ghi chép mỗi ngày. Có thể cách hai ba hôm chép một lần cũng được.

● Cống-Quỳnh không phải là một nhân-vật lịch-sử, cũng không phải là một nhà Văn, nhà Thơ. Ông chỉ là một người học giỏi, có tiếng về một vài câu ứng-đổi châm-biếm. Có sách nói rằng ông là người Thanh - Hóa, thi đỗ Hương-cống dưới đời Lê Hiến - Tôn. Nhưng cũng có sách cho rằng Cống-Quỳnh là một nhân-vật bịa-dặt không có tên trong Việt-sử.

● Thôi-miên là một khoa-học huyền-bí và một bộ môn y-học, chứ không phải một tà-thuật. Người đầu tiên thí-nghiệm và xác-định khoa Thôi-miên là Giáo-sư Charcot, Đại-học Y-khoa Paris. (1825-1893).

### \* Ô. Hữu-Nguyên, Quế-Sơn

● Luật-sư Phan-văn-Trường là người quê-quán Bắc-Việt, làm Trạng-sư tại tòa Thượng-thẩm Saigon trong những thời kỳ Bùi-quang-

Chiêu và Phan Chu-Trinh về Nước. Ông là một nhà ái-quốc Việt-nam, bạn đồng-chí của Phan-Châu-Trinh, và tác-giả quyển « Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ».

● Ông Đặng-công-Thắng, giáo-sư Anh-văn, con trai của cụ Đặng-thúc-Liêng, ở 125 Bis Nguyễn-Trãi — Chợ-lớn.

### \* Bạn Nguyễn-Dĩnh, Hòa Bình, Huế

D.D.T. viết đúng như trong P.T. số 56:

### \* Ông Hoài-Long, Đại-Học Sư-phạm — Sài-gòn.

Đúng như lời thư của ông : tôi không có dự các cuộc Thi Văn-chương toàn-quốc.

### \* Cô Ngọc-Dung, Phú Nhuận.

● Lỵ = chửi. Mạ-lỵ, cùng nghĩa với lảng-mạ, nhục-mạ. (Danh-từ này trong Hán-Việt tự-diễn của Đào-duy-Anh không có, nhưng trong nhiều tự-diễn khác, Việt và Hoa, đều có. Hiện nay danh-từ « mạ-lỵ » rất được thông-dụng trong các tòa án Việt-nam).

● Tào yêu-thư yêu-ngôn, (Tào = bày đặt ra), chứ không phải « tội » yêu thư yêu ngôn... Trong các bản án của Nam-Triều kết tội các nhân-vật cách-mạng hồi Pháp-thuộc, như Đồng-sĩ-Bình, Bửu-Đình, v.v.. đều có ghi rõ ràng : « TÀO yêu-thư yêu-ngôn ». Và lại, yêu-thư yêu-ngôn là các sách và truyền-đơn, bài diễn-thuyết, mà nhà cầm quyền đương-thời cho là « chống chính phủ ». Chứ yêu-thư yêu-ngôn không phải là cái tội. Tào ra yêu-thư yêu-ngôn, mới là cái « tội ».

● Phan-huy-Chú, Phiến-loạn, đã in lầm chữ n thành chữ m.

Xin thành-thật cảm ơn bức thư rất duyên-dáng của cô.

● Ô. Ô. Liên-Chi — Dalat, Ng. m. Tường, Sài-gòn.  
Cô Trần-diệu-Hạnh, An-Xuyên.

Xin trả lời về cách đặt tên trong họ nhà Vua, Nguyễn-Triều. Bên phái Nam, những người con của vua Gia-Long, (Nguyễn-phúc-Ánh) mỗi phủ-phòng đều có 4 câu thơ, mỗi chữ trong câu thơ là tên của mỗi họ. Ví-dụ như giòng vua Minh-Mạng (Nguyễn-phúc-Đỡm) đặt tên theo 4 câu thơ sau đây :

Miên Hoàng Ưng Bửu Vĩnh  
Bảo Quý Định Long Trường  
Hiền Năng Kham Kế Thuật  
Thế Thoại Quốc Gia Xương

Con vua Minh-Mạng, là Thiệu-Trị, lấy họ **Miền** (Miên-Tôn)  
 Con vua Thiệu-Trị, là Tự-Đức, lấy họ **Hồng** (Hồng-Nhiệm)  
 Con nuôi của Tự-Đức, là Đồng-Khánh, lấy họ **Ung** (Ung Kỳ)  
 (Tự Đức không có con)  
 Con vua Đồng-Khánh, là Khải-Định, lấy họ **Bửu** (Bửu Đào)  
 Con vua Khải-Định, là Bảo-Đại, lấy họ **Vĩnh** (Vĩnh Thụy)  
 Con của Bảo-Đại lấy họ **Bảo** (Bảo-Long), v.v...

Về phía Nữ, thì :

**Công-Nữ** ngang hàng với **Hồng** bên phía Nam.  
**Công-tôn-Nữ** ngang hàng với **Ung** bên phía Nam.  
**Công-tằng tôn-Nữ** ngang hàng với **Bửu** bên phía Nam.  
**Công-tằng tôn-Nữ** ngang hàng với **Vĩnh** bên phía Nam.

Cụ **Ung - Bình**, Nhà Thi-sĩ ở Huế, có con trai lấy họ **Bửu** (Bửu-Duyệt chẳng hạn) và con gái lấy họ **Công-tằng tôn-nữ** (Công-tằng tôn-nữ Hỷ-Khương chẳng hạn).

✧ **Bạn Kim Biên, Huế**

● Puits-fontaine : cái giếng mà có máy « bơm » nước lên, có vòi cho nước chảy.  
 ● En notre forêt de Lion = chữ *en* đây không thể thay-thế bằng chữ *dans* được. *En* có nghĩa là « ở nơi trong ».

✧ **Bạn Đoàn-văn-Phước, Huế**

● Monaco không phải là Macao.  
 Monaco là một nước rất nhỏ ở phía Nam nước Pháp.  
 Macao là một hải-cảng thuộc Portugal ở bờ biển tỉnh Quảng Đông của Trung-quốc.  
 ● *Magyar* là tên xứ Hoangrie (Hung-gia-Lợi) *Eire*, là tên chính-thức của Ireland (Ái-nhĩ-Lan, miền Bắc nước Anh)

✧ **Cô Lê-thị-Tuyết, Châu-Đốc.**

Chồng làm giáo-sư tên Nguyễn-văn-A, vợ làm giáo-viên tên Lê-thị-B., vợ có thể in ba loại danh-thiếp :

- 1) Ông và Bà NGUYỄN-VĂN-A. (không cần đề chức tước)
- 2) Bà NGUYỄN-VĂN-A,  
 Nữ Giáo viên.

3) **LÊ-THỊ-B.**

Nữ Giáo-viên.

Danh-thiếp thứ nhất đề gởi đến các bà con và bạn hữu chung của hai vợ chồng.

Danh thiệp thứ hai và thứ ba, đề gởi đến các người quen thuộc riêng trong phạm vi xã-giao của người vợ (phụ-huynh học-sinh, các bạn đồng-nghiệp, v.v...)

★ **O. Lam-Son, Đà Nẵng.**

Quảng-cáo quyền « *Thi nhân V. N.* » do người ta thuê đăng, cũng như các quảng-cáo khác. Chính chúng tôi không hề biết ai xuất bản và đã xuất bản hay chưa (?)

✧ **O. Trịnh-v-Thanh — Nha-Trang.**

- *Comprador* : người Tàu làm trung-gian trong việc mua bán hàng hóa ngoại quốc — (danh-từ espagnol, có nghĩa là người mua. Người Tàu áp-dụng sai nghĩa)
- *Phimosis* : chứng bệnh như ông nói trong thư.  
 (sau cùng có chữ *S*, chứ không phải chữ *e*)
- Thư yêu cầu một cơ-quan nào trả lời về một vấn-đề gì, vẫn dán tem như thường lệ, không nên kèm tem trả lời. Nếu người ta không trả lời, là vì những lý do nào khác.

● Về các đạo Cao-dài và Hoà-Hảo, chúng tôi không tiện viết. Xin ông thông cảm cho.

★ **Bạn Ái-Lan, Đalat**

Chào Bác-sĩ : Bonjour Docteur.  
 Chào Luật-sư : Bonjour Maître.  
 Chào các vị cao cấp quân đội : Bonjour mon Général  
 Bonjour mon Commandant  
 Bonjour mon Capitaine.  
 Chào các vị Tu-sĩ : Bonjour mon Père,  
 Bonjour ma Soeur.

Ngoài các lối chào phân biệt ấy, phải dùng *Monseigneur* :  
 Bonjour Monsieur le Proviseur, Monsieur Le Directeur, v.v...  
 Về đàn bà, nói : Bonjour Madame là đủ rồi.

★ **Bạn Diệp Dung, Phú-Phong, Bình Định**

- Chồng và vợ phải thuộc về hai giòng máu khác nhau mới tốt.

Nếu cùng một loại, thí-dụ như bà con cật ruột, thì không hay : không có sự nầy-nở của trí-óc, và các khả-năng khác thường bị lụn-bại.

● Nói : « Trong dịp đau-đớn này, chúng tôi xin chia buồn », chứ không nói « hơn dịp... »

### \* Em Hồng-Vân, Qui Nhơn

Chữ *etc...*, do chữ *et coetera*, chữ latin, có nghĩa là : và những cái khác... Tiếng Việt nói : vân-vân (v.v...).

### ★ Cô Diệu Thu, Banmêthuột

● Hoa *Tường-vi*, theo chữ Hán chính là *hoa Hồng*, (Roses). Còn hoa *tường-vi*, theo như ở Huế gọi loại hoa hồng, cánh dày, màu đỏ sậm, lá cũng dày và xanh đậm, hoa ra cả chùm trong một cành, đúng tên là *hoa hồng đại* (églantines).

● Trước khi dùng thuốc bổ *Durabolin*, nên hỏi Bác-sĩ.

● Giấc mộng Hoàng-lương (giấc mộng kê vàng) : Sự tích ở đời nhà Đường bên Tàu, có chàng Lư Sanh đi thi bị trượt vô chuổi lúc về buồn ghé một quán trọ. Trong lúc chờ chủ quán nấu nồi kê để dọn chàng ăn, chàng ngủ quên, thấy mình thi đỗ Tiến-sĩ cưới vợ xinh đẹp, giàu sang, được làm quan lớn, đi đánh giặc thắng trận, được thăng quan tiến chức, công danh sự nghiệp vẻ-vang. Sống đến 80 tuổi, có con trai con gái, cháu nội cháu ngoại, đều làm quan lớn cả.

Nhưng khi tỉnh giấc, mới biết đó chỉ là giấc chiêm-bao, và nồi kê của bà chủ quán nấu vẫn chưa chín (kê, là một loại ngũ-cốc, màu vàng).

● *Giấc Nam-Kha*. Cũng đời nhà Đường, có chàng Thuần-vũ Phần nằm chiêm-bao thấy lấy được con gái Vua nước Hòe-An, được làm chức Nam-Kha Thái-thú, công-danh hiển-hách một thời. Đến khi tỉnh dậy, thấy mình đang nằm ngủ dưới góc cây hòe, bên cạnh một ổ kiến đỏ !

*Giấc Nam-Kha khéo bất bình,*

*Bình con mắt dậy, thấy mình tay không !*

### ★ Ô. ô. Đoàn Đôn và Ph. gia Loan, Huế.

● Tổng Thống Eisenhower, hết nhiệm-kỳ là về hưu, chứ không

không làm chức gì trong chính-phủ cả. Tổng-Thống Pháp, Coty, cũng thế.

● O. N. U : Organisation des Nations-Unies

(Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc)

### ☆ Ô. Võ-hữu-Huỳnh, Nha-Trang.

● Ông cứ gửi bản dịch *Lệ Petit Prince* của St Exupéry cho chúng tôi xem, sẽ quyết-định sau.

● Rất tiếc chúng tôi không có thì giờ giao-thiệp với tòa Đại-sứ Pháp về vấn-đề ông nhờ hỏi giùm.

### ★ Ô. Trang-văn-Danh Cao-Lãnh

● Chữ *Quý* : có thể dùng trong các câu ông nói : *quý thông-tư, quý công-văn, quý-thư, v.v...*

● Chữ *Thiêm* chỉ được dùng khi cấp bậc trên ngang khiêm-nhường với cấp bậc dưới :

Thí-dụ : Tỉnh gửi xuống quận, nói : *Thiêm Tòa*. Quận gửi xuống xã : *Thiêm Quận*.

Ông Bộ-trưởng gửi xuống ông Tỉnh-trưởng : *Thiêm-chức, v.v...*

Còn cấp-bậc dưới gửi lên cấp bậc trên mà dùng : « *Thiêm...* » là vô-lẽ.

Quận gửi lên Tỉnh, phải dùng : *Quận chúng tôi...*

Tỉnh gửi lên Bộ : *Tòa chúng tôi...*

### ★ Cô Phan Thị Diệu-Tịnh, 2, Nguyễn Huệ, Thành-Nội, Huế.

● *Mme la Damaisselle de Flandre*

*Damaisselle* là danh-từ thông-dụng thời *Moyen-âge*, để chỉ người vợ của *damaiseau* (*Damaiseau* = cậu Ấm, con của một vị quan-liều quyền quý). *Mme la Damaisselle de Flandre* = Vợ Ấm de Flandre.

● *Mais ne voilà-t-il-pas que maître Coppenole se lève tout à coup...* : « Ne voilà-t-il pas » dùng để diễn tả một hành-động đột ngột có thể gây ra sự ngạc-nhiên cho người ta. Dịch câu trên :

Nhưng kia, ông Coppenole bỗng dựng vụt đứng dậy...

- Je suis décidé à ne plus entendre cela... (V. Hugo)

Theo Văn phạm : décider de (định), se décider à, (quyết-định)  
 Nhưng đây, je suis décidé à = je suis amené à, (việc ấy khiến tôi không muốn nghe nữa)..

- **Cô Vương-ngươn-Đán, Phú-nhuận.**

● Sách Dương-quảng-Hàm nói bài *Cảnh Đền Trấn Võ* là của Hồ-xuân-Hương, sách Hà-như-Chi nói là của bà Huyện Thanh-Quan. Cô hỏi tôi sách nào đáng tin-cậy hơn ? Xin đáp : chẳng sách nào đáng tin-cậy cả, vì chưa có tài-liệu văn-học xác-đáng về bài thơ ấy cũng như nhiều bài thơ khác.

● *Cháy nhà hàng phố, bằng chân như vại*, câu tục-ngữ của miền Bắc; nghĩa là trong lúc cháy nhà hàng-xóm mà mình cứ ngồi xếp bằng, an-tọa như cái vại, (cái chum, cái vò), không lo đi cứu chữa với người ta. Ý nói người ích-kỷ, vô-tình, thản-nhiên giữa nguy-biến ở chung-quanh.

- **Ô. Ph.nguyên-Trưởng, Giáo-viên Giồng-Trôm.**

Những diêm ông thắc-mắc về chuyện *Kiều* cũng có phần đúng. Chúng tôi đồng-ý. Nhưng của hiếm là của quý. Kho-tàng Văn-chương Việt nam có được là bao, chúng ta cũng không nên phê bình quá khắc-khe. Vài trăm năm nữa sẽ có những tác-phẩm có giá-trị hơn nhiều, thì tự-nhiên những áng văn sút kém sẽ không còn địa-vị ưu-tiên nữa.

- ☆ **Ông Tùng-Hương, Quảng Trị**

Nguyễn-Khuyến bị bắt-buộc đến ở nhà Hoàng-cao-Khai, cũng như bị giam lỏng, chứ có phải Nguyễn Khuyến tự ý đến đây châu chực để xin bổng-lộc đâu. Ta nên thông-cảm cho nỗi khổ tâm của nhà Thơ trong hoàn-cảnh lúc bấy giờ.

- ★ **Bạn Hồ-văn-Đông, Phú Thọ**

● Nửa đêm, theo giờ ta hồi xưa là giờ Tý (23g — 1g). Theo giờ mới thì hành sớm hơn một giờ, thì cứ kê sọt lại 1 giờ vậy !

● *Đêm năm canh* = Hồi xưa chia đêm làm 5 canh, là chia đại-khai, mập-mờ thế thôi, chứ không căn cứ vào giờ nào cả. Cứ vào khoảng dờ dề là canh một, đến gà gáy sáng là canh năm.

*Ngày sáu khắc*, cũng đại-dề chia cang như thế.

- ★ **Ô. Thọ-Minh, Marseille, Rue Paradis**

HỎI : « ... *Giang* cũng là sông, *Hà* cũng là sông, mà tại sao lại nói : Bạch-dăng *Giang*, Hát-giang, Cửu-long *Giang*, Dương-từ-*Giang*, Hồng-Hà, Nhị-Hà, Hoàng-Hà, Ngân-Hà ? Tôi hỏi nhiều anh em ở Marseille không ai trả lời được, xin gửi về Saigon nhờ cô Diệu-Huyền thân-ái trả lời giúp. Xin đa tạ ơn cô... »

ĐÁP : *Giang* là sông lớn ; *Hà* là sông nhỏ hơn.

● Quý bạn NGUYỄN - VĂN - THINH, chi y-tế Kiên - Bình, TRÚC-MAI, Giồng Trôm, PHƯƠNG - LAN Thi-Sách, Đalat, LƯU-BÍCH-PHƯƠNG, 457/42 Lê-văn-Duyệt Saigon, TRẦN-LỆTHỦY, Đà-Nẵng.

Xin thành thực cảm ơn thư khen tặng của các bạn

● **Quý bạn gửi bài.** Chúng tôi đã nhận được trong hai tuần này 218 truyện ngắn, thơ, chuyện vui, sưu tầm. Xin đa tạ các bạn đã có nhã-ý gửi về tòa soạn. Chúng tôi đang xem. Trong 3 tháng không đăng, xin coi như không đăng được. Vì nhiều quá, xin miễn cho việc trả lời thư riêng. Đa tạ.

- ★ **Ô. Lê-hữu-Đỗ, Huế.**

Ông cứ tiếp-tục gửi đến tất cả những gì ông muốn nói. Xin ông đừng quên cho địa chỉ rõ-ràng.

## CHIA BUỒN

Được tin Cụ Bà srong-phụ HUỲNH KHẮC THUẬN, nhũ-danh DUƠNG-THỊ-THỂ, Thân-mẫu ông Toà Huỳnh-khắc-Dụng, vừa tạ-thế tại nhà thương Đồn-Đất chiều ngày 24-4-1961, hưởng thọ 84 tuổi. Lễ an-táng đã cử-hành tại Nghĩa Địa Đô-thành.

Trong dịp đau buồn này, chúng tôi xin thành-thật phân-ưu cùng bạn Huỳnh khắ-Dụng và cầu chúc hương hồn cụ bà sớm tiêu điều miễn cực lạc.

NGUYỄN VỸ

và ban biên tập PHỒ THÔNG tạp chí

THUỐC MUỐI SỤI TÂM

**VECENO**

Chuyên trị:  
 BÓN-Ợ CHUA- BUỒN NÔN-ÓI MỬA  
 ẮN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI BUỘT  
 BAO-TỬ CỐ RÚT

CÓ BÁN KHẮP  
 ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

LÀM TRỀ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

*Rất tốt cho:*  
 SẢN-PHỤ, SINH-VIÊN  
 NGƯỜI ĐAU MỐI MẠNH

**HEPATANA**

Pharmacie **TANA**  
 42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**  
 Phát hành lại THUỐC BỔ:

**HUYET-SON-DUONG**

Sở tịch Đại lý  
 và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**  
 4 Đường THUAN-KIEU CHOLON

**MORINDOL**

**T**ẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-  
 bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công  
 nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn  
 thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*.  
 Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

**MORINDA NERVA**

«Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm  
 « bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách  
 « những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu*  
 « (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim  
 « hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không  
 « tỉnh táo (gâtisme) v.v...

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »  
 (B. s. Đặng Văn Hồ)

**COQUELUCHE**

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có  
 thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng  
 nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn  
 mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách  
 điều trị bệnh này.

**HEMOPTYSOL**

Số bệnh *ra máu ở bệnh viện Ngô-Quyền* trong năm thí-  
 nghiệm thuốc này chỉ còn 1.2 phần 10, so sánh với mấy năm trước.

Nếu bệnh *nhờn không còn phải sợ chứng khái huyết* nhờ có  
 thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh  
 nan y.

Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và  
 ở các Dépôts.

**Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quỳnh và 550 E  
 Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.**

## Một cố gắng mới của Hãng B.G.I. X

Kể từ đầu tháng tư 1961, hãng B. G. I. thay thế các loại chai cũ nước ngọt CON CỌP bằng loại chai kiểu mới rất đẹp và hợp-thời : loại chai hình hóa tiên.

Việc thay thế hàng triệu chai là một hy-sinh của hãng B. G. I. mục đích để quý vị vừa được NGON MIỆNG với phẩm chất thượng hảo của nước ngọt CON CỌP và được ĐẸP MẮT vì sự trình-bày tuyệt-mỹ.

Loại chai hình hóa tiên xuất hiện trước hết với nước ngọt XÁ XỊ CON CỌP, thứ giải lao quý vị ưa thích nhất vì tính chất thơm ngon, bổ khỏe và tinh khiết. Ngoài ra, XÁ XỊ CON CỌP còn có những được tính trị liệu rất quý giá như giải cảm, lọc máu, trị chứng suy nhược, trừ tê thấp, trị tiêu chảy, và xưa kia người ta cả quyết là cây xá-xị kỳ diệu có đặc tính trị chứng lao tởn và bệnh phong cùi.

Tinh chế toàn bằng rễ cây xá xị, không pha thêm hương chất giả tạo khiến cho mùi vị hắc và gắt khó uống, XÁ XỊ CON CỌP giữ được hương vị tự nhiên với đầy đủ tinh dược quý giá của xá-xị, nhờ kinh nghiệm của những chuyên viên xuất sắc xử dụng các máy móc tự động tối tân.

Các vị bác sĩ có thể cho bệnh nhân uống xá xị CON CỌP để đỡ khát mệt và ăn biết ngon, các vị đông y sĩ có thể dùng xá xị CON CỌP làm thang cho uống với các thuốc hoàn tán trị cảm mạo, phong thấp hoặc uống với các thuốc hoàn bổ dưỡng, vừa làm cho các thứ thuốc này dễ uống vừa tăng thêm hiệu lực bởi được tính của XÁ XỊ CON CỌP.

Mỗi khi quý vị thấy háo mệt, rức đầu, dạ bụng, dễ bứt đầu, quý vị hãy dùng XÁ XỊ CON CỌP, thứ nước ngọt kỳ diệu có khả năng đem lại cho quý vị Sức Khỏe, sự Vui Tươi và Hăng Hái.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

# HEPATIC

## Ai đau gan?

### NÊN DÙNG THUỐC

# HEPATIC

CƠ BẢN KHÁPH LÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

# HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

# Asphélyne



Đặc biệt trị:  
**SUYỄN**

*Không thua gì  
thuốc ngoại quốc*

**PHARMACIE  
KIM-QUAN  
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH  
SAIGON**

K.D. số 203/HĐKD — Saigon, ngày 11-5-1961  
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon  
Quảng-nhiệm NGUYỄN-VỸ  
Số này phát-hành 20.000 số

Đang in và sẽ phát hành  
cuối tháng 5 - 1961

## ĐỜI THỨC GIẢ

THƠ

của cụ **UNG-BÌNH Thúc-Giạ-Thị**

Sưu tập và trình bày :

Cô **TÔN NỮ HỖ KHƯƠNG** (Huế)

Ấn loát và xuất bản :

**THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN**

231-233, Phạm-ngũ-Lão — Saigon

### THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233 Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

Điện thoại: 25861

Số thương mại: Saigon số 640A

Thương mục kho bạc

Saigon số 9.657

Số Quốc-Gia Danh-Bộ

25	129	54	001
----	-----	----	-----

- ★ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- ★ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đóng sách đẹp.
- ★ Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- ★ Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (etiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Mau đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin dề :

**THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN**